



THE BLADE

One Of America's Great Newspapers



BÍ MẬT CHÔN VÙI
SỰ THẬT TÀN BẠO

HOA MIỆT BẢN TRÍ

TIGER FORCE

BÍ MẬT CHÔN VÙI,
QUÂN GIẾT TÀN ĐÀ



MỤC LỤC

[Một tội ác không thể làm ngơ!](#)

[Giới thiệu](#)

[1 - Mãnh Hổ là gì?](#)

[2 - Lính Mỹ bắt kham thả sức khủng bố tại Cao nguyên Trung phần](#)

[3 - Nỗi đau kéo dài 36 năm sau cơn bắn giết](#)

[4 - Bóng ma quá khứ ám ảnh cựu binh Mãnh Hổ](#)

[5 - Mâu thuẫn trong nội bộ Mãnh Hổ?](#)

[6 - Đi tìm nguyên nhân của tội ác:](#)

[7 - Sự mập mờ trong việc điều tra của Bộ Quốc Phòng từ tố cáo của một nhân chứng](#)

[8 - Có điều tra mà không có công lý](#)

[9 - Biên bản biến mất](#)

[10 - Vụ Mãnh Hổ vẫn chưa có đáp án](#)

[11 - Luật sư quân đội đòi khởi tố tội ác chiến tranh](#)

[12 - Các chuyên gia nói: Khó có khả năng khởi tố](#)

[13 - Cựu binh Mãnh Hổ sẽ bị thẩm vấn về những tội ác năm 1967](#)

[14 - Sớm điều tra Mãnh Hổ có thể đã ngăn chặn được vụ thảm sát Mỹ Lai](#)

[Các nhân vật chính](#)

[Về loạt phóng sự và đội ngũ phóng viên của tờ Blade](#)

[Phụ lục](#)

[Vụ việc luôn canh cánh trong lòng...](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

Một tội ác không thể làm ngo!

(Lời giới thiệu của nhà văn Chu Lai)

Chiến tranh bao giờ cũng là một bi kịch hiểu theo một nghĩa rộng dù ở phía bên này hay ở phía bên kia. Nhưng chiến tranh sẽ là một tội ác không thể dung tha nếu như một trong hai phía lấy dân lành vô tội làm mục tiêu cho hành động giết chóc cuồng điên của mình.

Như tội ác của cái trung đội thám báo ác ôn Mỹ mang tên Mãnh Hổ đã gây ra ở vùng thung lũng Sông Vệ, Quảng Ngãi vào năm 1967 mà cuốn sách in loạt bài phóng sự đã đoạt giải Pulitzer 2004 cao quý của nhóm tác giả Michael D.Sallah, Mitch Weiss, Joe Mahr dưới tiêu đề "*Bí mật chôn vùi, sự thật tàn bạo*" kia là một minh chứng hùng hồn không thể chối cãi.

Đọc xong cuốn sách, tôi tin rằng tất cả những người có lương tri trên trái đất này đều không tránh khỏi rung mình ghê tởm và nổi uất hận sẽ còn ngấm sâu, rất sâu vào đầu óc. Một vùng thung lũng mộng mơ, một rẻo đất tần tảo với những người nông phu lành hiền chỉ biết quanh năm trần lưng ra để kiếm những hạt gạo nhọc nhằn bồng chốc đã trở thành miếng mồi ngon cho chủ trương tìm diệt và huỷ diệt thảm khốc của trung đội này. Được huấn luyện cẩn thận, được trau dồi những lý thuyết man rợ như thời trung cổ, đơn vị thám báo đó nhận lệnh tự do bắn phá, tức là được tự do phạm tội, tự do giết chóc mà bất biết phía trước mũi súng của họ là ai, là đối tượng nào. Giết chóc càng nhiều càng tốt, nổ súng càng nhiều càng hay, miễn là sau mỗi cuộc càn phải có thầy người gục xuống, đổ xuống để trả hận cho những thất bại nhục nhã, đau đặng mà quân đội Mỹ đang phải trả giá trên khắp các mặt trận.

Thế là xong cơn cuồng sát của quỷ dữ, 45 tay súng nguyên là "những binh sĩ dù vào loại xông xáo, dữ tợn nhất được tuyển lựa, được trang bị tận răng" này, thay vì nhiệm vụ chỉ do thám, phát hiện lực lượng đối phương, chỉ là "làm du kích để trị du kích" như chủ trương ban đầu, đã thản nhiên thả hàng loạt tạc đạn vào những căn hầm, biết rằng phía dưới chỉ có người già, đàn bà và trẻ em trong tay không một tắc sắt, để biến chúng thành những mồ chôn tập thể hãi hùng. Đã rượt đuổi nã đạn một cách hừng khoái tột cùng vào sọ những người nông dân cao tuổi đang canh tác trên đồng; đã tra tấn đánh đập, giở trò tùng xẻo, cắt cổ, lột da đầu, cắt tai của những em nhỏ treo lên nòng súng, xâu lại đeo vào cổ như một thú chơi, cắt vào ba lô làm đồ lưu niệm; đã thay phiên nhau hăm hiếp đến chết, cầm cọc vào cửa mình những người phụ nữ chẳng may rơi vào tay họ. Họ đã trở thành một lực lượng tàn sát ghê rợn mà tội ác sau này đã trở thành "Một trong những bí mật chiến tranh đen tối và đáng xấu hổ nhất của nước Mỹ."

Gần 40 năm trôi qua rồi mà những phát hiện của các nhà báo, cái lý do giết người của trung đội đặc nhiệm vào loại con cưng này đúng là vẫn không thể hiểu nổi! Giết vô tội vạ, giết lấy được, giết bằng lý do hoàn toàn nằm ngoài quy luật chiến tranh: Muốn lấy đôi giày tennis trên chân một cậu bé ư? Giết! Muốn bịt tiếng phàn nàn trên miệng một nhà sư ư?

Giết! Giết xong còn gài một trái tạc đạn vào hông nhà sư đó để buộc tội đó chính là một Cộng quân cần phải trừ khử. Muốn lột những chiếc răng vàng trên miệng một nông dân ư? Giết! Giết xong, lấy mũi giày đá văng những chiếc răng đó ra khỏi lợi người đó. Thậm chí giết chỉ để cho đủ con số 327 nào đó, một con số trùng với phiên hiệu của trung đoàn bộ binh!..

Tất cả mọi tội ác mông muội này đều do chính từ miệng những binh sĩ của trung đội Mãnh Hổ nói ra sau khi cùng với năm tháng sám hối họ không thể ngủ yên được với những chính hành động của mình, của cấp chỉ huy, của đồng đội mình. Họ còn đau đớn khẳng định: "Theo lệnh của thượng cấp, thành công của những cuộc tìm diệt này được đo bằng số người bị giết chứ không phải bằng việc có chiếm được những ngôi làng ở đó hay không?" Vậy tổng số, số người chết là bao nhiêu? Con số đó có thể lên đến hàng nhiều trăm người, trong đó có cả những người mất tích mà cho đến nay vẫn chưa có một xác quyết cụ thể. Nhưng có một điều rõ ràng xảy ra rằng, cũng chính những kẻ trong cuộc nói ra, hành động của những tên đồ tể này không hoàn toàn tự phát mà đã có một sự chỉ đạo, gợi ý, khích lệ của một cấp chỉ huy vô hình hay hữu hình nào đó mà cho đến nay họ vẫn không dám hay không chịu thú nhận. Và đáng buồn hơn nữa là ngay cả Bộ chỉ huy quân đội Mỹ cũng bưng bít, làm ngơ đi trước những hành vi sai phạm này mặc dù công luận đã không ít lần nhắc nhở, động chạm đến. Hay nói một cách khác, không thể dừng được, họ buộc phải cho tiến hành những cuộc điều tra nhưng không có công lý, không tuân thủ luật lệ. Phải chăng chính vì vậy mà tội ác càng được thả rộng, nhấn sâu, tội ác sau man rợ hơn tội ác trước. Vụ tàn sát dân thường ở Mỹ Lai, một vụ tàn sát rung động cả lương tri loài người một thời gian sau đó không lâu đã là một minh chứng cho điều đó.

Chiến tranh là một bài toán học búa với những động cơ gây tội ác. Quân đội Mỹ trong chiến tranh xâm lược ở Việt Nam đã gây ra hàng loạt những tội ác mà công ước quốc tế về chiến tranh không cho phép. Nhưng họ vẫn cứ ngang nhiên gây ra. Thời gian có thể xoa mòn đi nhiều chuyện nhưng thời gian không thể làm nhòa đi được những nỗi đau trên các ban thờ mà các bà mẹ, các người vợ, người con phải ngày ngày gánh chịu; gánh chịu đến suốt đời bởi những hành vi sai phạm phi nhân trắng trợn đó. Cũng như cái chất độc da cam kia, lịch sử và con người Việt Nam biết đến bao giờ mới có thể nguôi ngoai đi được một khi nó cứ hiện ra trên các thân thể lở loét, dị dạng được sinh ra. Không bao giờ!

Bí mật chôn vùi, sự thật tàn bạo. Bí mật về tội ác trong 37 tội ác quân đội Mỹ đã phạm phải của trung đội Mãnh Hổ, rất tiếc, sau 38 năm vẫn còn là điều bí mật. Và trong cả cuộc chiến tranh đẫm máu và khốc liệt do Nhà Trắng gây ra, quân đội Mỹ còn có bao nhiêu những đơn vị theo kiểu Mãnh Hổ như thế nữa. Một câu hỏi nhức nhối không chỉ cho lương tri Việt - Mỹ mà còn cho cả loài người. Một câu hỏi trước hết đòi hỏi những người cầm đầu quân đội Mỹ, những người có thẩm quyền trong Nhà Trắng phải trả lời. Bởi cái ác vẫn đang được công khai tồn tại trên hành tinh, sự giết chóc vẫn không ngừng xảy ra ở góc này hay góc khác trên thế giới. Làm rõ vụ Mãnh Hổ là làm rõ công lý và số phận con người một thời và muôn thời. Cái gì đã qua là cho qua. Khép lại quá khứ hướng tới tương lai. Đó là đạo lý, là cách ứng xử mã thượng của người chiến thắng, của dân tộc Việt. Nhưng chính vì cách ứng xử thối nát phẩm chất đông phương ấy mà con người Việt Nam cũng đòi hỏi mọi sự trắng đen phải minh bạch, rõ ràng. Rõ ràng để cảnh tỉnh, để chấm hết một giai đoạn đen tối nhằm hướng tới một tương lai hoà đồng và hợp tác.

Xin cảm ơn những nhà báo dũng cảm và chân chính với loạt phóng sự có sức lay động đến tầng sâu nhất của lương tri con người này.

Hà Nội đầu năm 2005

C.L

Giới thiệu

Bắt đầu từ thượng tuần tháng Mười năm 2003, trên tờ báo The Blade thuộc tiểu bang Ohio, Hoa Kỳ đã xuất hiện loạt bài phóng sự điều tra dưới cái tên "*Bí mật chôn vùi, sự thật tàn bạo*," phơi bày tội ác của một trung đội [a](#) Mỹ dưới tên gọi Mãnh Hổ (Tiger Force) trong việc tàn sát thường dân vô tội Việt Nam vào năm 1967, tâm điểm là tại vùng thung lũng Sông Vệ, Quảng Ngãi. Đó chính là loạt phóng sự đã đoạt giải thưởng Pulitzer 2004, giải thưởng cao quý nhất trong làng báo chí Hoa Kỳ. Michael D. Sallah, Mitch Weiss, và Joe Mahr, ba phóng viên của tờ Blade đã phanh phui những hành vi tàn ác của một đơn vị bộ binh đặc tuyển Hoa Kỳ tham chiến tại Việt Nam: giết hại thường dân và trẻ em không có vũ khí trong một chiến dịch hung bạo kéo dài bảy tháng trời, cũng như việc Quân đội Mỹ đã không ngăn chặn được các hành vi đó ra sao sau khi giới chỉ huy đã được thông báo về chúng. Các phóng viên cũng phát hiện Quân đội Mỹ đã không chịu truy tố các binh lính giết hại thường dân sau khi có cuộc điều tra kéo dài nhất trong lịch sử điều tra tội ác chiến tranh của Hoa Kỳ (1971 - 1975) vốn có kết luận rằng trung đội đó đã phạm những tội ác chiến tranh.

Đây là giải Pulitzer đầu tiên của tờ Blade. "Chúng ta đã thắng!" Ron Royhab, Trưởng ban thời sự đã đồng đặc tuyên bố giữa tiếng reo hò và vỗ tay của mọi người trong phòng tin tại tòa soạn. Sallah, Weiss và Mahr ôm chầm lấy nhau và các đồng nghiệp của họ, rồi nhắc nhở mọi người hãy nhớ đến các nạn nhân của những hành động tàn bạo kia. "Tôi rất vui vì chúng ta đã thắng, nhưng thực sự đây là một chiến thắng đáng buồn," Weiss nói. "Tiger Force đã giết hại người vô tội, cả đàn ông, đàn bà và trẻ em, nhưng những người phạm các hành động đó vẫn không bị trừng phạt."

Các phóng viên của tờ Blade đã điều tra mọi tường trình của chính phủ, phỏng vấn 43 thành viên của Tiger Force (Mãnh Hổ) trước đây, và đến tận Việt Nam hỏi chuyện gia đình các nạn nhân để nhận diện chi tiết mô hình bạo lực của đơn vị ấy trong một giai đoạn bảy tháng trời vào năm 1967. Loạt bài này đã phát hiện ra rằng đơn vị thám báo được huấn luyện cao cấp kia đã giết hại thường dân vô tội, kể cả trẻ em, và giới lãnh đạo Quân đội Mỹ đã biết chuyện ấy nhưng trong một số trường hợp còn khuyến khích các hành động tàn ác kia. Trưởng ban biên tập tin Kurt Franck gọi loạt bài này là "phóng sự theo kiểu cổ," nghĩa là các phóng viên phải khai ra được những tư liệu đã bị chôn vùi hàng hơn 30 năm và phải tìm kiếm các cựu binh chiến tranh Việt Nam để tìm ra sự thật về đơn vị Tiger Force. "Chúng tôi có nghĩa vụ đạo đức phải đăng tải các tin tức này," ông nói. "Nơi mà chính phủ đã chùn bước, thì cũng là nơi mà tờ Blade đi tiếp và kết thúc."



Phút vui mừng chiến thắng của nhóm phóng viên điều tra tại tòa soạn

The Blade.

Phút vui mừng chiến thắng của nhóm phóng viên điều tra tại tòa soạn The Blade.

Các phóng viên không chỉ tường trình các chi tiết bạo hành, mà còn cho thấy những hành vi tàn ác đó đang tiếp tục ám ảnh các cựu chiến binh ra sao sau gần 40 năm. Mặc dù Quân đội Mỹ đã điều tra các hành trạng của đơn vị Tiger Force trong suốt bốn năm rưỡi, đã kết luận rằng có 18 binh sĩ phạm các tội ác chiến tranh, từ tội giết người đến tội làm sai mệnh lệnh, trường hợp này chưa bao giờ lên đến một tòa án quân sự nào và chưa có một ai bị kết án. Ông Royhab, Trưởng ban thời sự, nói rằng các phóng viên đã không hề biết họ sẽ tìm thấy gì khi bắt đầu điều tra hàng nghìn các tư liệu quân sự. Chỉ sau khi họ đã đi không biết hàng bao nhiêu chuyến về thủ đô Washington, đã rà soát kỹ lưỡng các tài liệu tìm thấy, và tìm gặp được các cựu binh, thì sự thật về đơn vị Tiger Force mới bắt đầu lộ rõ. Và người ta bắt đầu nhắc tới vụ Mãnh Hổ như một vụ Mỹ Lai thứ hai trong cuộc chiến Việt Nam.

Nhưng trong vụ Mãnh Hổ, những hành vi tàn bạo đã diễn ra trong hơn bảy tháng liền chứ không chỉ tập trung vào một sự kiện duy nhất như vụ thảm sát tại Mỹ Lai, gây ra một số lượng người chết còn chưa biết hết, có thể hàng nhiều trăm thường dân, theo như lời các binh sĩ và dân làng đang lên tiếng hiện nay. Trong nhiều thập niên, vụ việc này đã bị chôn vùi trong tủ hồ sơ lưu trữ của chính phủ, thậm chí những nhà nghiên cứu lịch sử chiến tranh có uy tín nhất cũng không được biết đến nó. Cho tới hôm nay, tờ Blade sẽ kể ngọn ngành câu chuyện chẳng dễ chịu gì này của trung đội Mãnh Hổ tại Việt Nam 37 năm trước.

1 - Mãnh Hổ là gì?

Đơn vị Mãnh Hổ được thành lập vào mùa thu năm 1965. Đó là một đơn vị thám báo đặc nhiệm được huấn luyện rất kỹ nhằm phát hiện và thông báo vị trí của đối phương cho các lực lượng không quân và bộ binh. Binh sỹ đơn vị này mặc quân phục đặc biệt có vân vằn như da hổ, họ có thể để râu dài, có thể mang theo những vũ khí cá nhân riêng của mình. Khẩu hiệu của đơn vị là “làm du kích để trị du kích.”

Cha đẻ của Mãnh Hổ là một nhân vật gây nhiều tranh cãi: David Hackworth, vốn là một sĩ quan trẻ tuổi đã được tướng Omar Bradley đích thân trao tặng huân chương Sao Bạc vì lòng dũng cảm trong cuộc chiến tranh Triều Tiên vào ngày mùng 6 tháng Hai năm 1951. Ngày mùng 7 tháng Hai năm 1966, viên thiếu tá mới 35 tuổi được trao nhiệm vụ chỉ huy một lực lượng đặc nhiệm mang tên mình - Lực lượng Đặc nhiệm Hackworth, để cứu viện các đơn vị đang bị hỏa lực đối phương phong tỏa. Đó là lần đầu tiên ông ta chỉ huy một trận đánh tại Việt Nam, cũng là bước tiến tự nhiên của một đứa trẻ mồ côi vùng Nam California đã quyết chí theo đường binh nghiệp. Lớn lên cùng một bà già và bố mẹ nuôi, thằng bé ấy lên nhập ngũ từ năm 1946, lúc mới 15 tuổi, sống sót qua bốn lần thương vong ở Triều Tiên, và được huân chương Sao Bạc vì lòng dũng cảm ở đó. Anh lính táo tợn này được lòng các cấp chỉ huy đến mức họ thăng cấp trung úy cho anh ta ngay tại mặt trận và trao quyền chỉ huy riêng một đơn vị đặc công.



Sĩ quan trẻ David Hackworth nhận huân chương Sao Bạc từ tướng Omar Bradley vì sự dũng cảm trong chiến đấu ở Triều Tiên vào ngày 6.2.1951.

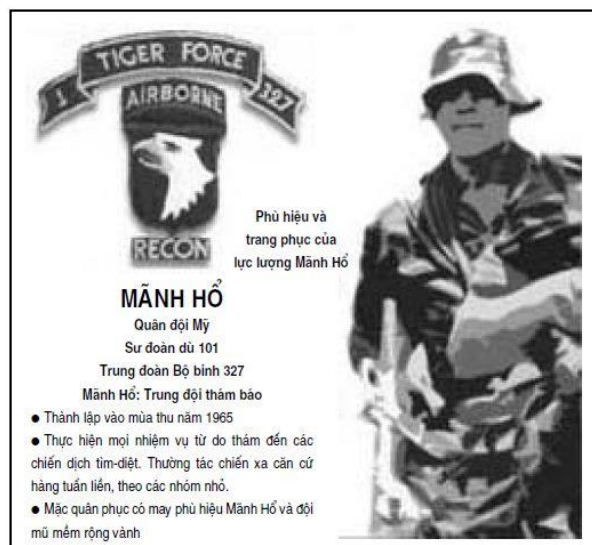
Bốn tháng trước khi thành lập đơn vị đặc nhiệm của mình tại Việt Nam, Hackworth đã trở thành Phó Tư lệnh Tiểu đoàn 1 thuộc Sư đoàn dù 101/Trung đoàn bộ binh 327. Một tháng sau đó, Hackworth giúp thành lập trung đội Mãnh Hổ, rập theo mô hình đơn vị đặc công tại Triều Tiên.

Đó là một kiểu chiến tranh mới, trong đó những đơn vị lớn ém nguyên tại chỗ, còn Mãnh Hổ thì phiên chế theo kiểu có thể chia thành các đội hình nhỏ luồn sâu vào lãnh địa nguy hiểm để “du kích chiến” với các lực lượng du kích của đối phương. Mãnh Hổ cũng là đơn vị ứng cứu đột xuất khi các đơn vị lớn bị rắc rối trên chiến trường. Thiếu tá Hackworth đến với đơn vị ứng cứu đột xuất của mình buổi chiều tháng Hai ấy tại Mỹ Cảnh. Đó sẽ là trận đánh đẫm máu nhất của đơn vị trẻ tuổi cho tới thời điểm đó, vừa góp phần tạo nên hình ảnh

hùng dũng của Mãnh Hổ, vừa dẫn đến những cảm giác đau xót kéo dài nhiều năm trời trong lòng các chiến binh của trung đội này. Hackworth ra lệnh cho chỉ huy của trung đội Mãnh Hổ là Thiếu úy Jim Gardner dẫn quân vượt sông tấn công một địa điểm mà ông nghĩ chỉ có một đơn vị nhỏ của đối phương đóng giữ ở đó. Các binh sỹ Mãnh Hổ lấp lưới lê lên mũi súng trường tự động, vượt qua sông, và tiến công quân đối phương. Nhưng sự việc đã không diễn ra như mong muốn. Quân đối phương rất đông, ẩn nấp trong các cứ điểm được phòng thủ vững chắc, bắt đầu bắn hạ một số quân Mãnh Hổ và phong tỏa số còn lại bằng hỏa lực. Thiếu tá Hackworth điệm đàm với viên thiếu úy, hối thúc tiến công. Mấy phút sau, Thiếu úy Gardner tử trận sau khi ném lựu đạn về phía công sự đối phương, và ngay sau đó số binh lính còn lại của Mãnh Hổ rút lui hết về phòng tuyến của mình. Khi trận đánh đó kết thúc, hầu hết binh sỹ Mãnh Hổ đã bị tử trận hoặc bị thương. Thiếu úy Gardner được truy tặng Huân chương Danh dự, phần thưởng cao quý nhất của Quân đội Mỹ. Sau trận Mỹ Cảnh, nhiều gương mặt mới tìm kiếm sự mạo hiểm đã đổ xô đến thay thế cho những binh sỹ đã chết, đã thương vong, hoặc đã hết hạn một năm quân ngũ của họ. Và Thiếu tá Hackworth tiếp tục chặn dạt đơn vị đó.

Đến tháng Sáu năm 1966, Hackworth đã trở thành Phó Tư lệnh Tiểu đoàn 1/Trung đoàn bộ binh 327, trước khi bước vào một trận đánh lớn gần Đắc Tô trong đó đối phương đã tràn ngập hết cứ điểm của lính Mỹ. Một ngày sau khi cứ điểm của Hackworth suýt nữa bị đối phương chiếm lĩnh, vị chỉ huy của một trong những tiểu đoàn bị thương vong nặng nhất tại Việt Nam đã khích lệ trung đội đặc tuyển của mình tìm diệt quân thù. Trong buổi khích lệ đầy những ngôn từ tục tĩu ấy vào năm 1966, vị chỉ huy này nói mình cần 40 lính “xông xáo, dữ tợn nhất,” và những ai không thể “dữ tợn” như vậy sẽ bị loại khỏi nhóm đặc nhiệm này. Nhóm binh lính đó đã không phụ lòng người chỉ huy của họ. Họ đã tìm diệt kẻ thù, chịu thương vong nặng nề, và được đưa vào danh sách những đơn vị dũng cảm nhất được Tổng thống tưởng thưởng. Nhưng, một năm sau đó, trung đội đặc tuyển ấy, được biết đến với cái tên Mãnh Hổ, vẫn tiếp tục tìm diệt cả những người không phải là kẻ thù.

Còn về Hackworth, được thăng chức và điều chuyển khỏi Việt Nam trước khi trung đội Mãnh Hổ bắt đầu chuỗi hành vi tàn bạo của nó, đã nói không hề nghĩ rằng cái đơn vị mà mình vẫn từng gọi là “bọn nhóc của ta” ấy lại có thể phạm những tội ác mà sau này trở thành một trong những bí mật chiến tranh đen tối nhất của nước Mỹ.



2 - Lính Mỹ bất kham thả sức khủng bố tại Cao nguyên Trung phần⁽⁶⁾

QUẢNG NGÃI, Việt Nam - Với 10 lão nông trên ruộng lúa, không nơi nào có thể ẩn nấp được nữa. Một bên họ là con sông chảy dài, bên kia là núi. Và ở giữa là những binh sỹ đang đến gần - một đơn vị bộ binh Mỹ đặc tuyển có tên Mãnh Hổ. Việc các lão nông không hề mang vũ khí cũng chẳng có ý nghĩa gì: không ai còn có thể yên thân khi lực lượng đặc nhiệm này xuất hiện tại đó ngày 28 tháng Bảy năm 1967. Không ai hết. Đạn đã réo lên, và các lão nông đó, không thể chạy nhanh được dưới ruộng lầy đầy lúa, lần lượt gục ngã. Một vài người đã bị giết, những người khác bị thương. Một vài người sống sót nhờ nằm im dưới bùn. Sau này, bốn binh sỹ đã nhắc lại trận tấn công ấy. “Phải nói ngay rằng chúng tôi biết những lão nông ấy không hề có vũ khí,” một người nói, “nhưng chúng tôi vẫn cứ bắn họ như thường.”



Binh lính Mãnh Hổ tỏa ra tuần tiêu thung lũng Sông Vệ năm

1967 - Ảnh do thành viên trung đội chụp.

Cuộc điều tra kéo dài tám tháng liền của tờ Blade đã cho thấy đơn vị danh giá ấy của chiến cuộc Việt Nam đã tiến hành rất nhiều những cuộc tấn công vô cớ như vậy. Trung đội này - một đơn vị nhỏ chỉ gồm 45 lính dù được huấn luyện kỹ lưỡng nhằm do thám các lực lượng đối phương - đã rơi vào tình trạng hung hãn bất kham trong suốt thời gian từ tháng Năm đến tháng Mười một năm 1967. Trong bảy tháng đó, các binh sỹ Mãnh Hổ đã di chuyển qua Cao nguyên Trung phần, giết hại nhiều thường dân vô tội, nhiều lần tra tấn và tòng xẻo họ, gây nên một làn sóng khủng bố ghê rợn chưa bao giờ được tiết lộ cho công chúng Mỹ biết. Họ thả lựu đạn xuống các căn hầm trú ẩn đầy đàn bà và trẻ em, biến chúng thành các mồ chôn tập thể, và bắn giết thường dân không có vũ khí, ngay cả khi nạn nhân xin họ tha mạng. Họ thường xuyên tra tấn và bắn tù nhân, cắt tai và lột da đầu nạn nhân làm đồ lưu niệm.

Một cuộc nghiên cứu hàng ngàn các tài liệu mật của Quân đội, các hồ sơ lưu trữ quốc gia⁽⁷⁾ và nội dung các cuộc điện đàm đã làm hé mở sự thật về một đơn vị tham chiến có hàng loạt các hành vi tàn bạo kéo dài nhất trong cuộc chiến tại Việt Nam, và về những sỹ quan chỉ huy ngoảnh mặt làm ngơ trước những hành vi ấy. Trong bốn năm rưỡi liền, Quân đội đã điều tra

đơn vị đó, tìm ra nhiều nhân chứng và có đầy đủ bằng cứ của nhiều tội ác chiến tranh. Nhưng kết cục lại không có ai bị truy tố, và vụ việc bị chôn vùi trong kho lưu trữ trong ba thập kỷ. Không ai biết đích xác đã có bao nhiêu đàn ông, đàn bà và trẻ em đã bị trung đội này giết hại cách đây 36 năm. Các hồ sơ cho thấy có ít nhất là 81 thường dân vô tội đã bị bắn hoặc đâm chém cho đến chết, và rất nhiều người khác bị giết hại bằng những hành động vi phạm trắng trợn luật quân sự Mỹ và các Công ước Geneva^[9]. Trên cơ sở của hơn 100 cuộc phỏng vấn mà tờ Blade đã tiến hành với các cựu binh sỹ Mãnh Hổ và thường dân Việt Nam, có thể ước tính trung đội này đã giết hàng nhiều trăm dân thường không có vũ khí trong bảy tháng đó.

“Chúng tôi không ghi chép con số làm gì,” cựu Binh nhất Ken Kerney, hiện là một lính cứu hỏa tại California, nói, “Tôi biết làm như vậy là sai, nhưng lúc bấy giờ đó chỉ là chuyện bình thường.”

Nhiều chi tiết của thời kỳ ấy còn chưa được sáng tỏ. Nhiều hồ sơ bị thất lạc trong kho lưu trữ quốc gia, và nhiều nghi phạm cũng như nhân chứng đã qua đời. Nhiều trường hợp, các binh sỹ vẫn nhớ những hành vi tàn bạo ngày xưa, nhưng không thể nhớ đích xác thời gian và địa điểm của chúng. Nhưng rõ ràng là sau gần 40 năm, nhiều dân làng Việt Nam và cựu binh Mãnh Hổ vẫn còn khủng hoảng tinh thần bởi những vụ giết chóc tàn bạo hồi đó. Rion Causey, 55 tuổi, trước đây là y tá của trung đội và hiện nay là một kỹ sư hạt nhân, nói: “Thật là loạn. 30 năm đã qua, nhưng đến giờ tôi vẫn thắc mắc làm sao một số người vẫn có thể ngủ yên cho được.”

30 năm sau khi các đơn vị tham chiến Mỹ rời khỏi Việt Nam, các lão nông trong thung lũng Sông Vệ vẫn phải sống với những hình ảnh khủng khiếp của các binh sỹ Mãnh Hổ đang tiến vào những làng xóm của họ. Ông Nguyễn Đàm, nay đã 66 tuổi, vẫn còn nhớ đã phải chạy trốn ra sao khi lính Mỹ bắn xối xả vào ruộng lúa trong cái ngày hè năm 1967 ấy. “Đến giờ tôi vẫn còn căm giận,” ông nói, hai tay vung lên. “Chúng tôi không đáng bị như vậy. Chúng tôi là nông dân, không phải lính tráng gì cả. Chúng tôi không làm hại ai hết.”



“Tôi vẫn còn căm giận, Chúng tôi chỉ là nông dân. Chúng tôi không làm hại ai hết.” Đó là lời ông Nguyễn Đàm, 66 tuổi, người đã chạy thoát khi binh sỹ Mãnh Hổ tấn công nông dân trên ruộng lúa trong thung lũng Sông Vệ.

Nhưng một cựu binh Mãnh Hổ vẫn không ân hận gì về những hành vi của trung đội mình. William Doyle, một hạ sỹ quan Mãnh Hổ, nay sống ở Missouri, nói ông ta đã giết nhiều thường dân đến mức không thể nhớ được là bao nhiêu nữa. “Chúng tôi sống ngày nào biết

ngày ấy. Không ai nghĩ mình sẽ sống sót. Chỉ cần biết suy nghĩ một chút là không thể nghĩ đến chuyện sẽ sống sót,” ông nói trong một cuộc phỏng vấn mới đây. “Cho nên ai muốn làm gì thì cứ thể mà làm, nhất là để sống còn. Mà muốn sống thì phải giết vì kẻ đã chết sẽ không còn đe dọa gì được mình nữa.”

Tỉnh Quảng Ngãi trải dài về phía đông, từ các rặng núi xanh tốt ra đến những bãi cát trắng phau lượn dọc bờ biển Nam Hải. Với dân làng, đó là mảnh đất thiêng liêng của tổ tiên để lại, đã được bao nhiêu thế hệ kế tiếp nhau vun trồng. Với các lực lượng Bắc Việt, đó là một đường tiếp tế quan trọng cho các lực lượng du kích đang chiến đấu để thống nhất đất nước. Đối với quân đội Mỹ, đó là một vùng rừng rậm và lũng sông cần phải kiểm soát bằng được để ngăn chặn “con đường thâm nhập của Cộng sản vào miền Nam Việt Nam.” Tướng William Westmoreland, tư lệnh các lực lượng Mỹ tại Việt Nam, đã tổ chức một lực lượng đặc nhiệm vào năm 1967 để kiểm soát tỉnh này. Trong một cuộc giao tranh mà tính chất chủ yếu là chiến thuật đánh du kích dữ dội, lực lượng đặc nhiệm này cần một đơn vị đặc biệt có thể di chuyển mau lẹ trong rừng rậm, tìm kiếm đối phương và bố trí phục kích. Vai trò đó được trao cho đơn vị Mãnh Hổ.

Được coi là một cánh đặc tuyển của Sư đoàn Khinh kị 101, trung đội Mãnh Hổ, được phiên chế năm 1965, thường xuyên xé lẻ thành các toán nhỏ để dò tìm quân đối phương, xuyên qua rừng rậm trong những bộ quân phục màu da hổ và mũ mềm rộng vành, với những khẩu phần đủ cho 30 ngày. Không phải ai cũng vào được trung đội này. Họ phải tình nguyện, đã dày dạn trong chiến đấu, và phải qua sát hạch với một loạt các câu hỏi, trong đó có những câu về nguyện vọng được bắn giết của họ. Đa số thành viên là những lính tình nguyện quê quán ở những thị trấn nhỏ như Rayland (tiểu bang Ohio), Globe (Arizona), và Loretto (Tennessee).

Khi Mãnh Hổ đến Quảng Ngãi ngày mùng 3 tháng Năm năm 1967, họ đã kinh qua những trận đánh dữ dội ở Mỹ Cảnh và Đắc Tô. Nhưng đây là một mảnh đất khác. Gắn bó rất sâu sắc với mảnh đất của mình, người dân Quảng Ngãi có tinh thần độc lập rất mạnh mẽ. Trong một hoàn cảnh không quen thuộc như vậy, mọi thứ bắt đầu trục trặc. Không ai biết chuyện gì đã khởi sự các hành vi dẫn đến cái chết của vô vàn thường dân và tù nhân. Nhưng chỉ chưa đầy một tuần sau khi thiết lập căn cứ tại Quảng Ngãi, các thành viên Mãnh Hổ bắt đầu vi phạm mọi luật lệ chiến tranh. Bắt đầu là với tù nhân.

Trong một cuộc đi tuần buổi sáng ngày mùng 8 tháng Năm năm 1967, binh sỹ phát hiện hai người bị tình nghi là Việt Cộng ở dọc sông Trà Cầu. Một người nhảy xuống nước và trốn thoát qua một đường hầm ngầm dưới sông, còn người kia bị bắt.

Người bị bắt này rất cao to so với tầm vóc trung bình của người Việt Nam, trông giống như một người Trung Quốc. Hai ngày tiếp theo đó, anh ta bị đánh đập tra tấn liên miên. Theo những lời khai của các nhân chứng, đã có lúc binh sỹ Mãnh Hổ bàn nhau xem có nên lấy mìn buộc vào anh ta rồi cho nổ tung hay không. Một cựu binh sỹ, chuyên viên [William Carpenter](#), nói với tờ Blade rằng ông đã cố giữ mạng sống cho người tù, “nhưng tôi biết anh ta đã tận số rồi.” Người tù được lệnh chạy đi vì anh đã được tự do, nhưng sau đó nhiều binh sỹ không rõ danh tính đã nổ súng theo và giết chết anh ta. Lối tra tấn và hành quyết tù nhân như vậy đã trở thành nếp hoạt động hàng ngày của trung đội Mãnh Hổ trong những tháng tiếp theo. Rất nhiều lần, binh sỹ Mãnh Hổ đã nói đến những vụ hành quyết những người

lính bị bắt, nhiều đến nỗi các điều tra viên buộc lòng phải có một con số cho chúng. Nhiều binh sỹ đã cam đoan trong lời khai của họ rằng trong tháng Sáu, Binh nhì Sam Ybarra đã cắt cổ một tù nhân bằng một con dao sẵn trước khi lột da đầu người này rồi treo lên nòng súng. Ybarra không chịu nói về vụ này với các điều tra viên. Nhiều hồ sơ ghi lại việc một tù nhân khác bị ra lệnh phải đào hầm cho đơn vị, sau đó bị đánh bằng xẻng trước khi bị bắn chết. Một y tá đã nói với cha tuyên úy của trung đội về vụ này, và Barry Bowman, cha tuyên úy ngày trước, đã nói trong một cuộc phỏng vấn mới đây rằng “Tôi đã rất bất bình khi thấy người đó phải chết như vậy.”

Một binh sỹ Mãnh Hổ, Chuẩn úy Forrest Miller, đã nói với các điều tra viên rằng việc giết hại tù nhân đã là “luật bất thành văn” của đơn vị. Nhưng các thành viên của đơn vị không phải chỉ hành quyết tù nhân. Họ bắt đầu nhằm bắn những thường dân không hề có vũ khí trong tay.

Tháng Sáu năm 1967, một người già mặc áo choàng đen và có vẻ là một nhà sư đã bị bắn chết sau khi ông phàn nàn với binh sỹ về cách họ đối xử với dân làng. Binh sỹ đã nói với các điều tra viên rằng họ đã buộc một trái lựu đạn vào người ông già này để làm mọi người tưởng ông ta là một du kích quân.

Cùng trong tháng đó, Ybarra bắn chết một cậu bé 15 tuổi gần làng Đức Phổ. Hồ sơ việc này cũng nói rằng Ybarra nói với đồng đội anh ta giết cậu bé đó chỉ vì muốn lấy đôi giày tennis của nó. Đôi giày không vừa, nhưng Ybarra kết thúc vụ đó bằng một việc làm đã trở thành nghi thức của các binh sỹ Mãnh Hổ: anh ta cắt hai tai của cậu bé và bỏ vào một túi đồ ăn.

Trong cuộc điều tra của Quân đội Mỹ, 27 binh sỹ Mãnh Hổ nói việc cắt tai những tử thi Việt Nam đã trở thành một thông lệ, và một lý do là họ nghĩ làm thế sẽ khiến cho người Việt Nam sợ hãi. Các báo cáo điều tra nói binh sỹ Mãnh Hổ xâu nhiều tai người chết bằng dây buộc giày rồi đeo quanh cổ mình như đồ trang sức. Một cựu y tá của trung đội là ông Larry Cottingham khai với các điều tra viên rằng “Đã có một giai đoạn hầu hết mọi người đều có một cái vòng cổ làm bằng tai người chết.”

Hồ sơ điều tra cũng cho thấy binh sỹ còn bắt đầu một việc ghê tởm khác là dùng chân đá văng răng lợi của tử thi ra ngoài để lấy vàng bít trong những chiếc răng ấy.

Dân làng chống lại lệnh di dời đi nơi khác

Với đơn vị Mãnh Hổ, cuộc chiến tại Quảng Ngãi là không thể tiên liệu được. Trong ba tuần đầu của tháng Năm, trung đội thường xuyên bị bắn tía khi đi vào những đường mòn chưa quen thuộc. Đồi và bờ biển đầy rẫy hầm chông tre. Ngày 15 tháng Năm, đơn vị bị một tiểu đoàn đối phương phục kích trong một cuộc đụng độ về sau được gọi là cuộc Thảm sát Ngày chăm sóc các bà Mẹ (Mothers Day Massacre). Từ 11 giờ sáng đến 5 giờ 45 phút chiều, trung đội bị quân đối phương đông áp đảo giam chân trong một thung lũng dưới làn hỏa lực dữ dội. Khi mọi chuyện kết thúc, có hai binh sỹ Mãnh Hổ tử trận và 25 người khác bị thương. Mấy tuần lễ sau đó, trung đội thay đổi hẳn. Một chỉ huy hành quân mới, Trung úy James Hawkins, gia nhập đơn vị cùng với khoảng 20 lính mới. Họ tới khi trung đội đang sắp tiến vào thung lũng Sông Vệ.

Kế hoạch của Quân đội Mỹ là buộc dân làng phải dọn đến những trung tâm lánh nạn để không cho họ trồng lúa nuôi đối phương. Nhưng đó không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Nhiều dân làng không chịu vào các trung tâm này. Ngay trong năm 1967, Bộ Ngoại giao Mỹ đã chỉ trích rằng các trung tâm ấy thiếu lương thực và nhà ở. Chúng bị bao quanh bằng các bức tường bê-tông và dây thép gai, và giống hệt những trại tù. Mặc dù Quân đội Mỹ đã dùng trực thăng thả truyền đơn ra lệnh cho 5000 cư dân ở đó phải dọn đến các trung tâm, nhiều người dân vẫn phớt lờ lệnh này. Theo lời ông Lư Thuận, một lão nông 67 tuổi, nói mới đây, “Mọi người muốn ở lại với đồng ruộng của mình. Họ không về phe nào trong cuộc chiến cả.”

Dân làng và nhiều nhà nghiên cứu lịch sử đều nói rằng thung lũng Sông Vệ không phải là một căn cứ kháng chiến như nhiều vùng khác trong tỉnh Quảng Ngãi. Nó hẻo lánh, và nối với vùng bờ biển đông dân bởi những con đường đất nhỏ hẹp. Như lời ông Lư Thuận, “Chúng tôi chỉ muốn được yên thân.”

Trung úy hành quyết ông già vô tội

Nhưng không ai có thể yên thân được. Thung lũng Sông Vệ, rộng bốn dặm và dài sáu dặm, trở thành trung tâm hành quân của Mãnh Hổ trong hai tháng sau đó. Để dọn quang khu vực đó, binh lính bắt đầu đốt làng để buộc dân chúng phải đi. Nhưng mọi việc không diễn ra như mong muốn. Dân làng bỏ trốn sang các làng khác, hoặc tìm cách ẩn nấp. Với binh lính, thung lũng này bắt đầu trở thành một mảnh đất khó chịu. Ban ngày, họ dồn dân làng để lừa vào các trại tái định cư. Ban đêm, họ chui trong đồn lũy, tránh lựu đạn do đối phương từ trên những trái núi xung quanh ném xuống. Lằn ranh giữa thường dân không chịu di dời và kẻ địch trở nên mờ nhạt.

Một đêm nọ, trung đội bắt gặp một ông lão thợ mộc vừa lội qua khúc Sông Vệ nước nông. Đó là ông Đào Huệ, đã sống trong thung lũng từ nhỏ đến lớn. Ông này đang đi về làng mình theo dọc một lối mòn ven sông mà ông đã thuộc như lòng bàn tay. Nhưng đêm đó, ông không về được đến nhà. Trong cuộc điều tra của Quân đội Mỹ, năm người lính Mãnh Hổ vẫn nhớ như in cảnh ông già này bị bắn chết trong khi đang cầu xin được tha mạng vào đêm ngày 23 tháng Bảy. Cái chết của ông già làm cho cả làng lo sợ, và hàng trăm người sau đó đã bỏ trốn.

Trước đó, cùng ngày, trung đội đã tuần tiểu thung lũng và hạ trại trong một ngôi làng đã bị dân bỏ đi hết, và họ bắt đầu uống bia do trực thăng mang tới. Theo các báo cáo điều tra, đến tối thì nhiều binh sỹ đã say mèm. Tối đến, trung đội nhận được lệnh bất thường: họ phải vượt sông và bố trí phục kích. Những gì xảy ra sau đó là một cuộc đọ súng mà binh sỹ còn thắc mắc mãi ngay cả khi họ đã rời Việt Nam.

Khi vừa lội qua sông, ông lão thợ mộc Đào Huệ đâm sầm ngay vào trung sỹ [\(10\)](#) Leo Heaney và bị anh ta túm ngay lấy bộ râu hoa râm của mình. Ngay lập tức, ông lão 68 tuổi hạ đòn gánh và hai sọt đầy những con ngỗng của mình xuống đất. Theo lời Trung sỹ Heaney khai với các điều tra viên, “Ông ta sợ hãi cuống cuống, chắp hai tay lại và bắt đầu the thé nói rất to, có vẻ là kêu xin tha mạng.” Trung sỹ Heaney cũng nói mình nghĩ rằng ông già ấy không phải là một mối nguy hiểm gì cho trung đội. Trung sỹ Heaney điệu ông già Đào đến chỗ lãnh đạo trung đội là Trung úy Hawkins và Trung sỹ Harold Trout. Các nhân chứng đều nói ông Đào run lấy bầy và vẫn tiếp tục lắp bắp kêu xin rất to.

Lập tức, Trung úy Hawkins bắt đầu lắc ông già rất mạnh và chửi vào mặt ông. Bất thành lĩnh, Trung sỹ Trout đánh ông Đào một cú bằng báng khẩu M-16⁽¹¹⁾ của mình. Ông già gục xuống, người đầy máu.

Trong một lời khai có cam đoan gửi các điều tra viên, chuyên viên Carpenter cho hay ông có nói với Trung úy Hawkins rằng người đàn ông ấy “chỉ là một lão nông, và ông ta không hề có vũ khí.” Nhưng khi y tá Barry Bowman đang định băng bó vết thương trên đầu cho lão nông ấy, Trung úy Hawkins xốc ông già đang quỳ lên và bắn thẳng vào mặt ông bằng khẩu Carbine-15⁽¹²⁾ của mình. Chuyên viên Carpenter viết trong tờ khai: “Ông lão ngã ngửa xuống đất, và Hawkins lại xả đạn vào ông ta. Tôi biết ông lão đã chết rồi vì cả nửa sọ đã bị vỡ toang ngay từ phát đạn đầu tiên.”

Trung úy Hawkins chối tất cả những lời cáo buộc trên trong một cuộc phỏng vấn với các điều tra viên Quân đội ngày 16 tháng Ba năm 1973. Nhưng trong một cuộc phỏng vấn mới đây với tờ Blade, ông ta nhận đã giết lão nông ấy, vì sợ giọng nói the thé của người này sẽ làm đối phương chú ý. “Tôi đã lập tức loại trừ nguy hiểm ấy,” Trung úy Hawkins nói. Nhưng có bốn binh sỹ đã nói với các điều tra viên rằng có nhiều cách khác để làm ông già đó phải im lặng. Mà thực tế là những phát súng kia mới thực sự làm lộ vị trí của đơn vị, và dẫn đến cuộc giao tranh sau đó. Ông Bowman nói: “Không có lý do hợp lý nào để phải giết ông già đó cả.”

Gần 40 năm sau, những dân làng đã tìm thấy thi thể ông Đào kể lại rằng họ biết ngay là ông lão đã bị lính Mỹ giết chết. Người cháu của ông, bà Tám Hậu, nay đã 70 tuổi, là một trong những người đầu tiên nhìn thấy thi thể của bác mình bên bờ sông ngay ngày hôm sau. Cùng với một người khác trong họ là Bùi Quang Trưởng, bà Hậu đã kéo xác của bác mình về làng. “Ông lão bị đạn khắp người,” bà nói, “thật là khủng khiếp, chúng tôi ai cũng đau đớn vì chuyện đó.”

Binh sỹ tăng cường tấn công trong thung lũng

Bốn ngày sau khi ông Đào Huệ bị bắn chết, bốn binh sỹ Mạnh Hồ bị tử thương vì lựu đạn du kích. Trung đội liền trả đũa. Trong 10 ngày sau đó, họ bắn giết bừa bãi trong khắp thung lũng. Khu vực này đã bị tuyên bố là vùng “tự do bắn phá,” nghĩa là binh lính được quyền tấn công đối phương mà không cần phải có lệnh của chỉ huy hoặc sự đồng ý của các quan chức Nam Việt Nam. Nhưng các binh sỹ Mạnh Hồ đã “tự do bắn phá” khu vực này theo nghĩa đen. Họ bắt đầu bắn vào đàn ông, đàn bà, và trẻ em.

Theo biên bản trong hồ sơ điều tra, hai người đàn ông mù dờ lang thang trong thung lũng đã bị lính điệu ra khúc Sông Vệ gần đó và bắn chết. Hai người làng, trong đó có một thiếu niên, bị hành quyết vì không ở trong trại tái định cư.

Ngày 28 tháng Bảy, binh sỹ trung đội nổ súng bắn 10 lão nông đang làm việc ngoài đồng lúa. Hình ảnh các xác chết rải rác trên cánh đồng mạ xanh mướt của làng Vạn Xuân đã hằn sâu trong ký ức của cả các binh sỹ Mạnh Hồ và dân làng này. Dân làng đình ninh họ có đầy đủ lý do để được yên thân. Họ đều đã quá tuổi quân dịch và không công khai đứng về phía nào trong cuộc chiến. Khi tiếng súng ngưng, có bốn người chết và số còn lại đều bị thương trong cuộc tấn công mà như lời của nhiều binh sỹ đã nói với các điều tra viên là không hề có

lý do nào hết. Theo hồ sơ điều tra thì Trung úy Hawkins, viên sỹ quan chỉ huy đội tuần tiểu, là người ra lệnh nổ súng.



Kiều Trác đi qua một ruộng lúa trong thung lũng Sông Vệ, nơi cha ông, Kiêu Công, và những nông phu khác đã bị lính Mãnh Hồ giết hại 36 năm trước đây.

Một dân làng, ông Kiêu Trác, nay đã 72 tuổi, vẫn còn nhớ mọi người đều kinh ngạc khi thấy binh sỹ Mỹ bắt đầu nổ súng vào mình. Ông nói ông đã bắt lực chứng kiến cảnh cha mình ngã gục trên cánh đồng cùng với những người khác. Ông đã phải đợi cho đến tận tối để bò vào khu ruộng mạ ấy tìm xác cha mình. Ông vẫn nhớ như in đã phải lật từng xác người lên một, cho đến khi thấy cha mình là Kiêu Công, lúc ấy 60 tuổi. Ông đã cùng với vợ là Mai Thị Tài đem thi thể cha về làng để mai táng. Thi thể của ba người kia, Lê Mục, Phùng Giang, và một cụ bà trong gia đình họ Trang, về sau được người nhà đem về chôn cất.

Đứng ngay tại nơi cha mình và những người khác đã bị giết, ông Kiêu nói: “Các lão nông ấy không làm điều gì có hại cho ai hết... họ không làm gì các binh sỹ kia, họ chỉ đang cấy lúa. Họ đều nghĩ lính Mỹ sẽ để họ được yên thân.” Một người làng khác, ông Lư Thuận, người đã chứng kiến vụ bắn giết ấy từ trên một sườn núi bên cạnh, nói ông không nhớ đã có bao nhiêu người bị thương. Ông Lư, nay đã 67 tuổi, nói “tôi thấy mấy người bị thương và không thể chạy nhanh được, còn những người khác thì có vẻ như đều đã trúng đạn và chết cả rồi.”

Carpenter, một trong những binh sỹ tham gia cuộc tuần tiểu ấy, nhất quyết rằng mình đã không nổ súng. “Không thể như vậy được,” ông nói trong một cuộc phỏng vấn mới đây, “Tôi đã nhất định không bắn. Những người đó không làm phiền gì đến ai hết.” Ông nói với các điều tra viên rằng khi ấy ông sợ không dám để lộ quan điểm của mình. Một thứ văn hóa của đơn vị đã hình thành và khuyến khích việc bắn giết thường dân, mà các chỉ huy thì thực hành một thứ luật im lặng. Bốn cựu binh sỹ nói họ không báo cáo các hành vi tàn bạo ấy vì họ bị chỉ huy cảnh báo là phải giữ mồm giữ miệng.

Ken Kerney, cựu binh nhất, đã kể lại trong một cuộc phỏng vấn mới đây, một buổi phổ biến mà ông đã phải dự trước khi gia nhập trung đội Mãnh Hồ. “Các sỹ quan chỉ huy bảo tôi rằng: ‘Cái gì diễn ra ở đây thì chỉ ở đây biết thôi. Anh không bao giờ được nói với bất kỳ ai. Nếu chúng tôi biết anh nói, anh sẽ khổ đấy’. Họ không nói sẽ làm gì để tôi phải khổ, nhưng tôi biết. Và thế là ai cũng sợ không dám nói gì hết.”

Những dân làng được phỏng vấn mới đây nói họ đã đào thấy hàng chục khu mồ tập thể sau khi lính Mỹ đã di chuyển qua thung lũng. Ông Nguyễn Đàm, 66 tuổi, vẫn còn nhớ công

việc buồn thảm phải chôn cất thi hài hàng xóm và bạn bè bị bỏ mặc ngoài đồng. “Thậm chí chúng tôi không thể ăn uống gì được vì mùi xác chết ghê quá,” ông nói. “Có những lúc không dám thở nữa. Có quá nhiều người làng bị giết, chúng tôi không thể chôn cất từng người, mà phải táng tất cả vào chung một mồ.”

Trung đội di chuyển lên phía Bắc, tập trung vào việc đếm xác

Nhiều ngày sau cuộc tấn công các lão nông kia, máy bay Mỹ bay đến thung lũng và đổ xuống hàng ngàn gallons thuốc diệt cỏ và làm trụi lá cây để không ai có thể trồng lúa ở đó nữa trong thời gian chiến tranh.

Với Mãnh Hổ, chiến dịch Sông Vệ đã kết thúc.

Ngày mùng 10 tháng Tám, toàn trung đội - được trang bị mới và có thêm viện binh - lên xe tiến đến một khu vực mới khoảng 30 dặm về phía Bắc. Họ vào địa phận tỉnh Quảng Nam, một vùng đất mênh mông toàn rừng rậm nhiệt đới ba tầng cây lá và chằng chịt hệ thống hầm ngầm của đối phương. Nhiệm vụ của họ là kiểm soát tỉnh này, nhưng không theo lối chiếm lĩnh lãnh thổ thông thường. Và trung đội bắt đầu bị lôi kéo vào một lối đánh về sau trở thành câu thần chú của cả cuộc chiến: lối đánh đếm xác. Theo lời khai cam đoan của 11 cựu binh Mãnh Hổ, thành công của lối đánh này được đo bằng số người bị giết, chứ không phải bằng việc có chiếm được ngôi làng đó hay không.

Vào ngày 11 tháng Chín năm đó, quân đội Mỹ đã phát động một chiến dịch có tên là Operation Wheeler (Chiến dịch Bánh xe⁽¹³⁾), mở đầu một trong những giai đoạn đẫm máu nhất của năm 1967. Chỉ huy tiểu đoàn, trong đó có trung đội Mãnh Hổ và ba trung đội khác là Trung tá⁽¹⁴⁾ Gerald Morse, vừa nhậm chức hồi tháng trước. Viên sỹ quan 38 tuổi này được mọi người mô tả là rất hung hăng và xông xáo, cười trực thẳng và giữ liên lạc điện đàm liên tục với các đơn vị dưới quyền mình trong Tiểu đoàn 1, Trung đoàn bộ binh 327.

Vài ngày sau khi nhậm chức chỉ huy, Trung tá Morse đổi tên ba đại đội⁽¹⁵⁾ trong tiểu đoàn mình - một hành động sau này bị các điều tra viên hỏi đến rất nhiều. Các đại đội A, B và C lúc đó được đổi tên thành các đại đội Assassins (Sát thủ), Barbarians (Man rợ), và Cutthroat (Cắt cổ), và đều có biển hiệu rõ ràng treo tại chỉ huy sở đại đội. Còn Trung tá Morse thì có tên là “Ghost Rider” (Kỵ sỹ Hồn ma). Dưới sự chỉ huy của Kỵ sỹ Hồn ma, Mãnh Hổ được khích lệ phải tuần tiễu thật dữ dội hàng chục xóm làng trong tỉnh.

Nhưng chẳng mấy chốc, các binh sỹ thấy ngay rằng đây không còn là Sông Vệ nữa. Khu vực này không những là cứ địa của Việt Cộng, mà còn là đất của một địch thủ được huấn luyện kỹ lưỡng và có kỉ luật rất cao: Sư đoàn 2 bộ binh quân chủ lực. Trước đó, các lực lượng này của đối phương ẩn náu trong dãy núi An Nam, nhưng bây giờ đã di chuyển về phía Chu Lai, một căn cứ lớn của không quân Mỹ và cũng là cứ điểm của Mãnh Hổ và các đơn vị khác.

Đầu tháng Chín, quân đối phương bắt đầu bố trí phục kích lính Mỹ, trong đó có Mãnh Hổ. William Carpenter, cựu chuyên viên của trung đội, hiện sống tại đông bộ tiểu bang Ohio, nhớ lại: “Chẳng mấy chốc chúng tôi thấy mình đã thực sự đối mặt với quân địch. Hầu như ngày nào chúng tôi cũng bị dính đạn.” Trong vòng 18 ngày sau khi đến khu vực hành quân

mới, đã có năm binh sỹ Mãnh Hồ tử trận và 12 binh sỹ khác bị thương trong những trận đánh khiến mọi người đều tức giận và cay đắng.

Theo lời các cựu binh sỹ, trung đội Mãnh Hồ - chia thành từng toán từ bốn đến sáu người - bắt đầu tấn công làng mạc với tinh thần trả thù. Cựu y tá Rion Causey nói trong một cuộc phỏng vấn mới đây rằng “Lúc đó, mọi người đều khát máu, đều nói: Chúng ta sẽ bắt chúng phải đền mạng. Chúng ta sẽ trở lại đó và ăn thua đủ với chúng.” Ông nói ông đã thấy binh sỹ tấn công trả thù vào những thường dân không có vũ khí và không chịu rời nhà vào khu tập trung. “Tôi chưa bao giờ thấy những chuyện như vậy,” ông nói, “Chúng tôi cứ thế xông vào và tiêu diệt dân thường. Mà chuyện đó xảy ra hàng ngày, hết ngày này qua ngày khác.”

Trong một số trường hợp, Quân đội Mỹ có rải truyền đơn vào làng, cảnh cáo dân chúng phải dọn đến các trung tâm tái định cư. Nếu không đi, “họ sẽ bị giết chết,” ông Causey nói. Có năm cựu binh Mãnh Hồ nói với tờ Blade rằng để che giấu những vụ bắn giết ấy, chỉ huy trung đội bắt đầu đếm xác thường dân như xác binh lính đối phương. Tài liệu nhật ký hành quân đã chứng tỏ lời nói của những người này là đúng sự thật.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày 11 tháng Mười một, nhật ký hành quân của trung đội viết họ đã giết được tổng cộng 49 Việt Cộng, nhưng không thu được một thứ vũ khí gì của những người bị giết. Ông Causey còn nhớ một lần điện đàm về cho chỉ huy: “Bảy VC^(a) đang chạy ra khỏi lều. Đã bắn và giết. Mẹ kiếp, chúng nó không chạy thì phải. Cũng không biết có phải là VC không nữa.” Trung sỹ James Barnett nói với các điều tra viên rằng đã có lần ông nêu vấn đề lính Mãnh Hồ đang giết dân thường không có vũ khí với Trung úy Hawkins. “Hawkins bảo tôi không phải lo việc ấy,” ông nói. “Sau này thế nào chúng ta cũng kiếm được vũ khí.”

Hồ sơ của Quân đội ghi nhận rằng trong cơn bắn giết, nhiều binh sỹ đã phạm những hành vi tàn bạo nhất. Một bé gái 13 tuổi bị cắt cổ sau khi đã bị hãm hiếp, và một bà mẹ trẻ bị bắn chết sau khi binh lính đã đốt nhà của bà. Một thiếu niên không vũ khí bị bắn từ sau lưng sau khi trung đội ra lệnh cho cậu ta phải rời làng, và một đứa trẻ bị binh sỹ chặt đầu để lấy vòng cổ.

Trong cuộc điều tra của Quân đội, cựu Binh nhì^(a) Joseph Evans của trung đội Mãnh Hồ đã không chịu để thẩm vấn. Nhưng trong một cuộc phỏng vấn mới đây, ông nói nhiều người dân chạy trốn lính Mỹ trong thời kỳ đó hoàn toàn không phải là mối đe dọa của trung đội. “Họ chạy trốn chỉ vì sợ. Họ sợ. Chúng tôi đã giết rất nhiều người không đáng bị giết.”

Lựu đạn nhắm vào thường dân dưới hầm trú ẩn

Với dân làng, chạy xuống hầm trú ẩn để bảo toàn tính mạng là việc thường ngày. Làng nào cũng có hầm, chống đỡ bằng tre, bằng gạch, và che phủ bằng lá cây và đất.

Khi binh sỹ Mãnh Hồ xuất hiện trên một con đường dẫn vào một làng cách Tam Kỳ chừng 20 dặm về phía Tây, dân làng vội vàng xuống hầm trú ẩn. Những binh sỹ này đã nói với các điều tra viên họ còn nhớ nhìn thấy đàn bà và trẻ em bò xuống hầm qua những cửa thông lên mặt đất. Không ai biết có bao nhiêu người dưới hầm, nhưng điều đó không quan trọng.

Khi binh sỹ đã đến cửa hầm, họ “biết phải làm gì,” như lời Binh nhất Ken Kerney nói với các điều tra viên. Không cần kêu gọi những người dưới hầm, binh lính rút chốt lựu đạn, rời

thả xuống hầm. Suốt đêm hôm đó, binh sỹ đóng trại gần đấy còn nghe tiếng người kêu khóc vẳng lên từ những căn hầm nọ. Nhưng không ai nghĩ đến chuyện cứu giúp gì hết. Với một thành viên trung đội, ông Charles Fulton, đêm đó đã kéo dài mãi. Ông nói với các điều tra viên: “Chúng tôi nghe mãi tiếng người kêu khóc từ phía những hầm trú ẩn đó. Đó là tiếng người đau đớn và kêu cứu. Mặc dù chỉ văng vẳng thôi, nhưng nghe rất rõ.”

Các cựu binh khai rằng cuối cùng thì dân làng đã đích thân bới những xác người dưới hầm lên. Lời khai của các nhân chứng khác cho biết không hề có súng ống gì dưới những căn hầm ấy, và không có bằng chứng gì cho thấy người làng trú ẩn trong đó đã đe dọa lính Mỹ. Ngày hôm sau, binh sỹ Mãnh Hồ vào làng và thấy xác đàn bà và trẻ em xếp đầy hai bên đường.

Hoàn thành mục tiêu 327 tử thi

Càng về cuối chiến dịch Bánh Xe (Operation Wheeler), có động cơ giết người càng mạnh.

Cho đến nay, bảy cựu binh vẫn còn nhớ như in cái ngày họ nhận được một mệnh lệnh qua điện đàm. Một giọng nói qua làn sóng điện đã đưa ra cho họ mục tiêu của tiểu đoàn: chúng ta cần 327 xác chết. Con số này có ý nghĩa vì nó chính là số phiên hiệu của Trung đoàn bộ binh 327. Ba cựu binh khác thề rằng mệnh lệnh đó là của một người tự xưng trên điện đàm là “Kỵ sỹ Hồn Ma” - chính là biệt danh của Đại tá Morse. Hồ sơ điện đàm của bộ binh cho thấy mục tiêu đó đã đạt được: Mãnh Hồ báo cáo xác chết thứ 327 của họ vào ngày 19 tháng Mười một. Trong một cuộc phỏng vấn mới đây, Đại tá Morse, đã giải ngũ từ năm 1979, chối không ra mệnh lệnh đó. Ông nói “vô lý... tôi sẽ không bao giờ làm một chuyện như vậy.” Khi trả lời các câu hỏi của điều tra viên Quân đội, cựu Binh nhất John Colligan nói quả thật có mệnh lệnh này. Hơn thế nữa, ông nói, binh sỹ nào đạt được mục tiêu ấy “sẽ còn được thưởng công lao.” Trung sỹ Barnett khẳng định với các điều tra viên rằng ông có nghe rõ mệnh lệnh đó trên sóng điện đàm và người ra lệnh có tự xưng là “Kỵ sỹ Hồn ma.” Ba cựu binh khác, trong các cuộc phỏng vấn gần đây, nói mục tiêu ấy đạt được một phần là do việc giết hại thường dân.

Số lượng người bị giết vẫn còn là một bí mật

Không ai biết rõ bao nhiêu thường dân vô tội đã bị Mãnh Hồ giết hại từ tháng Năm đến tháng Mười một năm 1967.

Trong một cuộc phỏng vấn mới đây, cựu y tá Rion Causey nói chỉ trong một tháng, trung đội đã giết 120 dân làng. Cựu y tá Harold Fischer nhớ như in rằng hầu hết binh sỹ trong trung đội đều “bắn vào người dân một cách vô tội vạ.” Ông nói “Chúng tôi vào làng và cứ thế bắn tất. Chúng tôi không cần có lý do gì hết. Hễ ai ở đó là sẽ phải chết.” Trong khi Quân đội đã có đầy đủ chứng cứ của 20 tội ác chiến tranh để buộc tội 18 binh sỹ Mãnh Hồ, các cuộc phỏng vấn do tờ Blade tiến hành với các cựu binh đã tiết lộ 11 tội trạng khác, trong đó có các vụ sau:

- Hai ông già vô cố bị giết trong một ấp gần Tam Kỳ. Một người bị chặt đầu, và người kia thì bị thương nặng và y tá Barry Bowman đã bắn chết ông ta. Cựu y tá này nói ông làm vậy để chấm dứt đau đớn cho nạn nhân.

- Một ông già bị Binh nhất Colligan bắn chết gần Chu Lai. Theo lời cựu y tá Fischer, Binh nhất Colligan chỉ muốn thử khẩu súng ngắn 38 li trên một mục tiêu sống đang di động.

- Cựu Binh nhất Douglas Teeters nói binh sỹ Mãnh Hồ đã bắn chết nhiều dân làng ở một thôn xóm gần Chu Lai. Những người dân này đang cầm truyền đơn vẫy các binh sỹ để xin được đi tái định cư, nhưng đột nhiên đối phương phát hỏa từ một hướng khác và bắn vào trung đội, và lập tức binh sỹ nổ súng bắn tất cả những ai có mặt ở đó. “Chúng tôi giết một đồng người. Tôi không nhớ là bao nhiêu,” Douglas nói. “Nhưng tôi nhớ sau đó chúng tôi cứ báo cáo là những người chết ấy đều là VC, mặc dù biết rằng không phải tất cả họ đều là VC.” Hầu hết binh sỹ đều im lặng, ngay cả khi họ không tham dự các cuộc bắn giết đó. Trong một cuộc phỏng vấn gần đây, Kerney nói “Hãy nhớ rằng trong rừng rậm ở đó không hề có cảnh sát. Không hề có quan tòa. Không hề có luật lệ và trật tự. Hễ khi nào có ai muốn làm chuyện gì, thì họ cứ việc làm. Không ai cản họ hết.” “Thế là chúng tôi cứ mặc kệ. Chúng tôi nhìn đi chỗ khác. Nghĩ lại thật là kinh khủng. Lẽ ra chúng tôi phải lên tiếng. Nhưng lúc bấy giờ, tâm lý của mọi người đều nghĩ những việc đó cũng chẳng có gì, O.K cả. Nhưng thực sự không O.K chút nào. Thật buồn thảm.”

Cuộc chiến đổi chiều buộc binh sỹ phải về thế phòng thủ

Đến cuối tháng Mười một thì chiến dịch kéo dài ấy kết thúc.



Trung sỹ William Doyle, người đứng giữa và đội mũ mềm, được thưởng huân chương tại Phan Rang trong tháng 11, 1967. Doyle đã công nhận có giết hại dân thường Việt Nam.

Trong một câu chuyện đăng trên tờ Sao và Vạch (Stars and Stripes) của bộ binh Mỹ, Sam Ybarra của trung đội Mãnh Hồ được tuyên dương vì đã giết người thứ 1000 trong Chiến dịch Bánh Xe.

Trong một buổi lễ tại căn cứ Phan Rang ngày 27 tháng Mười một năm 1967, người ta gắn huy chương lên ngực các binh sỹ Mãnh Hồ, kể cả Trung sỹ Doyle, người đã ra lệnh hành quyết một nông phu trong khi hành quân. Những tuần sau đó, Mãnh Hồ rời khỏi Cao nguyên Trung phần. Đầu năm 1968, cuộc chiến đã thay đổi. Đối phương khởi sự chiến dịch riêng của họ - cuộc tiến công TẾT MẬU THÂN, đánh đồng loạt vào hơn 100 làng mạc và thành phố ở miền Nam Việt Nam.

Mãnh Hồ được điều đi phòng giữ một cứ điểm ở gần Campuchia.

Với y tá Rion Causey, chiến tranh không còn là việc giết hại dân thường nữa mà là bảo vệ các cứ điểm của Mỹ khi đối phương đang tiến về phía Sài Gòn. Khi cứ điểm bị đánh chiếm và binh sỹ Mỹ tử trận, ông đã đi đến một kết luận bi thảm rằng “Cách duy nhất để ra khỏi Mãnh Hồ là bị thương hoặc bị giết.”

Ông đã nghĩ đúng. Ngày mùng 6 tháng Ba năm 1968, ông bị trúng thương, và khi được khiêng lên trực thăng, ông còn nhớ đã quay xuống nhìn các binh sỹ Mãnh Hồ vẫn còn ở dưới đất. “Tôi nhớ đã tự nhủ đại loại rằng xin Thượng đế cứu vớt lấy họ, dù họ đã làm gì, xin Thượng đế hãy cứu giúp họ.”

3 - Nỗi đau kéo dài 36 năm sau cơn bắn giết

Năm 1967 không bao giờ phai nhạt trong kí ức của người dân Sông Vê

SÔNG VÊ, Việt Nam - Khói hương bay quanh trên ngôi mộ khi bà Tám Hậu quỳ gối trên nắm cỏ xanh. Hai tay run rẩy, bà lặng lẽ cầu nguyện cho người bác đã tình cờ gặp phải binh sỹ Mỹ từ rất lâu rồi. Cũng như bao nhiêu người khác, ông đã không thể sống sót. Bị đạn _băm nát, thi thể của ông Đào Huệ đã được tìm thấy gần sông, cách túp lều ông vẫn sống với cháu mình khoảng một dặm. Người thợ mộc già ấy là một trong những thường dân đầu tiên bị binh sỹ Mãnh Hồ giết hại trong một chuỗi những hành vi tàn bạo đã làm thay đổi mãi mãi vùng thung lũng Sông Vê.



Bà Tám Hậu châm hương trước khi quì lễ bên nắm mồ của

bác mình là Đào Huệ, người đã bị một sỹ quan Mãnh Hồ giết hại.

Vết tích ở khắp nơi: những nắm mồ vô danh dọc theo những đường mòn, khúc sông quanh nơi người làng đã cố ẩn náu tránh binh lính, cánh đồng lúa nơi người ta đã phải kéo những xác chết lên khỏi bùn. Những câu chuyện binh lính bắn giết dân làng trong mùa hè năm 1967 được người ta kể lại ở trường học, đình làng, và những kì giỗ chạp. Người già vẫn còn tả lại cảnh trực thăng thả truyền đơn cảnh báo mọi người phải dọn vào trại tái định cư. Rồi chỉ ít hôm sau, binh lính đeo “phù hiệu gà,” tức là binh phù hình chim ưng của Sư đoàn dù 101 trên quân phục lính Mãnh Hồ, đã tới lừa dân ra khỏi nhà, tịch thu lương thực, và châm lửa đốt làng. Và sáu tuần lễ tiếp theo đó, những binh lính đó đã giết không biết bao nhiêu người không chịu vào trại tập trung, theo như phát hiện của tờ Blade sau khi đã nghiên cứu hồ sơ biên bản của Quân đội và phỏng vấn hơn 100 cựu binh Mãnh Hồ và dân làng Việt Nam.

Cho đến nay, những vụ bắn giết đó vẫn còn gây căm giận cho những người sống sót, và nhiều người đang lên tiếng đòi truy tố thủ phạm. “Những kẻ gây ra các tội ác đó cần phải chịu trách nhiệm,” Võ Thành Tiến, một cán bộ địa phương 50 tuổi, nói. “Chúng đã tàn hại cuộc sống của người dân sống dọc con sông này.” Các hành vi tàn bạo đã diễn ra suốt bảy tháng trời, từ tháng Năm đến tháng Mười một năm 1967, và một phần ba trong số đó là ở thung lũng này thuộc tỉnh Quảng Ngãi, một nơi hẻo lánh và cách biệt đến mức hiệu quả của

chúng vẫn còn thấy rõ sau nhiều thập niên. Nhiều dân làng nói họ vẫn còn nhớ rõ về những hành vi của binh lính vi phạm luật chiến tranh. Bà Tám, nay đã 70 tuổi, vừa chỉ vào bụng mình vừa nói: “Sau hơn 30 năm mà còn đau quận lòng. Tôi vẫn tự hỏi làm sao mà bác tôi phải chết. Ông ấy đâu có làm gì nên tội.”

Cái chết ấy vẫn được mọi người nhớ rõ tại Hạnh Tín, một xóm toàn những túp nhà tranh và nhà đắp đất thó, với những lối mòn nhỏ và trâu bò thả rông. Hàng ngày, dân trong xóm ra đồng cày cấy và trẻ em đến trường, ai cũng đi ngang nắm mồ ông Đào Huệ ở ngay ven đường. Người già trong làng nói họ vẫn không hiểu tại sao người thợ mộc vẫn giúp họ làm nhà lại bị giết hại. “Ông lão có làm gì đâu,” Lư Thuận, 67 tuổi, nói, “Thế mà họ bắn ông ấy. Không có lí do gì cả. Tuyệt nhiên không.”



Lư Thuận, 28 tuổi, con trai một người sống sót cùng tên trong thung lũng Sông Vệ, nói anh và bạn bè chỉ muốn sống hòa bình, còn cháu anh, Lư Hiền, có vẽ đồng tình bằng cách làm dấu hiệu biểu tượng hòa bình.

Dân làng vẫn nói đến những người “mất tích”

Làn sương mù bao trùm thung lũng Sông Vệ đã tan đi, để lộ một dải những mảnh ruộng lúa xanh mướt. Võ Tài Cẩn, 12 tuổi, và hai người bạn khác không còn an toàn được nữa.

Họ đã cố ẩn náu để khỏi bị lính bắt vào trại tái định cư. Còn bây giờ thì họ đã bị Mạnh Hồ nhìn thấy. Chỉ mấy phút sau, họ bị bắt. Cậu bé 12 tuổi bị trực thăng đưa đi, còn hai bạn đồng hành, hai thanh niên khiêm thị trong độ tuổi 20, bị dẫn ra một mảnh ruộng. Hồ sơ Quân đội Mỹ viết rằng họ bị hành quyết ngay tại chỗ đó, xác bị ném xuống hố và không được chôn gì hết. Hai người đó thuộc số rất nhiều thường dân đã bị giết trong thung lũng vì không tuân lệnh di cư. 36 năm sau, không ai biết rõ bao nhiêu người đã bị trung đội Mạnh Hồ hành quyết vì không chịu rời khỏi nhà cửa của họ. Trong số khoảng 5000 người sống tại thung lũng trong năm 1967, một số đã trốn chạy lên núi, số còn lại bị dồn vào các trại tái định cư. Còn hàng trăm người khác vẫn bị coi là mất tích. Dân làng vẫn biết rõ tên tuổi và nơi ở của những người này trước đây, nhưng tung tích của họ vẫn còn là điều bí ẩn. Mãi đến khi chiến tranh đã chấm dứt, dân làng mới bắt đầu nhận ra rằng nhiều người trong số đó sẽ không bao giờ trở về nữa. Trong đó có Võ Tài Cẩn.

Theo lời ông Nguyễn Đàm, 66 tuổi, một lão nông trong làng, thì ngay sau khi bị bắt, cậu bé Cẩn có nụ cười rộng mở và thường chạy chơi trên các lối mòn của làng Vạn Xuân, đã bị đưa

về một trại tái định cư. Nhưng sau chiến tranh, không ai thấy cậu trong thung lũng nữa. Như một thành viên của thể hệ bị mất mát, “Nó đã biến mất rồi,” ông Đàm nói. “Không ai biết nó đi đâu.” Có người nói cậu bé bị đưa vào trại Nghĩa Hạnh, có tường bê-tông và rào kẽm gai vây quanh. Ông Đàm nói có lẽ ông là người cuối cùng trong thung lũng nhìn thấy Cẩn lúc cậu bị đem ra trực thăng đưa đi nơi khác. Sau đó, sợ bị giết, ông Đàm đã trốn vào núi.

Với nhiều người, chiến tranh nghĩa là tấn công nông dân

Các gia đình sống rải rác dọc thung lũng có nhiều giấy khai tử mang tên những người đã bị lính Mãnh Hồ giết hại trong mùa hè năm 1967. Với Kiều Trác, tấm giấy đó nhắc ông nhớ đến ngày cuối cùng của cha mình. Ông cụ là một trong số 10 lão nông đang làm việc ngoài đồng khi binh lính Mãnh Hồ nổ súng vào họ và giết chết bốn người.

Nhiều năm sau, vụ tấn công ngày 28 tháng Bảy ấy đã trở thành điển hình cho những năm chiến tranh đối với người dân Sông Vệ. Hàng năm, thân quyến cầu nguyện cho các nạn nhân trong các nghi lễ Phật giáo và thắp hương nến tại mộ phần họ. Dân làng nói vụ tấn công ấy đã trở thành hành vi tàn bạo rõ rệt nhất trong năm 1967, và cứ hễ nói đến chiến tranh là họ nhắc ngay đến nó. Đó là lần cuối cùng người ta dám cấy lúa công khai trong suốt cuộc chiến. Nhưng không phải chỉ có việc đồng áng bị ảnh hưởng, mà toàn bộ cuộc sống của họ đã thay đổi hoàn toàn. Đột nhiên, Kiều Trác trở thành chủ gia đình, phải lo cho mẹ, bốn anh chị em, và cả gia đình riêng mới có của mình. “Cuộc sống khó khăn hẳn đi,” ông Kiều, nay đã 72 tuổi, nói. Một trận tấn công tàn bạo, và thế là ông đã buộc phải nhận hết trách nhiệm gia đình vào mình cho đến tận hôm nay. Năm nào cũng vậy, ông tập hợp cả nhà - 16 người, sống chung trong một căn nhà làm bằng cả bê-tông và tre nứa, để nhắc mọi người nhớ đến người cha đã dạy ông nghề đồng áng. Kiều Công là một ông chủ gia đình hiền lành thường làm lụng cả ngày ngoài đồng, rất ít khi có thời gian cho năm đứa con nhỏ. Nhưng khi đã về nhà, ông thường ngồi với con và khuyên dạy chúng về một cuộc sống có đạo nghĩa. “Cụ dạy tôi không được trộm cắp,” Kiều Trác nói, mắt ướt lệ. “Cụ dạy tôi phải tránh những điều xấu ở đời.” Cha ông không tham gia du kích. Trầm ngâm nhìn lên bàn thờ nghi ngút khói hương trong gian phòng chật chội của mình, ông chỉ vào tên của cha ở trên tường và nói, “Ông cụ chỉ muốn làm ruộng.” Cuộc bắn giết năm 1967 đã mãi mãi biến đổi cuộc sống ở đây.

Trong thung lũng, một phần của một thể hệ đã trưởng thành mà không có bố mẹ và ông bà. Gia đình nào cũng có một câu chuyện. Lính bắn người đang làm đồng. Lính bắn các cụ già ở rìa làng. Lính bắn ông lão ở gần khúc sông quanh.

“Biết bao nhiêu người đã chết,” chủ tịch xã Võ Thành Tiến nói. Đó là lí do tại sao ông và nhiều người khác đều nói chính phủ Mỹ và chính phủ Việt Nam cần điều tra các hành động tàn bạo đã diễn ra trong thung lũng gần 40 năm về trước. Ông Võ và những người khác nói họ muốn biết tại sao Quân đội Mỹ đã để binh lính làm càn như vậy, nhất là đối với những thường dân.

Theo các sử gia Việt Nam, không như những khu vực khác trong tỉnh Quảng Ngãi, thung lũng Sông Vệ, nối với bờ biển bằng những con đường đất ngoằn ngoèo, không phải là một cứ địa kháng chiến. Trải nhiều thế kỷ, lưu vực màu mỡ đó đã có cư dân sinh sống bằng lúa nước. Lư Thuận, người đã trốn tránh trong núi, nói “Dân ở đây không làm gì khác hết.”

Ông Võ nói những vụ tấn công dân thường trong thời gian từ tháng Sáu đến tháng Tám năm 1967, là những tội ác chiến tranh mà người Mỹ không chịu công nhận. Ông nói “Chúng tôi nghĩ chính phủ Mỹ nên có trách nhiệm nhìn nhận lại những gì đã xảy ra trong chiến tranh đối với người dân ở đây.” Các hồ sơ trong kho Lưu trữ Quốc gia - chủ yếu là những báo cáo của tiểu đoàn trong năm 1967, cũng không cho thấy dân làng Sông Vệ có thù địch gì với lính Mỹ. Cựu binh Mãnh Hồ nói nhiệm vụ của họ là ngăn chặn việc đồng áng ở Sông Vệ để làm mất nguồn lương thực tiềm tàng của Việt Cộng.

Trong cuộc điều tra kéo dài bốn năm rưỡi của Quân đội - từ năm 1971 đến năm 1975, 14 binh sỹ nói họ đã chứng kiến hoặc tham gia các vụ bắn giết ít nhất là chín dân làng không có vũ khí trong thung lũng. Nhưng đó chỉ là những trường hợp được ghi nhận trong báo cáo.

Trong những phỏng vấn mới đây với tờ Blade, nhiều cựu binh Mãnh Hồ nói họ đã bắn nhiều dân làng mà không bao giờ đếm xác những người đó. Nhiều vụ tấn công được tiến hành sau khi thung lũng đó được tuyên bố là vùng “bắn phá tự do,” một định nghĩa quân sự mà binh lính hiểu là họ có thể tha hồ bắn vào thường dân không có vũ khí. Thực ra, định nghĩa đó chỉ cho phép binh lính tấn công khi họ bị bắn mà không cần xin phép chỉ huy, và chỉ được bắn vào quân địch chứ không phải vào dân thường.

Nhiều cựu binh Mãnh Hồ cũng nói không có biên bản nào theo dõi số người đã bị đơn vị giết chết trong thung lũng Sông Vệ. Cựu Trung sỹ William Doyle, một toán trưởng trong trung đội, nói “Chúng tôi giết bất kì cái gì biết đi, bất kể là thường dân hay là không. Chúng không được có mặt ở đó.”

Với thanh niên trong thung lũng, vẫn còn nhiều câu hỏi quanh vấn đề tại sao lính Mỹ lại giết nhiều dân làng đến thế. Cháu gái một nông dân đã bị lính Mãnh Hồ bắn chết nói cô vẫn còn hoang mang về cái chết của ông mình. Kiều Thị Lan, 29 tuổi, một cô giáo nhà trẻ, nói: “Ông cụ chỉ là thường dân, chỉ là một nông dân.”



Chị Nguyễn Thị Quế, sống và làm việc tại thung lũng Sông Vệ, mới được sáu tháng tuổi khi mẹ chị bị một lính Mỹ giết chết hồi năm 1967. Sự việc xảy ra lúc chị chưa có kí ức, nhưng nỗi đau mất mẹ chưa bao giờ nguôi trong lòng chị.

Hàng xóm của cô là chị Nguyễn Thị Quế, 37 tuổi, thì được họ hàng kể cho biết về cái chết của mẹ mình. Chị nói lúc mẹ chị bị một lính Mỹ bắn chết và bỏ xác trong hầm thì chị mới có sáu tháng tuổi. “Mỗi lần nghĩ đến mẹ, tôi lại thấy uất giận những tên lính Mỹ đã giết bà.” Là một bà mẹ có ba con, chị nói chị thường nghĩ đời chị sẽ khác biết bao nếu mẹ còn sống. “Thấy bạn bè còn mẹ, tôi buồn lắm,” chị nói khi đứng bên ruộng lúa, đưa con gái chín tuổi đang chơi bên cạnh. Ngay các bà lão đã sống sót qua chiến tranh cũng nói họ không thể giải

đáp những thắc mắc ấy. Quì bên nắm mộ của bác mình, bà Tám Hậu chậm chậm lắc đầu khi nhắc đến người quá cố Đào Huệ, một người góa vợ không con. Ông lão 68 tuổi ấy đang gánh ngỗng về nhà mình sau khi đã lội qua khúc sông nước cạn và đã bị một trung úy Mạnh Hồ bắn chết. “Tội nghiệp ông cụ,” bà Tám nói. “Ông cụ thật tốt bụng, chẳng hại ai bao giờ. Tại sao chúng lại làm vậy với ông?”

4 - Bóng ma quá khứ ám ảnh cựu binh Mãnh Hồ

Với Barry Bowman, những hình ảnh ấy đêm nào cũng hiện về.

Ông lão đang quỳ dưới đất. Viên sỹ quan gí nòng súng trường vào đầu ông lão.

Phát súng nổ. Cái phát súng chát chúa ấy. Trước khi chết hẳn, ông lão đổ sập xuống đất, mình mẩy quần quai trên cỏ đầm máu. Hết đêm này đến đêm khác, Bowman sống lại cảnh hành quyết người dân làng có tên Đào Huệ. Đã điều trị nhiều năm ròng, nhưng người cựu binh Mãnh Hồ này vẫn hoảng hốt tận tâm can vì vụ bắn giết tàn bạo mà mình đã chứng kiến khi còn là một y tá trẻ tuổi trong thung lũng Sông Vệ. Và ông không phải là kẻ duy nhất phải chịu cực hình đó.

Trong số 43 cựu binh Mãnh Hồ được tờ Blade phỏng vấn trong một cuộc điều tra kéo dài tám tháng, có hàng chục người đã bày tỏ sự hối hận vì đã tham gia hoặc không ngăn chặn được những hành vi tàn bạo của trung đội họ. Họ đều có những triệu chứng giống nhau: những ác mộng và ám ảnh của quá khứ, và đã phải tìm sự giúp đỡ của các bác sỹ tâm lý trong suốt 36 năm qua. Có chín người đã được khẳng định mắc chứng hoảng loạn sau chấn thương, một tình trạng tâm lý do hậu quả của những trải nghiệm đe dọa đến tính mạng. Cho đến nay, họ vẫn còn vật lộn với những kí ức về cuộc bắn giết bừa bãi của Mãnh Hồ qua hơn 40 xóm làng tại Cao nguyên Trung phần Nam Việt Nam trong năm 1967. Bowman, người đã đứng ngay cạnh ông Đào khi ông này bị một sỹ quan chỉ huy trung đội bắn chết, nói ông vẫn còn rùng mình trước cảnh tượng vô cớ giết hại ông lão 68 tuổi đang van xin tha mạng đó. “Thật kinh hoàng,” Bowman nói.

Với nhiều người, những hình ảnh ấy không bao giờ phai nhạt. Khi Douglas Teeters nhắm mắt lại, ông lại thấy những dân làng bị bắn chết khi họ đang vẫy những tờ truyền đơn tưởng rằng có thể đảm bảo an toàn cho mình. Douglas nói ông phải dùng thuốc an thần và thuốc ngủ, nhưng không khi nào cảm thấy yên lòng. Ông là một trong số một phần sáu cựu binh Mỹ ở Việt Nam (khoảng 500.000 người) đã phải điều trị chứng hoảng loạn sau chấn thương. Hầu hết những ai đã khắc phục được chứng bệnh trên mới có thể nhắc lại những sự việc khủng khiếp mà không bị chấn động. Bệnh nhân càng làm chủ được cuộc sống thì những cơn ác mộng của họ càng ít đi. Nhưng các bác sỹ nói bệnh này phức tạp hơn nhiều ở những người đã phạm những hành vi tàn bạo, hoặc biết mà không ngăn chặn được những hành vi đó. Theo lời bác sỹ Dewleen Baker, giám đốc một bệnh viện chuyên điều trị chứng hoảng loạn sau chấn thương, thì ngoài tình trạng tinh thần bị chấn động, những người này còn bị một ý thức tội lỗi thường xuyên ám ảnh khiến cho những cảm giác sợ hãi và cách biệt sâu sắc càng thêm phức tạp. Bác sỹ Baker nói “Đó là một tầng ý thức nữa cần phải được điều trị. Không dễ dàng chút nào. Làm sao có thể hóa giải việc giết hại dân vô tội? Cho dù đối tượng có hẳn một hệ giá trị của riêng mình, điều này cũng rất khó được hóa giải.” Theo lời bác sỹ David Manier, một giáo sư tâm lý học tại Đại học thành phố New York đã điều trị chứng

hoảng loạn sau chấn thương cho nhiều cựu binh, thì đôi khi, bệnh nhân có tâm lí dao động giữa một bên là cố biện hộ cho những hành vi của mình và một bên là lên án chúng. Và khi việc giết hại dân thường xảy ra dưới hình thức hành quyết chứ không phải trong cảnh rối loạn trên chiến trường, thì “càng khó lòng hóa giải được chúng hơn.” Ông Teeters nói ông đã bị dẫn vật ghê gớm vì những hành vi của chính mình (hành quyết tù binh) cũng như của các thành viên khác trong trung đội trong cái chết của dân làng. Trong một phỏng vấn mới đây, ông nói “Việc giết chóc ấy ám ảnh tôi từng phút. Để sống được, tôi phải tự nhủ rằng chuyện đó chẳng có nghĩa gì, rằng đó là việc mọi người đều phải làm để sống sót trong chiến tranh. Nhưng rồi nỗi ám ảnh kia vẫn đeo bám lấy tôi.” Cựu Trung sĩ Ernest Moreland thì không chịu nói đến vai trò của mình trong vụ đâm chết một tù nhân gần Đức Phổ, nói rằng ông sợ có thể bị truy tố. Nhưng ông nói ông vẫn cố biện hộ cho vụ giết người đó. “Những việc ngày trước,” ông nói, “nay nghĩ lại, không thể tin là mình đã làm vậy. Lúc bấy giờ chúng có vẻ bình thường. Nhưng nay mới biết toàn là những việc sai trái. Những cảnh bắn giết ấy không chịu biến đi. Những cơn ác mộng không dứt. Không thể chạy trốn. Không thể chạy trốn quá khứ.” Ernest là một trong chín cựu binh được phỏng vấn đã nói họ quay về với ma túy hoặc rượu để làm dịu nỗi đau lòng sau khi từ Việt Nam trở về. “Tôi uống quá nhiều. Tôi đâm đầu vào rất nhiều vụ đánh lộn.” Hiện Ernest sống tại Florida. Mãi đến tận bốn năm trước đây ông mới tìm đến bác sĩ điều trị. Ông nói “tôi đã suýt tự tử.”

Một binh sĩ khác của trung đội, Sam Ybarra, thường uống rượu say nhiều ngày liền, và rất ít khi rời khỏi cái nhà rọ-moóc của mình trong tiểu bang Arizona. Anh ta có những triệu chứng điển hình của bệnh hoảng loạn sau chấn thương, với những cơn trầm cảm kéo dài, và chưa kịp khám chữa thì đã qua đời trong năm 1982. Mẹ anh ta, bà Therlene Ramos, 78 tuổi, nói trong những năm sau chiến tranh, anh ta đã bộc lộ sự hối hận về việc đã giết hại nhiều thường dân. Bà nói “Nó uống để quên những gì nó đã làm. Nó là một người bình thường trước khi đi Việt Nam. Khi trở về, nó đâm nghiện rượu, nghiện hút. Nó không còn là nó nữa. Nó còn sống đấy, nhưng đã chết rồi.”

Sự ngoảnh mặt làm ngơ đã làm hại nhiều cựu binh

Nhiều cựu binh nói lúc họ gia nhập Mãnh Hổ thì đơn vị này đã dấn rất sâu vào những vi phạm kỉ luật quân đội và luật pháp quốc tế. Để sống sót, họ cảm thấy chỉ có cách ngoảnh mặt làm ngơ. Một trong số họ là Rion Causey. Người kỹ sư hạt nhân 55 tuổi này nói ông đã phải tham dự điều trị theo nhóm 10 năm sau khi chứng kiến những hành vi bắn giết dân làng ở phía tây bắc Chu Lai. “Tôi thường tỉnh giấc giữa đêm thâu, đầm đìa mồ hôi lạnh,” ông nói. “Tôi đã không lên án những gì đang diễn ra lúc đó,” người cựu y tá này nói. “Tôi mới 19 tuổi, nhưng đã biết việc họ đang làm là không được. Thật là sai trái.”



Rion Causey, cựu y tá Mãnh Hồ, nói hàng chục năm sau khi

đã phải chứng kiến những vụ bắn giết dân làng ở Việt Nam, ông đã phải điều trị trong các nhóm tư vấn tâm lý.

Hai người khác nói họ rất hối hận vì đã đứng nhìn đồng đội tấn công dã man dân làng vô tội. Cựu y tá Harold Fischer, 54 tuổi, nói “Tôi ân hận vì đã không tường trình những vụ việc ấy. Tôi còn trẻ, chưa biết mình phải làm gì.” Hiện đang sống tại tiểu bang Texas, ông đã từng là lính Mãnh Hồ trong một chiến dịch gần Chu Lai. Ông nói ông biết việc tàn sát dân thường là sai về đạo lý nhưng không dám nói vì sợ bị đồng đội trừng phạt. “Chúng tôi phải sống với các ông mãnh ấy ngoài chiến trường,” ông nói. “Họ dao súng đẩy mình, nguy hiểm và hằng máu. Họ đều trẻ tuổi. Ai biết được họ có thể làm gì? Trong cơn lửa đạn, có thể phải ăn đòn của chính họ lắm.”

Nhiều cựu binh trung đội nói họ trải qua từng giai đoạn. Lúc đầu họ thấy áy náy vì những hành vi tàn bạo đối với dân làng, rồi sau đó mặc kệ. Cuối cùng, họ công nhận còn tham gia phạm các tội ác chiến tranh.

Barry Bowman, hiện sống tại tiểu bang Rhode Island, nói ông gia nhập Mãnh Hồ với mục tiêu cứu người. Trong một vụ lạm sát tàn bạo bị cuộc điều tra bốn năm rưỡi của Quân đội hỏi đến, ông nói mình đã từ chối việc giết một tù binh bị thương trong thung lũng Sông Vệ theo lệnh của một trung sỹ. Nhưng bốn tháng sau đó, Bowman không ngần ngại hạ sát một dân làng bị thương trong bộ quần áo màu xám của Phật tử. “Điều đó trái ngược với tất cả những gì mà tôi vẫn tin tưởng,” ông nói vậy mới đây. “Nhiệm vụ chính của tôi là cứu mạng mọi người trong cương vị một y sỹ quân đội và tôi đã tin tưởng như vậy. Nhưng sau này, tôi đã thấy rõ rằng càng ở ngoài chiến trường lâu bao nhiêu thì mọi việc càng thay đổi bấy nhiêu.” Một thứ văn hóa đã hình thành tại trung đội Mãnh Hồ: việc bao che sự giết hại tù binh và thương dân được các sỹ quan chỉ huy khuyến khích.

Một cựu trung sỹ hiện đang phải điều trị chứng hoảng loạn sau chấn thương nói ông đã muốn binh lính của mình giết người không chùn tay. “Thương dân cũng chẳng sao. Nếu thấy họ ở những nơi lẽ ra họ không nên có mặt, chúng tôi sẽ bắn họ. Nếu họ chưa biết sợ, tôi sẽ dạy cho họ biết.” Đó là lời của William Doyle, 70 tuổi, hiện ở tiểu bang Missouri. Ông nói ông và những người khác cũng cắt tai nhiều xác chết Việt Nam để dọa kẻ địch.

Theo lời bác sỹ Baker, một chuyên gia của trung tâm y tế cựu chiến binh tại Cincinnati, việc cắt xẻ tử thi là triệu chứng cổ điển của những binh lính đang trong giai đoạn hai của bệnh hoảng loạn sau chấn thương, lúc sợ hãi đã biến thành giận dữ. Ông nói “Những người ấy đã bị kích động và chuyển sang giai đoạn hai, vào tâm trạng giận dữ cao độ.”

Cựu y sĩ Joseph Evans của trung đội, hiện sống tại tiểu bang Atlanta, nói trong một phỏng vấn mới đây rằng ông đã cắt tai nhiều xác chết. “Người ta rơi vào một tâm trạng phần nào không thể tin được,” ông Evans, 59 tuổi, đang phải điều trị chứng hoảng loạn sau chấn thương, nói. “Ta bị thiêu đốt, bị rán cháy và sợ hãi vô cùng, và ta làm vậy để giảm nhẹ gánh nặng đang đè chặt lên ta.”

Một cựu binh nói mình muốn nói lời xin lỗi. William Carpenter nói trước khi chết, ông muốn trở lại thung lũng Sông Vệ. Viên cựu binh 54 tuổi này muốn trở lại cánh đồng lúa nơi các binh sĩ Mãnh Hồ đã giết chết bốn lão nông. Ông muốn xin lỗi gia đình họ. 36 năm sau, ông nói cuộc tấn công 10 nông phu ấy vẫn sống y nguyên trong ký ức ông. “Tôi muốn nói với họ rằng tôi ân hận biết bao vì chuyện đó,” ông Carpenter nói. Hiện ông sống tại Rayland, tiểu bang Ohio, và đang phải điều trị chứng hoảng loạn sau chấn thương. Theo các chuyên gia thì công khai thừa nhận các hành động trong quá khứ cũng là một cách để giải tỏa chứng bệnh này. Ông Carpenter nói ông không nổ súng vào các nông phu, nhưng đã không bao giờ báo cáo với cấp trên về hành động tàn bạo ấy. Cũng như các cựu binh Mãnh Hồ khác, ông nói ông có thể biện hộ cho nhiều hành động xâm hại dân làng, nhưng ông nói vấn đề là ở chỗ “cứ đến nửa đêm là những bóng ma ấy lại hiện về và mọi chuyện lại sống lại, không thể nào quên được chúng.”

Về Sam Ybarra

Sam Ybarra ngồi trong bóng tối căn nhà của mẹ mình, khóc nức nở. Từng là một thành viên đáng sợ của Mãnh Hồ vẫn khoe khoang việc bắn giết dân thường, giờ đây anh ta chỉ còn là một hình nhân tan nát bị ám ảnh bởi những hình ảnh của chiến tranh.

“Tôi thường hỏi nó: Có chuyện gì vậy con? Làm sao con khóc?” bà Therlene Ramos nhớ lại. “Nó bảo đó là tại đời con. Những việc con đã làm. Những việc con đã làm. Con đã giết người, mẹ ơi. Con đã giết những người bình thường. Lẽ ra con không được làm như vậy. Lạy Chúa tôi, con đã làm gì vậy?” Hai bàn tay run bắn, anh ta ngồi bó gối trên chiếc sofa của mẹ, nhắc đi nhắc lại câu hỏi “Tại sao?” Nhưng người mẹ không thể trả lời. Chỉ có anh ta mới có thể trả lời câu hỏi ấy của mình.



Therlene Ramos viếng mộ con trai Sam Ybarra tại nghĩa trang trong khu biệt cư da đỏ Carlos Apache tại tiểu bang Arizona, sau khi từ Việt Nam trở về, Ybarra uống rượu hàng nhiều ngày liền. ‘Nó còn sống, nhưng đã chết rồi,’ bà mẹ nói.

Tay lính dù từng có thời vạm vỡ khỏe mạnh ấy là nghi phạm nổi tiếng nhất trong cuộc điều tra tội ác chiến tranh lâu dài nhất trong cuộc chiến Việt Nam.

Ba lần, các điều tra viên đã cố hỏi chuyện Sam về những lời cáo buộc họ nhận được về anh ta, nhưng cả ba lần anh ta đều không chịu tiếp chuyện. Vì không còn trong quân ngũ, anh ta không bị pháp luật bắt buộc phải tiếp chuyện Quân đội. Nhưng theo lời thân quyến và bạn bè, trước khi qua đời năm 1982, anh ta đã thú nhận hết với những người thân thiết nhất của mình. Mẹ anh ta, nay đã 78 tuổi, vẫn thường nhắc lại những lần bà phải an ủi con trai. “Nó thường ngồi đó và khóc. Chỉ ngồi đó và khóc. Nó bảo tôi: Con thấy khổ lắm. Con xin Chúa tha thứ cho con vì những gì con đã làm, con đã giết tất cả những người ấy, tất cả những thường dân ấy, tất cả những trẻ em ấy. Họ chẳng hề định làm hại gì đến con.”

Trong tổng số 30 nghi án tội ác chiến tranh của Mãnh Hồ được Quân đội điều tra, Ybarra có tên trong bảy nghi án, bao gồm cả vụ hiếp dâm và đâm chết một bé gái 13 tuổi, và vụ giết hại dã man một bé trai 15 tuổi. Hết lần này đến lần khác, người ta đã thấy Ybarra cắt lấy tai của các tử thi, kể cả quân đối phương và dân thường, và nhiều lần dùng dao sắc lột lấy da đầu của các tử thi này. Đó là theo lời khai của nhiều binh sỹ với các điều tra viên. 13 cựu binh Mãnh Hồ nói họ vẫn còn nhớ như in hình ảnh Ybarra đeo những chuỗi vòng cổ xâu bằng tai người. Trước khi rời Việt Nam, Ybarra đã bị ra tòa án binh⁽¹⁸⁾ và ba lần bị thi hành kỷ luật, rồi bị đuổi khỏi quân ngũ.



Binh nhì Sam Ybarra thường đeo vòng cổ xâu bằng tai người nổi tiếng vì hay lột da đầu các tử thi.

Năm 1971, khi cuộc điều tra đang được tiến hành, Ybarra bị buộc xuất ngũ và về sống ở khu tự trị dành cho người da đỏ bộ tộc Apache ở San Carlos, tiểu bang Arizona, là quê hương nơi anh ta đã ra đời và lớn lên. Sau nhiều năm nghiện rượu và ma túy, anh ta chết vì bệnh viêm phổi ở tuổi 36. Qua hàng chục những hồ sơ quân sự và các cuộc phỏng vấn, người ta thấy được một bức chân dung đáng thương của viên cựu quân nhân này.

Ra đời trong một gia đình thuộc tầng lớp lao động chân tay, Ybarra là con trai một phụ nữ da đỏ tộc Apache, cha là người Mexico. Khi lên năm tuổi, cha anh ta bị giết chết trong một cuộc ẩu đả ngoài quán rượu. Khi lớn lên, Sam Ybarra được họ hàng và bạn bè mô tả là một người vụng về và ít nói, một thiếu niên mập mập và nóng tính, nhất là lúc uống rượu. Đang lớp 10 thì bỏ học, và đã có lúc bỏ nhà ra đi, nói là muốn được sống một mình. Đến tuổi 18 thì Ybarra đã có bốn lần bị bắt vì tội uống rượu khi chưa đủ tuổi và quấy rối trật tự. Mỗi lần gặp chuyện rắc rối, Ybarra thường đi săn và câu cá trong vùng hồ Roosevelt, hoặc lang thang trên những con đường bụi bặm ở quanh vùng Globe, tiểu bang Arizona, có người bạn thân thời trung học thấp tùng, tên là Kenneth “Boots” Green.

Năm 1966, cả hai đều xin nhập ngũ, mặc dù cả hai gia đình đều phản đối. Sau khi sang đến Việt Nam, Ybarra trở thành một binh sỹ Mãnh Hổ, và thuyết phục cả bạn mình cùng gia nhập trung đội này. Cả hai đều trở nên nổi tiếng là những người lính đáng tin cậy trong chiến đấu và rất tàn bạo với dân thường.

Theo hồ sơ quân đội, Green đã bị một đồng đội Mãnh Hổ tố cáo có hành động tra tấn một tù binh ở gần Đức Phổ hồi tháng Năm năm 1967. Người tù binh này bị nhét giẻ vào miệng, bị Green dùng dao đâm liên tiếp vào cổ trước khi cắt cổ cho chết tại chỗ. Một binh sỹ khác tố giác Ybarra đã bắn chết một bé trai 15 tuổi ở cùng ngôi làng đó, rồi cắt lấy hai tai xâu vào vòng đeo cổ của anh ta. Năm binh sỹ nữa của Mãnh Hổ, trong đó có hai trung sỹ, đã khai với các điều tra viên rằng Ybarra và Green thường khoe đã hiếp đến chết một bé gái trong một cuộc hành quân tìm-diệt ở gần Tam Kỳ trong tháng Tám năm 1967.



Sau khi Kenneth 'Boots' Green (ảnh) tử trận, Sam Ybarra trở thành một con người khác hẳn. Ybarra thề sẽ trả thù cho cái chết của bạn.

Các nhân chứng nói mặc dù trung đội thường hoạt động theo từng toán nhỏ, hai người bạn này hình như lúc nào cũng dính lấy nhau. Trong một cuộc hành quân ngày 29 tháng Chín năm 1967, trung đội bị phục kích, và Green bị trúng đạn vào chân. Khi một y sỹ đang kéo anh ta ra khỏi vùng giao tranh thì Green bị một phát đạn vào đầu và chết ngay ở đó, trước mắt Ybarra. Theo lời các binh sỹ và thân quyến, Ybarra thề sẽ trả thù cho cái chết của Green, và anh ta đã trở thành một con người khác hẳn. Trong hai tháng sau đó, Ybarra trở thành một đao phủ ghê gớm nhất của trung đội. Những lời khai có tuyên thệ của binh sỹ đều nói vậy. Trong một trận càn vào một làng gần Chu Lai, Ybarra đã có một hành vi tàn bạo khủng khiếp đã dẫn đến việc Quân đội Mỹ phải mở cuộc điều tra Mãnh Hổ. Hai binh sỹ khai rằng Ybarra đã chặt đầu một hài nhi để lấy cái vòng cổ của đứa bé mà anh ta gọi là "Vòng Phật." Nhiều binh sỹ nói Ybarra đã khoe khoang tự phụ về việc giết đứa bé này.

Một trung sỹ Mãnh Hổ nói với các điều tra viên rằng hầu hết binh sỹ đều sợ Ybarra. "Anh ta không thương xót bất kỳ ai," James Barnett nói hồi năm 1973. "Kể cả thường dân Việt Nam, đàn bà và trẻ em."

Y sỹ Harold Fischer nói trong một cuộc phỏng vấn mới đây rằng binh sỹ đã phải nhiều lần ngăn không cho Ybarra giết dân thường. “Hễ có dịp là anh ta giết dân làng vô tội vạ, mà hầu như ngày nào cũng có những dịp như vậy.”

Năm 1968, Ybarra không còn ở đơn vị Mãnh Hổ nữa.

Sau nhiều lần đụng độ với chỉ huy, anh ta bị đưa sang một đại đội pháo binh. Năm 1969, anh ta bị ra tòa án binh ba lần vì tội bất tuân thượng lệnh và tàng trữ ma túy. Một lần Ybarra bị kỉ luật vì không chịu xuống hầm khi bị tên lửa đối phương tấn công. Trung sỹ Buford McClure viết trong một báo cáo đề ngày 13 tháng Ba năm 1969, rằng Ybarra nhất định đứng giữa trời trong doanh trại một cách đầy thách thức. “Anh ta chỉ cười, và nói: các người cứ việc run như dế đi. Tao đã nói là tao muốn về lại với bọn lính dù để có thể giết thêm lũ mồi, giết thật nhiều.”

Một bác sỹ tâm lý của Quân đội mô tả Ybarra là một người “hạn chế, cứng nhắc, thô lỗ và có ngưỡng chịu đựng thấp.”

Bị đuổi khỏi quân ngũ tháng Tư năm 1969, Ybarra trở lại Arizona và về sống trong khu tự trị. Lần cuối cùng các điều tra viên cố tìm cách phỏng vấn anh ta trong năm 1975, Ybarra đang sống trong một chiếc rơ-moóc, đang mắc bệnh tiểu đường và viêm gan siêu vi. Biên bản có ghi rằng Ybarra, trong tình trạng say rượu, đã không chịu đến gặp các điều tra viên ở trụ sở cảnh sát của khu tự trị. Joyce Little, từng là vợ của Ybarra, nói trong nhiều năm liền, Ybarra đã chỉ suốt ngày uống rượu và hút cần-sa. “Anh ấy không làm việc gì hết,” chị nói. Mẹ anh ta có một giải thích đơn giản: Ybarra đã bị giày vò sâu sắc vì những năm tháng ở Việt Nam. Hồ sơ quân đội cho thấy Ybarra nặng 185 pounds khi tại ngũ ở Việt Nam. Lúc chết, anh ta chỉ còn 95 pounds. Em gái anh ta, Judith Ybarra, nói anh trai cô đã từng là một “cậu bé dịu dàng,” nhưng khi từ cuộc chiến trở về, “anh ấy đã thay đổi.” Cô và những người trong gia đình nói họ không biết gì về những hành vi tàn bạo của anh ta. Họ và những người khác trong khu tự trị sẽ chỉ nhớ đến anh ta như một “quân nhân dũng cảm.” Trong các dịp lễ tưởng niệm thương binh liệt sỹ những năm vừa qua (Memorial Day), tên của anh ta vẫn được nhắc đến, và báo chí địa phương vẫn viết về những chiến công của Ybarra. Nhưng cuối cùng, “anh ấy đã uống rượu để cố quên đi những gì anh ấy đã làm ở Việt Nam,” người vợ cũ của anh nói. “Có lẽ anh ấy sợ các bóng ma, oan hồn của những người anh ấy đã giết, những việc anh ấy đã làm. Có lẽ anh ấy đã chết vì bị những oan hồn ấy ám ảnh.”

5 - Mâu thuẫn trong nội bộ Mãnh Hổ?

Trung sỹ cứu mạng một thiếu niên Việt Nam: Người lính quê ở Michigan đã quay súng vào đồng đội để ngăn chặn bắn giết

Sau khi chứng kiến các binh sỹ Mãnh Hổ hành quyết một dân làng không có vũ khí, Trung sỹ Gerald Bruner đã làm một chuyện không thể tưởng tượng được. Anh nâng súng và lên tiếng: anh sẽ giết chết bất cứ ai còn có ý định bắn thường dân. Binh lính thoái lui. Vì hành động đó, anh bị cấp trên khiển trách vì đã chống lại đồng đội và ra lệnh phải đi gặp bác sỹ tâm thần. Hành động của anh tại ngôi làng gần Chu Lai hồi tháng Tám năm 1967 cũng là lần duy nhất có chuyện một thành viên trung đội đe dọa bắn người của mình để ngăn chặn hành động tàn bạo.

Bruner đã báo cáo lên thượng cấp về vụ tấn công dân làng, nhưng không có chuyện gì xảy ra hết. Bảy năm sau, anh lại đề nghị các điều tra viên Quân đội phải tìm hiểu các hành vi tàn bạo của Mãnh Hổ. Và cũng không có chuyện gì xảy ra hết. Cuối cùng, việc không thể đem công lý đến cho vụ việc đã khiến viên trung sỹ này khổ sở cho tới khi xuống mồ. Đó là lời của những người ruột thịt của ông. Khi qua đời vì bệnh ung thư năm 1997, ông vẫn còn đau khổ vì đã ở hai tháng trời trong trung đội đó.



Gerald Bruner bị thuyền chuyển khỏi đơn vị Mãnh Hổ tháng

Chín năm 1967.

Em trai ông, Michael Stuckey, nói “Anh ấy thường bảo tôi rằng anh ấy hy vọng cuộc điều tra sẽ đem lại công lý. Anh ấy đã thất vọng vì cái mà anh ấy gọi là những tính cách thối nát của Mãnh Hổ. Anh ấy nói mọi người ở trung đội thường đi quá đà. Họ đem mọi thứ hung bạo ra đổ vào đầu dân làng.”

Hồ sơ điều tra cho thấy hai tuần sau vụ bắn giết trong làng, Trung sỹ Bruner đề nghị xin được đổi sang trung đội khác sau khi đã thấy hai trung úy dọa nạt một nông dân bằng cách bắn xuống chân anh ta và giết gia súc của anh ta. Anh còn phục vụ tại Việt Nam thêm hai kì nghĩa vụ nữa, trong đó có một lần làm lính bắn tỉa.

Người thân của Bruner nói những kí ức về vụ hành quyết trong ngôi làng kia 36 năm trước đây đã sống động mạnh mẽ trong anh cho đến cuối đời. “Mỗi khi nhắc đến Việt Nam, anh ấy lại nhắc đến ngôi làng đó, và những gì đã xảy ra ở đó,” bà quả phụ Karen Bruner nói.

Theo biên bản điều tra, cuộc chạm trán bắt đầu sau khi trung đội tiến vào một quăng cây cối thưa thớt có một cụm các túp nhà tranh bên cạnh một trái núi. Theo lời kể của ba binh sỹ, họ gặp những người lớn và trẻ em cầm trong tay các tờ truyền đơn mà Quân đội Mỹ đã thả xuống trước đó, nói rằng họ được phép sơ tán khỏi khu vực này.



Karen Bruner đang xem ảnh chụp người chồng quá cố của mình.

“Họ đều bình thường khi thấy chúng tôi,” Trung sỹ Bruner nói như vậy với các điều tra viên. Nhưng chuyện xảy ra sau đó là một cuộc bắn giết đã được nhiều nhân chứng kể lại trong cuộc điều tra của Quân đội.

Binh lính nói Trung sỹ William Doyle, một toán trưởng, bắt đầu tra hỏi một người nông dân có thấy Việt Cộng trong làng hay không. Người nông dân đó nói ông ta sẽ chỉ cho lính Mỹ thấy chỗ du kích Việt Cộng ẩn náu, nhưng ông ta muốn họ hộ tống gia đình mình đến

một trung tâm tái định cư cho được an toàn đã. Trung sỹ Doyle khẳng định đòi người này phải chỉ ngay cho binh lính vị trí của Việt Cộng, và dùng súng trường đánh vào đầu ông ta. Ông này vẫn một mực xin lính Mỹ. Bất thành linh, viên trung đội trưởng nâng khẩu M-16 lên và bắn vào cánh tay người nông dân.

Y sỹ Ralph Mayhew nhớ lại những gì xảy ra tiếp sau đó: “Người Việt Nam đó quỳ xuống đất và vừa khóc vừa nói bằng tiếng của ông ta. Tôi không thích cảnh tượng đó, nên tôi quay đi và bước ra chỗ khác.” Trung sỹ Doyle liền ra lệnh cho lính của mình bắn chết người nông dân ấy. Mấy phút sau, cậu em 16 tuổi của người nông dân bị điệu đến và ném xuống đất ngay cạnh xác của anh mình. Một người lính chĩa ngay họng của khẩu súng lục 45 li vào đầu cậu bé, nhưng Trung sỹ Bruner đã can thiệp kịp thời. Ngày hôm sau, cậu bé và cả gia đình cậu được đưa đi mà không chịu thêm thương vong gì nữa. Trong cuộc phỏng vấn với một điều tra viên hồi tháng Hai năm 1974, trung sỹ Bruner nói ông đã tường trình chi tiết hành động tàn bạo đó với Đại úy [\(19\)](#) Carl James, một sỹ quan cấp tiểu đoàn. Viên đại úy này về sau có nói với các điều tra viên rằng ông có nhớ cuộc trao đổi với Trung sỹ Bruner về vụ đó, nhưng theo biên bản cuộc phỏng vấn, ông ta lại không chịu ký nhận bằng văn bản sự việc này. Trung sỹ Bruner nói ông được một cấp chỉ huy đại đội không cho ông biết danh tính bảo rằng “vụ việc này đang được xem xét, không phải lo gì về nó cả, và hãy quên nó đi... không được nói với bất kỳ ai về vụ đó nữa.” Ông nói viên chỉ huy ấy bắt đầu quát nạt ông và nói rằng ông phải đi gặp bác sỹ tâm thần vì đã dám dọa bắn đồng đội của mình.

Trong một cuộc phỏng vấn với tờ Blade, ông Doyle nói các sự việc theo như lời mô tả của nhân chứng “đều là đúng sự thật.” Doyle nói ông đã định giết người nông dân ấy, nhưng súng của ông bị tắc, nên ông ra lệnh cho lính của mình thi hành án quyết. “Tôi đã định giết ông ta ngay lập tức, nhưng súng của tôi chỉ nổ được một phát và nó lại trúng vào cánh tay ông ta.” Doyle nói ông có biết Bruner đã phản đối việc giết chóc, và rất ghét viên trung sỹ này. “Đi đến đâu cũng vậy, chỉ có mỗi anh ta là người đem theo các tờ truyền đơn chiêu hồi,” ông Doyle nói. Những truyền đơn này được trực thăng rải xuống làm bùa hộ mệnh cho những thường dân nào chịu dọn vào các trung tâm tái định cư. “Giống như anh ta đang làm việc cho một chương trình dân sự vậy. Đó không phải là việc của chúng tôi. Chúng tôi đến đó là để săn lùng và giết.”

Cuộc chạm trán nảy lửa tại ngôi làng đó là cuộc chạm trán cuối cùng giữa hai người. Một tháng sau, Bruner bị thương vì đạp phải chông và lập tức được đưa sang một trung đội khác. Bruner được giải ngũ trong danh dự vào tháng Mười một năm 1975.

Bruner dọn về Michigan cùng vợ và con gái, nơi ông làm việc trong cơ quan của chính phủ Mỹ đặc trách các vấn đề cựu chiến binh với những cương vị khác nhau, trong đó có cả việc giúp các cựu binh chẩn đoán chứng rối loạn tinh thần sau chấn thương. Gia đình ông nói ông bị những ký ức về Việt Nam dày vò, và thường uống rượu để tìm lãng quên. Trước khi qua đời ở tuổi 59, ông Bruner đã ghi âm một bài nói nhân dịp kỷ niệm trận Pearl Harbor vào năm 1988, trong đó ông nhắc đến Việt Nam và vụ giết hại người nông dân ấy. Trong cuốn băng, ông đã lên án vụ giết người này. “Với tôi, đó là cái mà các bạn gọi là tội giết người - họ đã thẳng tay giết hại con người ấy.”

Hai sỹ quan xung đột quanh việc xử lý thường dân: một người cố ngăn chặn tội ác chiến tranh, người kia nhận có giết hại dân thường



Wood, hiện sống tại Findlay, Ohio, người đã định báo động các thương cấp về các tội ác chiến tranh.

Trung úy James Hawkins của trung đội Mãnh Hổ và một trung úy khác, Donald Wood, luôn xung đột nhau về chiến thuật. Họ xung đột nhau về cách di chuyển binh lính. Họ xung đột nhau cả về ước tính lực lượng quân địch. Nhưng theo biên bản phỏng vấn và các nhật ký hành quân của Quân đội, họ cãi vã to tiếng nhất là về vấn đề đối xử với thường dân Việt Nam.

Trung úy Wood luôn bảo vệ quan điểm của mình rằng dân làng không phải là binh lính địch, còn cộng sự của Wood lại cho rằng không thể tin thường dân, và những ai không chịu dọn vào trại tái định cư đều có thể bị bắn bỏ. Hơn 30 năm sau, những cuộc xung đột của họ vẫn hằn sâu trong kí ức các cựu binh đã từng phục vụ trong cùng đơn vị với họ từ tháng Năm đến tháng Tám năm 1967, khi Mãnh Hổ đang tiến sâu vào Cao nguyên Trung phần.

“Họ giống như đêm với ngày - lúc nào cũng xung đột với nhau,” cựu binh William Carpenter nói. Theo ông Carpenter, Trung úy Wood là một quân nhân “quan tâm đến dân chúng” nhưng cuối cùng đã không có đủ thẩm quyền để ngăn chặn bạo lực.

Trung úy Wood nói với các điều tra viên Quân đội rằng ông đã cố ngăn chặn hai vụ tấn công dân thường trong năm 1967, rằng đã phàn nàn với một sĩ quan khác về tình hình này, và có nói cả với một sĩ quan chỉ huy cấp tiểu đoàn. Ông nói thậm chí ông đã báo cáo tình hình trung đội với một sĩ quan tổng thanh tra. Nhưng lần nào cũng vậy, không ai có hành động gì hết. Thất vọng, ông đã xin chuyển khỏi trung đội vào tháng Tám năm 1967. Ba tháng sau đó, Mãnh Hổ tiếp tục giết hại thêm hàng chục dân thường.

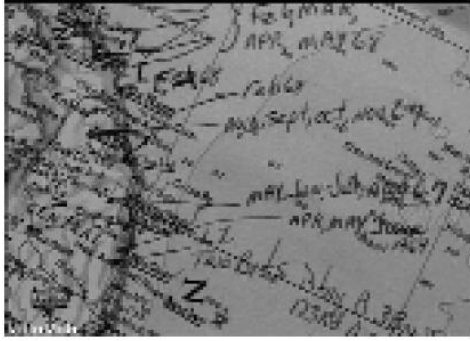
Lần tranh cãi đầu tiên giữa hai người đã dẫn đến việc bắn chết một ông lão thợ mộc trong thung lũng Sông Vệ mà cho đến nay dân làng và binh lính vẫn còn nhớ rõ. Sau nhiều tuần lễ sơ tán dân trong thung lũng, binh lính trung đội đã dựng trại gần một xóm đã không còn

dân ngay bên bờ Sông Vệ. Một trực thăng đem đến cho họ thức ăn nóng và bia. Gần hết cả buổi chiều hôm đó, Trung úy Hawkins - một quân nhân chuyên nghiệp cao lớn và vạm vỡ vẫn có tiếng hay tranh cãi với thượng cấp - đã uống bia với binh lính, và đến tối thì họ đều say. Có năm binh sỹ đã cùng khai như vậy trong biên bản có tuyên thệ của họ. Đến đêm thì chỉ huy trung đội ra lệnh cho binh sỹ bố trí mai phục ở bờ sông bên kia. Đó là lúc Trung úy Wood can thiệp đề nghị bỏ lệnh đó, vì binh sỹ đều đã say mèm và không thể để họ giao chiến trong tình trạng như vậy. Nhưng Trung úy Hawkins không thềm nghe. Ngay sau khi lội qua sông, binh lính gặp một ông già không mang vũ khí và ông già này đã bị Trung úy Hawkins bắn chết trong khi kêu xin tha mạng. Đó là lời khai của những binh sỹ có mặt tại đó. Sau này người ta nhận dạng người bị giết là Đào Huệ, một thợ mộc sinh trưởng ngay tại đó. Ông Hawkins nói trong một cuộc phỏng vấn mới đây rằng ông hoàn toàn có quyền bắn người đàn ông đó, vì ông này “cứ làm ầm ĩ” có thể tiết lộ vị trí của đơn vị lúc bấy giờ. Hai binh sỹ chứng kiến vụ giết người này nói với các điều tra viên rằng có nhiều cách khác để bịt miệng ông già, và rằng thực ra tiếng súng nổ giết ông ta mới là lí do khiến đối phương phát hiện ra vị trí của họ.

Hai tuần sau, một xung đột nữa lại xảy ra và dẫn đến việc Trung úy Wood rời khỏi đơn vị. Ngay sau khi hai viên sỹ quan này đặt chân đến ngoại vi của một ngôi làng, một binh sỹ Mãnh Hồ phát hiện ra có hai người đàn bà đang đi về làng. Ngay lập tức, Trung úy Hawkins ra lệnh nổ súng.

Trung úy Wood phản đối lệnh đó, nói hai người đàn bà kia chỉ đang đi về phía họ. Nhưng không được, chỉ huy trung đội và các binh lính khác đều nổ súng, làm bị thương một người. Đó chỉ là hai người đàn bà, hoàn toàn không có vũ khí. Theo biên bản, họ đã được trực thăng đem đi nơi khác. Sáu năm sau, trong cuộc điều tra của Quân đội Mỹ, Wood nói ông đã phản đối lên tận cấp chỉ huy của tiểu đoàn pháo binh của ông về cách Trung úy Hawkins đối xử với dân thường. Nhưng ông nói cấp chỉ huy ấy đã bảo ông hãy quay về trung đội của mình. Ông cũng phàn nàn lên Trung úy Stephen Naughton, một cựu chỉ huy Mãnh Hồ, người sau này đã được thăng cấp. Trung úy Naughton, trong một phỏng vấn với các điều tra viên Quân đội Mỹ năm 1974, nói ông có nhận được lời phàn nàn ấy và đã chuyển lên cho một đại tá tại văn phòng tổng thanh tra ở Fort Bragg, tiểu bang North Carolina. Ông mô tả cuộc điện thoại đó như sau: “Ông ta bảo tôi hãy quên việc đó đi, rằng tôi chỉ đang làm rối thêm mọi việc, rồi cứ thế cúp máy.” Để Quân đội phải có hành động, Trung úy Wood nói ông đã nộp một lời cáo buộc bằng văn bản cho chính văn phòng đó vào năm 1968. Nhưng sáu năm sau, các điều tra viên Quân đội nói họ không thể tìm thấy bất kì một hồ sơ nào về những lời phàn nàn của hai viên sỹ quan, cũng như không thể tìm ra danh tính của các cấp chỉ huy đã tiếp nhận những lời phàn nàn đó. Đến lúc Quân đội Mỹ tiến hành điều tra thì cả hai trung úy Wood và Hawkins đã rời Việt Nam.

Trong khi Wood chưa bao giờ là nghi phạm, những hồ sơ còn lại cho thấy Hawkins đã bị điều tra vị tội danh giết người, làm sai trách vụ, và có những hành vi không xứng đáng với một sỹ quan.



Một tấm bản đồ trong sổ các lưu niệm thời chiến của Donald Wood, có ghi dấu những nơi mà ông đã có mặt ở Việt Nam trong cuối những năm 1960, bao gồm cả những tháng phục vụ trong đơn vị Mãnh Hổ.

Ngoài những vụ tấn công dân thường mà Trung úy Wood mô tả, các điều tra viên Quân đội Mỹ đã phát hiện thêm những hành vi tàn bạo liên quan đến trung úy Hawkins, trong đó có vụ tấn công 10 nông dân trong thung lũng Sông Vệ, khiến cho bốn người bị thiệt mạng. Mặc dù những kết quả có được, cuộc điều tra không khởi tố ai hết.

Trong những năm sau đó, hai viên sĩ quan Mãnh Hổ này đã theo đuổi những công việc hoàn toàn khác nhau.

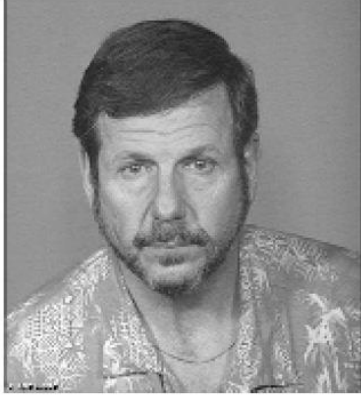
Wood, vốn là con trai một kỹ sư, trở thành một luật sư bào chữa tại Findlay, nổi tiếng là một tay đua xe thể thao và một nhà nhảy dù trong những sự kiện ở địa phương. Có vợ và hai con, ông đã qua đời vì một chứng bệnh trong não bộ vào năm 1983, lúc 36 tuổi. Vợ ông, bà Joyce, nói ông ít khi nhắc đến Việt Nam, nhưng thường tỉnh giấc giữa đêm khuya, “người đầm đìa mồ hôi.” “Anh ấy chắc bị nhiều ác mộng. Tôi biết anh ấy rất day dứt vì những năm tháng ở Việt Nam,” bà nói. Chồng bà không chịu nói chuyện với bà về những hành vi tàn bạo đã xảy ra tại Việt Nam, nhưng con trai ông, John, hiện đã 32 tuổi, nói cha mình “đã đem theo xuống mồ nỗi day dứt vì những gì ông đã chứng kiến.” Một người bạn của Wood, bác sĩ Henry Benz, nói viên cựu trung úy thường nói chuyện với ông về người dân Việt Nam và tâm trạng muốn có thời gian để “thực sự hiểu được những người dân ở Việt Nam. Ông ấy thực sự quan tâm đến họ.”



Joyve Wood và các tấm huân chương của người chồng quá cố. Bà nói ông đã 'rất day dứt' vì những gì ông đã phải trải qua ở Việt Nam.

Còn Hawkins nhớ rõ những khác biệt giữa mình và Wood, nhưng nói ông ta vẫn tin rằng ông ta có quyền nổ súng vào thường dân không có vũ khí. “Để tôi nói cho các anh biết, trong bất kì một cuộc chiến nào, thường dân, kể cả người vô tội, cũng bị giết. Đúng thế, tôi có thể nói rằng tôi đã thấy dân chúng, nông dân, gi đi nữa, đã bị giết,” Hawkins nói. Ông ta đã về hưu từ quân ngũ năm 1978 với quân hàm thiếu tá. Với tư cách dân sự, ông ta được quân đội thuê trở lại làm giáo viên dạy lái máy bay ở Fort Rucker, tiểu bang Alabama, và sự nghiệp

quân ngũ lần thứ hai này của ông ta cũng đã kết thúc khi ông ta về hưu hồi tháng Năm năm 2001. Ông ta nói ông ta không sống mãi trong quá khứ và tin rằng những việc ông làm đều là đúng đắn. “Tôi không hối hận điều gì cả. Không có gì mà tôi đã biết hoặc đã thấy tận mắt mà tôi lại có thể nói là phải ân hận vì chúng.”



Hawkins, hiện sống tại Orlando, Florida, nói mình không hối hận gì vì đã không giết dân thường.

6 - Đi tìm nguyên nhân của tội ác:

“Tự do bắn phá” tạo điều kiện cho các hành vi quá trớn

Đến lúc các binh sỹ Mãnh Hổ ngưng bắn thì sáu người đã chết, trong đó có hai trẻ em. Họ không hề mang vũ khí, cũng không hề mặc quân phục của đối phương, nhưng chuyện đó không thành vấn đề, vì họ đang sống trong một khu vực “tự do bắn phá.” Đối với thường dân Việt Nam, đó là một quyết định nguy hiểm.

Vì sống trong một khu vực “tự do bắn phá” có nghĩa là tại khu vực đó, quân Mỹ có thể tấn công bất kể lúc nào mà không cần phải cảnh báo gì hết. Lính Mỹ có thể nổ súng hoặc gọi hỏa lực không quân vào một vùng nào đó mà không cần phải có lệnh của cấp trên. Nhưng phải có hai điều kiện: họ phải bị tấn công trước, và mục tiêu của họ phải là mục tiêu quân sự. Nhưng Mãnh Hổ không phải lúc nào cũng tuân thủ hai điều kiện ấy. Việc giết hại sáu thường dân tại một làng gần Chu Lai năm 1967 là một bằng chứng của việc trung đội vi phạm chính sách quân sự.



Thung lũng Sông Vệ ở Quảng Ngãi đã trở thành một vùng 'tự do bắn phá' của lực lượng Mãnh Hổ.

Đã nhiều lần, các thành viên Mãnh Hổ đã biến những vùng “tự do bắn phá” thành những vùng tội ác, giết hại đàn ông, đàn bà, trẻ em không hề có vũ khí. Cuộc điều tra qua hàng ngàn tài liệu quân sự của tờ Blade đã cho thấy rằng trong số 30 tội ác chiến tranh bị quân đội điều tra, thì 19 vụ là xảy ra trong những vùng như vậy.

Có ít nhất là 12 lần, trung đội đã tiến vào làng và cứ thế nổ súng vào dân thường. Bắt đầu từ thung lũng Sông Vệ, trung đội đã tiến hành những cuộc hành quân tìm-diệt, thực hiện lệnh của chỉ huy: bắn bỏ tất cả những gì động đậy. Và họ đã làm như vậy.

Bốn năm sau, việc giết hại thường dân có hệ thống của họ đã trở thành một vấn đề trung tâm của cuộc điều tra do Quân đội tiến hành về đơn vị Mãnh Hổ. Các hồ sơ đều cho thấy rằng các thành viên trung đội đã bóp méo định nghĩa của một vùng “tự do bắn phá” - một vấn đề phổ biến trong Quân đội Mỹ tại Việt Nam. Trong khi các quy định thì rất rõ ràng, nhưng binh sỹ Mãnh Hổ lại chỉ làm theo từng chữ một của danh từ “tự do bắn phá” - họ thả hồ bắn vào thường dân. Nhiều chuyên gia về tội ác chiến tranh nói cách hiểu như vậy là một

vi phạm trắng trợn luật quốc tế, kể cả các Công ước Geneva năm 1949. Không có điều khoản nào trong các luật về chiến tranh cho phép bắn vào các thường dân không có vũ khí.

“Một vùng ‘tự do bắn phá’ không có nghĩa là một vùng tự do phạm tội.” Đó là lời ông Gary Solis, một cựu công tố viên của binh chủng Lính thủy Đánh bộ và là tác giả một cuốn sách về các tội ác chiến tranh tại Việt Nam. “Một khu vực ‘tự do bắn phá’ không có nghĩa là anh có thể tiến vào đó và tha hồ bắn bất cứ cái gì.” Các hồ sơ cũng cho thấy ngay các cấp chỉ huy cũng mắc sai lầm trong việc hiểu nghĩa của từ này. Trong cuộc điều tra của Quân đội Mỹ, có ít nhất tám sỹ quan có trách nhiệm với đơn vị Mãnh Hổ, phần lớn là đại úy và thiếu tá, đã khẳng định rằng vùng “tự do bắn phá” cho binh lính của họ quyền “giết tất cả những gì chuyển động” ở trong đó. Khi dân làng không chịu theo lệnh quân Mỹ rời bỏ thung lũng Sông Vệ của họ, toàn bộ vùng châu thổ ấy đã bị tuyên bố là vùng “tự do bắn phá.” “Chúng tôi không nghĩ ngợi gì về chuyện đó,” cựu Binh nhất Douglas Teeters nói trong một cuộc phỏng vấn mới đây. “Nếu họ là thường dân thì anh làm sao đây? Đáng lẽ họ không nên có mặt ở đó.”

Cựu binh Mãnh Hổ tự nhận xét

Trong các cuộc phỏng vấn với tờ Blade, các cựu binh Mãnh Hổ đã có những nhận xét như sau về những hành vi tàn bạo đã phạm phải:

“Tôi chỉ tiếc một điều duy nhất là đã không giết nhiều hơn nữa. Nếu biết trước cuộc chiến sẽ kết thúc nhanh đến thế, và theo kiểu như thế, tôi nhất định đã giết thêm thật nhiều.”

(William Doyle)

“Bạn biết đấy, bạn ấn vào tay một đám trẻ 18 tuổi một khẩu súng máy và lừa chúng vào rừng nóng đến 115 độ F, bảo chúng mò lên núi và bắn bất kì cái gì động đậy... Thế thì làm gì mà chúng tôi chả bóp cò.”

(Doug “Doc” Teeters)

“Chúng tôi thường tiến vào làng và cứ thế bắn tất cả mọi người. Chúng tôi không cần lí do. Nếu họ ở đó là họ phải chết. Chuyện đó làm tôi phát ốm. Tôi là một y sỹ. Tôi ở đó để cứu mạng. Nhưng chúng tôi đều không kiểm soát được mình.”

(Harold Fischer)

“Những cái ta thấy. Những việc ta làm. Ta nghĩ lại và nói tại sao ta lại có thể làm như vậy. Lúc ấy, mọi thứ dường như ổn cả. Nhưng bây giờ, ta biết những việc ta làm lúc ấy là hỏng cả rồi. Những trận bắn giết ấy không buông tha ta. Những cơn ác mộng không buông tha ta. Không thể trốn đi đâu được. Ta không thể chạy trốn quá khứ.”

(Ernest Moreland)

“Chúng tôi giết rất nhiều người không có vũ khí. Nếu có ai hỏi hấn mang loại vũ khí gì vậy, chúng tôi sẽ bảo ‘hấn có một cái gậy và chạy trốn’. Phải nói rằng chuyện đó thật tệ.”

(Ken Kerney)

“Nếu anh bắt được ai đó, anh sẽ làm gì? Thả họ đi sao? Anh phải thủ tiêu họ. Nếu chúng mày chạy là ta giết.”

(Joseph Evans)

“Tôi sẽ không nói là mình lên án những chuyện đó... Tôi không phải là người theo tín ngưỡng nào. Tôi không dám nói mình đã giải đáp được mọi câu hỏi của cuộc đời. Tôi mới 19 tuổi, nhưng tôi biết những điều họ đang làm lúc ấy là sai. Là sai.”

(Rion Causey)

“Tôi phải giết người, nhưng không muốn bị lương tâm cắn rứt như một kẻ phạm tội giết người. Có cái khác nhau giữa tiêu diệt quân địch trong chiến đấu và hành động giết người, nhưng rất nhiều người đã không phân biệt cái đó - tôi không biết sao họ có thể hóa điên trong một giây hoặc thế nào đó tôi không biết. Tôi sẽ không phán xét họ. Họ phải sống với chuyện đó. Thế là đủ nặng nhọc lắm rồi.”

(Dallas Rogers)

Lằn ranh của tội ác?

Ken Kerney nói mình nhập ngũ để “chiến đấu chống chủ nghĩa cộng sản,” nhưng lại phải đối mặt với một cuộc chiến khác tại Việt Nam. Khi gia nhập một đơn vị đặc nhiệm tại một trong những vùng chiến sự ác liệt nhất tại Việt Nam hồi 1967, Ken đã chứng kiến đồng đội của mình cắt tai tử thi quân đối phương và nổ súng vào dân làng không có vũ khí. Ken đã phải đối mặt với một lựa chọn. “Có một lằn ranh ở đó, và bạn phải tự hỏi liệu ta có muốn vượt qua lằn ranh đó hay không?” cựa tay súng Mãnh Hổ này nói. “Bởi vì một khi đã đi quá lằn ranh đó, bạn sẽ tái phạm, và tái phạm mãi mãi. Đó chính là điều đã xảy ra.”



Cựu binh Mãnh Hổ Ken Kerney, người đã không tham gia các hành vi tàn bạo, nói 'Một khi đã đi qua lằn ranh đó, bạn sẽ tái phạm, và cứ thế tái phạm mãi. Đó chính là điều đã xảy ra.'

Ken nói anh đã không bao giờ đi quá lằn ranh ấy. Nhưng những người khác lại có một lựa chọn khác. Hơn ba thập kỷ sau những tội ác chiến tranh của Mãnh Hổ, cựu binh sỹ của đơn vị này vẫn còn tranh cãi điều gì đã khiến cho đơn vị của họ phạm các hành vi tàn bạo như vậy.

Nhưng các học giả nói hành vi của trung đội phản ánh đúng những lí thuyết đã có từ lâu về hành vi bất thường của con người. Theo các chuyên gia xã hội học và quân sự, các vấn đề của Mãnh Hổ xuất phát từ các cấp chỉ huy tiểu đoàn. Các Công ước Geneva và điều lệ của Quân đội đều nghiêm cấm không được tấn công thường dân không có vũ khí, nhưng nhiều cấp chỉ huy đã phát biểu những quan điểm khác nhau khi trả lời các điều tra viên Quân đội

về vấn đề này. Một số nói binh lính có quyền tấn công thường dân không vũ khí trong một số hoàn cảnh nhất định. Một số nói không bao giờ được như vậy.

Những quan điểm và mệnh lệnh trái ngược ấy thẩm xuống tận binh lính, và họ đều nói với các điều tra viên cũng như phóng viên tờ Blade rằng đó chính là lí do khiến họ đã giết cả những người không có vũ khí. Kết hợp với áp lực phải có nhiều xác quân địch để báo cáo thành tích, những mệnh lệnh không rõ ràng kia có thể đã khiến cho một số binh sỹ tự cho mình có quyền giết tù binh và dân làng không có vũ khí. “Họ không thấy mình là người có trách nhiệm,” Tiến sỹ Herbert Kelman nói. “Họ có tâm lí coi mình chỉ là công cụ, hành động theo lệnh trên.” Tiến sỹ Kelman là giáo sư xã hội học tại đại học Harvard.

Với những mệnh lệnh trái ngược nhau, trung đội đặc nhiệm này thường tham chiến đơn lẻ với những toán nhỏ rải rác trong phạm vi rộng và những cuộc hành quân kéo dài. Theo quan điểm của Trung sỹ William Doyle, việc thiếu chỉ huy đã cho phép binh lính Mãnh Hồ biến thành những kẻ đốt nhà, hiếp dâm và đao phủ.

Không ai canh chừng gì hết

“Chỉ có bốn năm người với nhau. Nếu bạn tin tưởng ở đồng đội, nếu họ đều là người tốt, bạn sẽ không phải lo lắng gì về những hành vi của mình. Bạn có thể làm bất cứ việc gì bạn muốn, ở bất kì đâu,” Doyle đã nói với tờ Blade như vậy hồi mới đây. “Ai sẽ kiểm soát bạn? Mà kiểm soát để làm gì? Không có gì hết,” ông ta nói. “Bạn có toàn quyền định đoạt.”

Chiến tranh càng khốc liệt, các hành vi tàn bạo của trung đội càng gia tăng, từ những việc cắt xẻ tử thi đến việc hành quyết tù binh và giết hại dân lành. Việc gia tăng ấy minh họa những phát hiện của những nhà xã hội học nghiên cứu về tội ác chiến tranh. Theo lời nhà xã hội học quân sự Morten Ender của học viện quân sự West Point, mỗi một sự cố lại làm người lính chai lì thêm và có khả năng phạm thêm hành vi còn nghiêm trọng hơn thế. “Nó ngấm dần vào người họ,” Tiến sỹ Ender nói. Các hành vi tàn bạo ngày càng trầm trọng hơn khi binh lính rơi vào tâm lí bức dọc vì những diễn biến của cuộc chiến.

Trong một cuộc chiến tranh mà đồng đội thường bị tử vong vì bị bắn lén hoặc dẫm phải hố chông, tâm lí hỗn tạp giữa sợ hãi, giận dữ và thương cảm ở người còn sống có thể nhanh chóng làm cho họ thấy kẻ địch không còn là người như mình nữa. Trong tâm lí mong muốn trả thù, các tội nhân chiến tranh thường bóp méo định nghĩa quan niệm “kẻ địch.” Đó là ý kiến của Tiến sỹ Robert Lifton, một giáo sư tâm lí học tại trường Harvard đã có nhiều nghiên cứu về các cựu chiến binh tại Việt Nam. “Thường dân rất dễ trở thành mục tiêu quân sự, không phải do nhầm lẫn, mà có nguyên do tâm lí muốn coi họ là rất gần với kẻ địch,” Tiến sỹ Lifton nói. “Tâm lý ấy mạnh đến nỗi bất kì một người Việt Nam nào cũng có thể bị coi là kẻ địch.”

Các cựu binh đã đều nhắc đến trường hợp của Sam Ybarra. Tháng Chín năm 1967, người lính thường làm nhiệm vụ tiền trạm này đã nổi tiếng là hay cắt tai và lột da đầu tù binh, nhưng anh ta còn trở nên tàn bạo hơn sau khi người bạn tốt nhất của mình là Kenneth “Boots” Green bị thiệt mạng bởi một viên đạn bắn tía trong tháng đó. “Sau khi Boots chết, anh ta (Binh nhì Ybarra) trở nên ma quái,” cựu Binh nhất Kerney nói trong một cuộc phỏng vấn mới đây. “Anh ta quyết định trong đầu rằng sẽ phải giết càng nhiều càng tốt và không ai có thể ngăn cản anh ta được. Không ai hết.” Binh nhất Kerney là một trong số những binh sỹ

Mãnh Hổ không phạm tội ác kiểu trên, theo như điều tra của Quân đội cũng như lời các binh sỹ khác.

Các nhà tâm lý học và xã hội học nói họ không chắc yếu tố gì đã khiến cho những binh sỹ này chứ không phải những binh sỹ kia phạm phải những hành vi tàn bạo. Họ chỉ có thể nói rằng mỗi một người lính có một tiêu chuẩn đạo đức và một khả năng chịu đựng những áp lực từ bên ngoài riêng của mình.

Một số binh lính không có những hành vi tàn bạo nói họ đã cố ngăn chặn những tội ác ấy. Trung sỹ Dan Clint nói có một đêm, khi anh đang một mình làm nhiệm vụ canh gác, anh đã toan hạ sát Binh nhì Ybarra lúc đó đang ngủ say. “Tôi đã có ý nghĩ rằng nếu trừ khử được Ybarra, tôi sẽ cứu được vô số người vô tội,” Clint nói. Nhưng Trung sỹ Clint đã quyết định không làm như vậy, và cũng quyết định không phàn nàn gì với cấp trên về Binh nhì Ybarra. Trong thực tế, chỉ có hai binh sỹ được biết là đã kêu lên cấp trên về tình trạng giết hại dân thường. Những người khác đều im lặng, nói rằng họ sợ bị trừng phạt và cần phải dựa vào đồng đội để duy trì đơn vị, mặc dù đồng đội của họ có phạm các tội ác chiến tranh cũng vậy thôi.

Những tân binh gia nhập trung đội đều tuân thủ luật im lặng ấy. Đó là điều dễ hiểu, vì tân binh đều phải hòa nhập với đơn vị để có thể sống còn. Đó là lời Đại tá về hưu Ramon “Tony” Nadal, người dạy về thuật chỉ huy và tâm lý học tại học viện quân sự West Point. “Phải có gan to mặt lớn thế nào mới có thể vừa chân ướt chân ráo đến một đơn vị ngoài mặt trận khi chiến tranh đang khốc liệt mà lại dám là người đầu tiên lên tiếng cự nự đám cựu binh già đời máu lửa đầy mình về chuyện họ có thể đang phạm các tội ác chiến tranh; bản thân tôi cũng không dám thế,” ông nói.

Nhưng Đại tá Nadal, từng chỉ huy một đơn vị đặc nhiệm ở Việt Nam, cũng nói rằng ông không dung túng cho binh sỹ nào vượt quá lần ranh. Ông nói “Không có lí do biện hộ nào hết.”

7 - Sự mập mờ trong việc điều tra của Bộ Quốc Phòng từ tố cáo của một nhân chứng

Dennis Stout là một người lính bị kẹt giữa đạo đức nghề nghiệp và sinh mạng của chính mình trong một quân ngũ không biết tha thứ. Là một nhà báo quân đội, ông đã đứng nhìn các binh sỹ của một trung đội đồn 35 đàn bà và trẻ em vào một bãi cỏ trong lòng Cao nguyên Trung phần Việt Nam. Trong khi đám người ấy sợ hãi chúm vào nhau, có người kêu khóc, các binh sỹ chia họ thành từng nhóm nhỏ và đẩy ra ven cánh đồng. Sau đó là súng nổ, là những thân người đổ gục.

“Họ cứ thế giết những con người ấy, các bà mẹ có con nhỏ và các cụ già,” ông nhớ lại. Mặc dù viết báo cho Quân đội, Stout nói ông bị cấm không được viết về vụ giết người hôm đó, một ngày tháng Bảy năm 1967. Với tư cách một sỹ quan truyền thông đại chúng hoạt động trong lòng các đơn vị tham chiến, Stout nói ông đã thấy các binh sỹ của trung đội thường xuyên giết hại đàn ông, đàn bà và trẻ em, nhưng không thể ngăn chặn những hành vi tàn bạo ấy. “Tôi biết những việc họ đang làm là sai trái - đơn vị này hoàn toàn không còn kỉ cương gì nữa,” ông nói. Từng là một trung sỹ và phóng viên của tờ *Screaming Eagle* (Đại bàng Gào thét), tờ báo của Tiểu đoàn 1, Trung đoàn bộ binh 327, Stout nói tiếp “Họ làm những việc không có lí do gì hết. Không có lí do gì hết.”

Mà không phải chỉ có đơn vị Mãnh Hổ. Trong năm tháng làm sỹ quan báo chí, ông nói binh sỹ Sư đoàn dù 101- trong đó có Trung đội Mãnh Hổ - đã gây nhiều hành vi tàn bạo. Ông đã thấy 22 lính dù hãm hiếp rồi giết chết một người đàn bà, và một y sỹ bơm nước vào tim một người tù binh trước khi anh này bị lính bắn chết. Stout nói ông đã kêu những chuyện này với một trung sỹ chỉ huy, nhưng bị ra lệnh phải quên những chuyện đó đi. Ông cũng thử nói chuyện riêng với một cha tuyên úy, nhưng cũng bị cảnh báo là phải im lặng. Sau khi xuất ngũ năm 1969, ông đã kêu lên các giới chức Quân đội và được hứa hẹn là sẽ có điều tra. Nhưng trong ba thập niên liền, Lầu Năm Góc không có thông báo gì cho ông biết về việc đó, kể cả những báo cáo chi tiết mà ông đã cung cấp.

“Tôi đã tưởng chuyện đó tiêu rồi,” ông nói.

Thực tế là Quân đội có gửi hai bức thư cho ông Stout trong năm 1997, nói rằng các giới chức đã “không thể tìm thấy” những hồ sơ báo cáo của ông. Nhưng các tài liệu tại Cục Lưu trữ Quốc gia lại cho thấy một câu chuyện khác. Các tài liệu này cho thấy rằng Quân đội đã tiến hành một cuộc điều tra trong hai năm về những lời cáo buộc của ông, bắt đầu từ ngày 16 tháng Mười hai năm 1969. Được biết đến dưới cái tên “Những cáo buộc của Stout,” cuộc điều tra này tập trung vào tám hành vi tàn bạo do Stout báo cáo với các điều tra viên, trong đó có vụ Mãnh Hổ hành quyết dân làng trên cánh đồng. Theo lời những chuyên viên lưu trữ có trách nhiệm, không thể biết được liệu có ai đã bị buộc tội hay chưa vì hàng trăm tài liệu, kể cả những lời khai nhân chứng có tuyên thệ, đang bị thất lạc khỏi hồ sơ của vụ này.



Dennis Stout trong thời gian phục vụ tại Việt Nam năm 1967.

Stout nói chính là trong thời gian ngắn ngủi làm phóng viên quân đội tại thung lũng Sông Vệ mà ông đã bắt đầu chứng kiến các vụ giết người hàng loạt. Ông nói dẫn đầu những hành động này là đơn vị Mãnh Hổ. “Họ bắt tất cả mọi người, không có thường dân nào thoát. Tìm thấy bất kỳ ai là họ giết hết.” Ông nói nhiệm vụ của ông là viết các câu chuyện mang tính tích cực về binh sỹ trên chiến trường. Nhưng sau khi chứng kiến những cuộc tấn công dân làng ở Sông Vệ, ông nói niềm tin của ông vào quân đội đã lung lay dữ dội. “Họ cứ thế xếp mọi người thành hàng rồi bắn chết.” Đó là khởi đầu của những cuộc tranh đấu bản thân với ký ức về những binh sỹ bắn giết dân thường vẫn còn nguyên trong ông tới tận hôm nay, ông nói.

Tài liệu cho thấy ông đến Việt Nam tháng Chín năm 1966, và được phiên chế vào Đại đội B của Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 327. Sau khi người lính quê ở Illinois này bị một vết thương do dính đạn trong một cuộc đọ súng hồi tháng Năm năm 1967, ông được cử làm sỹ quan báo chí của tiểu đoàn. Cùng tháng đó, tiểu đoàn được điều về Quảng Ngãi để hỗ trợ quân đội Mỹ kiểm soát vùng Cao nguyên Trung phần đang đầy tranh chấp. Một phần nhiệm vụ của đơn vị là di chuyển hàng nghìn thường dân tới các trung tâm tái định cư. Sau khi đến nơi, Tiểu đoàn 1, gồm cả Mãnh Hổ, tiến vào thung lũng Sông Vệ, một lòng chảo màu mỡ và hẻo lánh trong tỉnh. Mục tiêu của quân đội là ngăn chặn 5000 cư dân không được trồng lúa nữa vì số thực phẩm này có thể được dùng để nuôi quân đối phương. Nhưng vì có liên hệ sâu sắc với quê cha đất tổ, nhiều dân làng đã không chịu rời làng. Đó là lúc các thành viên Mãnh Hổ cùng các binh sỹ khác của tiểu đoàn bắt đầu một thông lệ man rợ: họ bắt những dân làng vẫn còn ở lại trong xóm ấp của mình. Stout nói chỉ huy tiểu đoàn đếm cả xác những thường dân bị giết vào con số lính đối phương bị tiêu diệt để gia tăng thành tích.

Theo lời nhiều nhà sử học quân sự thì trong cuộc chiến Việt Nam, chiến thắng được đo bằng số lính đối phương bị tiêu diệt chứ không phải bằng việc lấy được đất. Stout nói trong tháng Bảy ông có nhìn thấy một bảng thông báo tại một trung tâm chỉ huy trong thung lũng viết rõ con số lính đối phương đã bị giết là 600. Nhưng số lượng vũ khí thu được chỉ là 11. “Hầu hết số người bị giết đó là thường dân.”

Stout nói ông đứng ngay phía bên kia thửa ruộng và chứng kiến vụ binh sỹ Mãnh Hổ hành quyết 35 dân làng không có vũ khí ngay tại thửa ruộng đó. “Họ bắt năm người một đem ra những bờ ruộng khác nhau và cứ thế, bắn chết từng người này. Chừng nào còn sống, tôi còn không thể quên được cảnh tượng đó. Nhiều đêm tôi sực tỉnh và nhìn thấy rõ ràng những người đàn bà và đám con nít đó.”

Ông nêu tên một binh sỹ từng cầm đầu trung đội là Trung sỹ William Doyle, người sau này bị Quân đội liệt vào danh sách các nghi can tội phạm chiến tranh trong cuộc điều tra về đơn vị Mãnh Hổ. Stout nói ông đã cố gắng im lặng về những hành vi tàn bạo ấy, nhưng sau khi chứng kiến vụ hãm hiếp và giết hại một phụ nữ của các binh sỹ ở một đơn vị khác, ông đã khủng hoảng tinh thần. “Tôi chỉ mong sống được cho đến ngày có thể nói cho mọi người

biết chuyện gì đã xảy ra,” ông nói. “Vì lúc ấy đã không thể ngăn chặn những việc này, ý chí đạo đức của tôi buộc tôi phải sống để lên tiếng về chúng.”

Ông xuất ngũ trong danh dự vào tháng Hai năm 1969, và ghi danh theo học tại đại học tiểu bang Arizona.

Năm đó, câu chuyện Mỹ Lai - vụ binh sỹ Lữ đoàn 11 Bộ binh tàn sát 500 dân làng - được phóng viên Seymour Hersh phanh phui. Sau khi đọc về vụ đó, ông Stout tiếp xúc với một luật sư, ông Gerald Pollock, tại Phoenix. “Tôi cần nói để mọi người biết rằng Mỹ Lai không phải là vụ duy nhất,” ông nói.

Pollock nói ông vẫn nhớ buổi gặp gỡ với ông Stout. “Rõ ràng là anh ấy rất lo lắng, nhưng anh ấy thực sự muốn nói ra những gì mình đã thấy.” Tháng Mười hai năm 1969, Stout và luật sư của ông gặp gỡ các đại diện của Tư lệnh Điều tra Tội ác Quân đội. Stout nói ông nhớ đã đệ trình tám báo cáo, trong đó có vụ binh sỹ Mãnh Hổ hành quyết dân làng ngoài ruộng lúa. Trong hai lần gặp bổ sung, Stout nói ông đã cung cấp cho các điều tra viên Quân đội Mỹ tên của các nghi can, địa điểm các nơi xảy ra tội ác, và những thẻ căn cước mà ông đã lấy từ các tử thi của dân làng. Ông nói ông cũng cung cấp tên của viên trung sỹ chỉ huy và cha tuyên úy mà ông đã gặp để phàn nàn về những vụ giết người của trung đội.

“Tôi đã cung cấp tên người và các địa điểm chỉ cách nơi xảy ra các vụ giết người chừng năm mét,” ông nói. “Các tài liệu của tôi rất rõ ràng. Tôi đã nêu ra rất cụ thể, vì tôi biết họ sẽ phải hành động.” Tuy nhiên, ông nói, trong năm 1970, ông nhận được một lá thư của Quân đội tuyên bố rằng không thể tiến hành điều tra vì các điều tra viên không thể thâm nhập qua các ranh giới của đối phương để hỏi chuyện các nhân chứng. Nhưng sự thật không phải như vậy.

Stout đã không hề biết rằng các điều tra viên Quân đội đã đang tra hỏi hàng chục nhân chứng lúc bấy giờ, và hơn 100 nhân chứng khác trong hai năm sau đó. Ngày mùng 3 tháng Hai năm 1971, các điều tra viên đã phỏng vấn một nhân chứng chủ chốt của vụ này: Trung sỹ Gary Coy. Cựu binh sỹ Tiểu đoàn 1 này nói mình không biết về những lời cáo buộc của ông Stout, nhưng lại biết một tội ác khác trong đó một binh sỹ đã cắt lấy đầu của một đứa bé trong một túp lều.

Các điều tra viên sau đó đã xác định nghi phạm là Sam Ybarra, một binh nhì trong trung đội Mãnh Hổ và là một trong những thành viên nổi tiếng nhất của trung đội. Đó là khởi đầu của một cuộc điều tra khác, chỉ tập trung chủ yếu vào đơn vị Mãnh Hổ. Mặc dù cuộc điều tra Mãnh Hổ kéo dài đến tận năm 1975, Stout nói ông không biết tí gì về diễn biến đó. “Tôi không biết một tí gì rằng những báo cáo của tôi đã dẫn đến cuộc điều tra đó,” ông nói. Năm tháng qua đi, Stout nói ông đã rất bức mình về cách Quân đội đáp lại những lời yêu cầu của mình. Trong năm 1970, rồi đến năm 1975, ông đã gửi thư lên Lầu Năm Góc để hỏi thông tin, nhưng không bao giờ có hồi âm. Ngày 18 tháng Mười Hai năm 1996, ông viết thư cho vị dân biểu của mình, lúc đó là Hạ nghị sỹ Matt Salmon, thỉnh cầu được giúp tìm hiểu về sự vụ mình nêu. Nhưng Quân đội đã thông báo với văn phòng Hạ nghị sỹ Salmon ngày 12 tháng Hai năm 1997 rằng họ đã không thể tìm thấy hồ sơ gì của việc này. Chris Grey, một phát ngôn viên của Tư lệnh Điều tra Tội ác Quân đội, nói với tờ Blade hồi tuần trước rằng Quân đội không thể tìm thấy bằng chứng gì cho thấy ông Stout đã có bản tố cáo về các vụ việc nọ.

“Có hàng triệu hồ sơ, và chúng tôi còn đang phải tìm kiếm,” ông nói. Có một lý giải khác rằng có thể rất nhiều tài liệu đã bị tiêu hủy trong đầu thập niên 1970. Một bức thư năm 1973 hiện còn lưu tại Cục Lưu trữ Quốc gia, do Đại tá Joseph Tenhet viết tay, có viết rằng các vụ tội ác chiến tranh trong giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1971 đã được tiêu hủy “để chuẩn bị cho một cuộc ngừng bắn” của cuộc chiến. Trong bức thư ấy, đề gửi Đại tá Waldemar Soft, Đại tá Tenhet viết: “Một số lượng rất lớn các hồ sơ mật của chúng ta là về các tội ác chiến tranh. Trong công việc bình thường, những hồ sơ này không mấy khi được nhắc đến; vì vậy, cần cho phép được tiêu hủy chúng ngay lập tức.” Vì cuộc điều tra Mãnh Hổ kéo dài đến tận năm 1975, những hồ sơ của vụ này không bị tiêu hủy. Nhiều tài liệu, bao gồm cả những lời khai của các cựu binh, đều minh chứng cho các cáo buộc của ông Stout về những vụ tấn công dân thường trong thung lũng Sông Vệ. Có ít nhất chín dân làng không vũ khí đã bị lính trung đội giết hại trong tháng Sáu và tháng Bảy, nhưng đây chỉ là những trường hợp có số liệu chính thức. Các cựu binh và dân làng Việt Nam được tờ Blade phỏng vấn nói trung đội đã có những cuộc bắn giết hàng loạt trong hai tháng đó. Ông Nguyễn Đàm, 66 tuổi, một nông dân, nói đã có nhiều xác phải chôn đến mức dân làng đã phải đào những mồ tập thể... “Đã có nhiều người làng bị giết đến nỗi chúng tôi không thể chôn cất cho từng người được.” Các quan chức Quân đội Mỹ nói hiện họ đang tiến hành nghiên cứu lại vụ điều tra Mãnh Hổ, kể cả việc so sánh những bằng chứng do những điều tra viên Quân đội thu thập được 30 năm trước đây với những phát hiện của tờ Blade.

Ông Stout nói ông mong muốn Quân đội Mỹ phải tìm lại được những báo cáo gốc của ông. “Tôi đã tìm đến họ vì đó là việc phải làm,” ông nói. “Thế rồi họ chỉ biết bảo tôi rằng họ không hiểu tôi đang nói gì.” Ông muốn biết liệu đã có ai bị kỉ luật gì vì những báo cáo của ông không. “Tôi đã phải sống với chuyện này lâu lắm rồi,” ông nói. “Nếu không có gì xảy ra, tôi sẽ phải ép Quân đội mở lại vụ này.”

Một chuyên gia các vấn đề tội ác chiến tranh nói Quân đội Mỹ có trách nhiệm phải xem lại cách làm của mình đối với những vụ việc do ông Stout báo cáo. Ben Ferencz, 84 tuổi, một cựu công tố viên Hoa Kỳ từng được cử tham gia phiên tòa Nuremberg, nói cách làm của Quân đội Mỹ trong vụ điều tra Mãnh Hổ đã gây ra nhiều thắc mắc đến mức “các giới chức quân sự cần phải cho thấy rằng luật chiến tranh phải được tuân thủ, còn nếu không thì tại sao? Không thể tảng lờ các tội ác chiến tranh, trước kia hay bây giờ cũng vậy.”

Ông Stout đồng tình với ý kiến đó. Ông nói ông đã bị các binh sỹ khác chỉ trích vì đã báo cáo những hành vi tàn bạo xảy ra đã 34 năm rồi, và nhiều lần chính ông cũng nghi ngại khi trở lại vụ này nhiều năm sau. “Hiện nay người ta không tin rằng chúng ta có thể làm chuyện này,” ông nói. “Nhưng những gì mà tôi đã thấy, tôi không thể nào quên được.”

8 - Có điều tra mà không có công lý

Quân đội Mỹ đã có bằng chứng của nhiều tội trạng, rồi lại bỏ nửa chừng vụ án tội ác chiến tranh Việt Nam

Bảy năm sau khi rời Việt Nam, James Barnett không chịu đựng nổi nữa.

Bị ám ảnh nặng nề bởi hành vi giết hại thường dân, cựu binh nhất Mãnh Hồ này đã mời các điều tra viên Quân đội đến nhà mình để thú nhận. James nhận đã bắn chết một người mẹ trẻ không hề có vũ khí. Ông thú nhận những hành vi tàn bạo của trung đội với dân làng. Ông xin được miễn tố, nhưng cuối cùng, ông không bao giờ cần đến luật pháp bảo vệ. Không ai cần chuyện đó.

Mặc dù Quân đội Mỹ đã thu thập đầy đủ chứng cứ 20 tội ác chiến tranh của 18 binh sỹ Mãnh Hồ đã phạm phải trong năm 1967, với rất nhiều nhân chứng, nhưng không có ai bị truy tố. Từ năm 1971, Quân đội Mỹ đã mở một cuộc điều tra kéo dài ròng rã bốn năm, với các điều tra viên được phái đến khắp 63 thành phố ở Hoa Kỳ, Đức, Hàn Quốc, và Philippines. Đó là cuộc điều tra tội ác chiến tranh kéo dài nhất mà người ta từng biết đến trong cuộc chiến Việt Nam. Vụ việc đã được chuyển lên đến các cấp cao nhất trong Lầu Năm Góc và Nhà Trắng của Nixon. Tập thể điều tra viên đã kết luận có 18 binh sỹ Mãnh Hồ phạm các tội ác chiến tranh khác nhau, từ tội giết người và hành hung đến tội làm trái nhiệm vụ. Nhưng không có ai bị truy tố. Cuộc điều tra lẽ ra đã phải đem ra công lý một chuỗi dài các hành vi tàn bạo của một đơn vị tham chiến Mỹ tại Việt Nam, đã đến được Lầu Năm Góc và Nhà Trắng, nhưng chưa bao giờ đến được một tòa án, hoặc ra đến công chúng Mỹ. Ngược lại, vụ án đó đã bị che đậy trong kho lưu trữ của Quân đội Mỹ, và các nghi phạm chính vẫn được phép tiếp tục binh nghiệp của mình. Khi cuộc điều tra đó kết thúc, hệ thống pháp luật có nghĩa vụ truy tố tội phạm chiến tranh đã quay lại bảo vệ chúng. Hệ thống ấy đã thất bại ở tất cả các khâu.

Tờ Blade đã tiến hành một cuộc điều tra kéo dài tám tháng, dựa trên hàng ngàn hồ sơ và các cuộc phỏng vấn, và đã phát hiện ra rằng: các chỉ huy đã biết rõ về các hành vi tàn bạo của trung đội trong năm 1967, nhưng không chịu điều tra.

Binh sỹ đã đến gặp các sỹ quan chỉ huy Lục quân trong năm 1967 để phàn nàn về việc giết hại thường dân, nhưng những lời kêu cứu của họ đều bị tảng lờ. Các điều tra viên Quân đội Mỹ đã biết đến các hành vi tàn bạo này ở thời điểm tháng Hai năm 1971, nhưng mãi một năm sau mới phỏng vấn các nhân chứng.

Hai điều tra viên Quân đội Mỹ đã trả vờ điều tra, nhưng thực chất họ lại khuyến khích binh sỹ giữ im lặng để khỏi bị truy tố. Đến lúc cuộc điều tra ấy kết thúc vào tháng Sáu năm 1975, đã có sáu nghi phạm chủ chốt được cho phép xuất ngũ để quân đội không thể điều tra họ được nữa.

Khi bản báo cáo tổng kết của Quân đội Mỹ đến tay các tư lệnh binh chủng vào năm 1975 để có thể truy tố bốn nghi phạm còn lại trong quân ngũ, các điều tra viên đã đưa ra những thông tin sai lệch và nhiều khi không đầy đủ. Các sỹ quan tư lệnh đã không có hành động gì đối với ba trường hợp bị cáo buộc tội “giết người” nêu ra trong báo cáo tổng kết điều tra. Các điều tra viên phát hiện năm binh sỹ khác cũng đã phạm các hành vi tàn bạo, nhưng tên họ mấy người này không hề được nhắc đến trong báo cáo tổng kết.

Bốn chuyên viên luật pháp quân sự đã đọc lại bản báo cáo tổng kết này theo yêu cầu của tờ Blade, và đều đặt vấn đề tại sao vụ án lại đột ngột bị đóng lại như vậy.

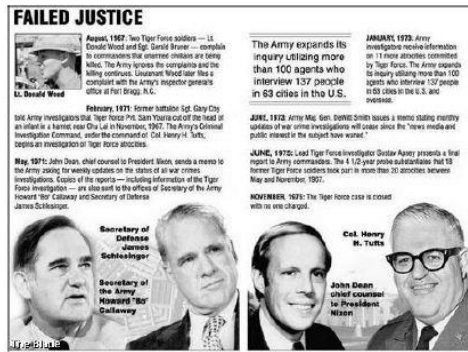
Trung tá về hưu H. Wayne Elliot, từng là giáo sư luật của Quân đội Mỹ, nói “Lẽ ra phải có một hình thức đại bồi thẩm để điều tra vụ này. Tôi thực sự không thể tin rằng Lầu Năm Góc lại không để mắt đến một vụ việc quan trọng và lớn như vậy.” Cuộc điều tra kéo dài bốn năm rưỡi của Quân đội Mỹ đã được khởi sự từ năm 1971. Hồ sơ điều tra chứa đựng một câu chuyện chưa được công bố: một trung đội đặc tuyển đốt phá làng mạc, hành quyết tù binh, và tàn sát một số lượng chưa được xác định những thường dân vô tội trong thời gian từ tháng Năm đến tháng Mười một năm 1967.

Trong những cuộc phỏng vấn mới đây với tờ Blade, nhiều cựu binh của trung đội đó nói đơn vị của họ có thể đã giết hại hàng nhiều trăm người, vi phạm luật quân sự và các Công ước Geneva năm 1949.

Những hành vi tàn bạo đã bị giữ kín cho đến tận năm 1971, khi Quân đội Mỹ bắt đầu mở cuộc điều tra kéo dài bốn năm rưỡi, với các điều tra viên được phái đến khắp 63 thành phố ở Hoa Kỳ, Đức, Hàn Quốc, và Philippines. Hơn 30 năm sau, phát ngôn viên Quân đội Joe Burlas nói ông không thể giải thích tại sao vụ án tội ác chiến tranh kéo dài nhất trong cuộc chiến Việt Nam ấy lại bị gián đoạn và bỏ rơi.

Nhưng có một việc rõ ràng: đó là những bằng chứng của các hành vi tàn bạo ấy đã được tường trình lên các cấp cao nhất của chính phủ Hoa Kỳ. Theo hồ sơ trong cục Lưu trữ Quốc gia thì trong năm 1973, báo cáo tóm tắt về vụ Mãnh Hổ đã được chuyển lên Nhà Trắng của Richard Nixon và các văn phòng của Bộ trưởng Quốc phòng James Schlesinger và Tổng trưởng Lục quân Howard “Bo” Callaway.

Thư ký của ông Schlesinger nói ông không chịu bình luận gì về việc này. Ông Callaway nói ông không nhớ có vụ điều tra đó. Ngoài các cấp quân sự ra, còn có một cơ chế khác đã có thể lắng nghe vụ này. Sau khi có vụ Thảm sát Mỹ Lai năm 1968 trong đó một đơn vị bộ binh Mỹ tàn sát khoảng 500 thường dân Việt Nam, người ta đã lập ra một tiểu ban đặc biệt của chính phủ Mỹ chuyên điều tra các vụ án tội ác chiến tranh nhằm ngăn chặn hiện tượng bao che. Nhưng theo lời bốn thành viên của tiểu ban sáu người này thì tiểu ban của họ, được gọi chính thức là “Nhóm công tác về Tội ác chiến tranh,” đã chưa bao giờ nhóm họp một lần nào cả.



Mặc dù đã huy động cỡ máy hơn 100 người đến điều tra ở 63 thành phố, dính líu tới cả Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng trưởng Lục quân song cuộc điều tra về tội ác chiến tranh ở Sông Vệ vẫn thất bại.

Hơn 2000 trang các lời chứng, trong đó có cả lời tự thú của cựu Trung sỹ Barnett năm 1974, đã được giấu kín trong các kho lưu trữ tài liệu của Quân đội Mỹ qua nhiều năm trời. Ông Barnett, qua đời trong năm 2001, đã nói về những hành vi của trung đội Mãnh Hổ với các điều tra viên khi họ đến thăm gia đình ông tại Tennessee rằng, “Hầu hết những sự việc ấy bây giờ đều có thể xác định là tội ác chiến tranh.”

Các cấp chỉ huy đã không ngăn chặn sự tàn bạo

36 năm trước, Đại úy Carl James đã từng có một cuộc viếng thăm bất ngờ đến thung lũng Sông Vệ. Ông tưởng sẽ gặp viên chỉ huy mới của trung đội để thảo luận về hậu cần, nhưng lại thấy mình đứng bên xác chết của một lão nông. Không có súng ống gì quanh đấy, cũng không thấy hỏa lực gì của địch trong khu vực đó. Trong một cuộc phỏng vấn mới đây, ông James nhớ rằng ông đã hỏi Trung úy James Hawkins tại sao lại giết một người không vũ khí như thế. Nhưng viên chỉ huy trung đội không trả lời. James nói ông đã cảnh cáo viên trung úy ngay ngày hôm đó (tháng Bảy năm 1967), nhưng đã không bao giờ làm tờ trình theo như qui định của luật quân sự⁽²⁰⁾. Ông nói “Tôi tưởng chỉ cảnh cáo anh ta như vậy là đủ rồi.”

Hành động không muốn tường trình lên các giới chức quân đội của James là một trong những lỗi lầm được biết đến đầu tiên của giới chỉ huy trong việc để mắt đến hành vi của đơn vị Mãnh Hổ và ngăn chặn việc giết người vô tội vạ. Rất nhiều lần về sau này, các sỹ quan chỉ huy tiểu đoàn đã biết đến những hành vi tàn bạo của Mãnh Hổ, nhưng không làm gì để ngăn chặn chúng.

Ví dụ:

- Harold Austin, cựu tiểu đoàn trưởng đặc trách đơn vị Mãnh Hổ, đã nói trong một cuộc phỏng vấn mới đây, rằng tiểu đoàn bộ của ông có nhận được các báo cáo về chuyện binh lính cắt tai và lột da đầu các tử thi Việt Nam trong năm 1967, nhưng không mở một cuộc điều tra nào cả.

- Những nhân chứng công nhận rằng Trung úy Donald Wood và Trung sỹ Gerald Bruner liên tiếp kêu với thượng cấp trong tháng Tám năm 1967 về việc binh lính Mãnh Hổ giết hại dân thường. Nhưng cũng không có điều tra gì hết.

- Đại úy Robert Morin nói với các quan chức Lục quân rằng ông có dự một buổi liên hoan của sỹ quan hồi 1967 trong đó nhiều người đùa bỡn về chuyện binh lính Mãnh Hổ dìm chết một nông dân dưới dòng Sông Vệ. Và cũng chẳng ai xem xét gì chuyện đó. Trong một cuộc

phỏng vấn mới đây, Hawkins nói ông không nhớ đã bị khiển trách ở Sông Vệ vì đã giết một lão nông, nhưng nhận rằng đã bắn những thường dân không chịu rời vào các trại tái định cư.

- Năm 1975, cựu bác sỹ tiểu đoàn Bradford Mutchler nói với các điều tra viên rằng hầu hết các sỹ quan chỉ huy không muốn điều tra đơn vị Mãnh Hổ vì sợ sẽ phải tiết lộ nhiều tội ác chiến tranh. “Đó là thứ mà ta chỉ muốn vun vào dưới tấm thảm rồi quên đi vì thực tình ta không muốn biết liệu chúng có thật hay không nữa,” ông nói.

Điều tra viên không tuân thủ luật

Mọi chuyện bắt đầu từ một lời tiết lộ trong năm 1971: một binh sỹ Mãnh Hổ đã chặt đầu một hài nhi Việt Nam. Lời tiết lộ đó của Trung sỹ Gary Coy đã khởi sự cuộc điều tra của Quân đội Mỹ kéo dài cho tới năm 1975. Dưới sự chỉ đạo của một thám tử địa phương ở Los Angeles, vụ điều tra này về sau đã huy động đến hơn 100 điều tra viên để gặp gỡ phỏng vấn 137 người. Những năm sau vụ Mỹ Lai 1968, giới chức quân sự đã hứa sẽ nghiêm chỉnh với vấn đề tội ác chiến tranh. Nhưng việc điều tra qua hàng ngàn hồ sơ của vụ Mãnh Hổ đã cho thấy rằng các điều tra viên đã không tuân thủ những luật lệ của chính họ.

Họ có nhiệm vụ phải khẩn trương điều tra ngay sau khi nhận được tố giác. Họ có nhiệm vụ phải theo dõi các nghi phạm chủ chốt. Họ có nhiệm vụ phải tìm kiếm nạn nhân. Những qui định đó đều bị phớt lờ, phá hoại nghiêm trọng cuộc điều tra lẽ ra đã phải phanh phui những hành vi tàn bạo nhất của cuộc chiến.

Ít nhất là sáu nghi phạm đã được phép giải ngũ trong thời gian điều tra để tránh không bị ra tòa án binh. Lẽ ra Quân đội Mỹ phải ngăn chặn những quyết định xuất ngũ này trong khi vụ án còn đang tiếp diễn. Ba nghi phạm khác đã tử trận. Không những nghi phạm, mà cả nhân chứng cũng được phép giải ngũ. Các điều tra viên đã để một năm sau khi nhận được lời tố giác của ông Coy mới bắt đầu tiến hành điều tra, cho nên 11 binh sỹ đã được xuất ngũ và không thể buộc họ phải làm chứng. Các nhân chứng bao gồm cả thường dân Việt Nam. Nhưng các điều tra viên Mỹ không đến Việt Nam để tìm nhân chứng, mặc dù đó là thông lệ trong công việc của họ. 36 năm sau, tờ Blade đã đến Việt Nam và tìm ra 11 dân làng còn nhớ rõ chi tiết ba hành vi tàn bạo của đơn vị Mãnh Hổ.

Ngay cả khi binh sỹ đã cung cấp những chi tiết rõ ràng của tội ác, điều tra viên vẫn không chịu theo những đầu mối ấy để điều tra đến cùng. Khi Barnett mời các điều tra viên về nhà mình vào năm 1974, ông thú nhận đã từng giết bà mẹ của một đứa bé mới sáu tháng tuổi. Nhưng người cựu trung sỹ này cũng nói rằng ông làm việc đó là theo lệnh của toán trưởng, Trung sỹ Harold Trout. Ông nói đã bắn người phụ nữ kia bằng súng trường sau khi y tá đã tiêm thuốc ngủ cho chị và Trung sỹ Trout đã dẫn chị vào một căn hầm. Khi hai người từ trong hầm đi ra, Trung sỹ Trout ra lệnh cho ông phải “tắm đầu” người phụ nữ đó luôn. Ông nói với các điều tra viên “Tôi rất áy náy về lệnh đó, nhưng nghĩ mình phải chấp hành thượng cấp. Với tôi, đó chỉ là một ngày như mọi ngày khác tại Việt Nam.” Ông có đưa tên tuổi một nhân chứng khác của vụ đó, nhưng các điều tra viên đã không xét hỏi gì đến người này. Còn Trung sỹ Trout không chịu tiếp chuyện các điều tra viên trong năm 1973 và cũng không chịu nói gì với tờ Blade. Trout nói “chiến tranh xảy ra đã lâu lắm rồi, và bây giờ tôi thực sự chẳng muốn nói gì đến nó nữa.”

Ngoài những vi phạm như trên, một khía cạnh khác của vụ điều tra khiến người ta phải đặt vấn đề là hình như các điều tra viên còn quá dè dặt đến mức tìm cách bảo vệ các nghi phạm nữa. Hai cựu binh Mãnh Hổ, trong đó một người từng là nghi phạm tội giết người, có nói trong những cuộc phỏng vấn mới đây rằng các điều tra viên đã khuyến khích họ đừng nói gì cả, một hành động vi phạm trắng trợn luật quân sự.

Dan Clint, người không phải là nghi phạm, nói với tờ Blade rằng điều tra viên Robert DeMario đã liên lạc với ông để thu xếp cuộc phỏng vấn thứ hai trong thời gian cuộc điều tra còn đang tiếp diễn. Clint nói: “Điều tra viên đó bảo tôi rằng: ‘Này, cậu hãy giúp tớ nhé. Cậu cứ nói cậu không nhớ bất kỳ chuyện gì hết, để tớ cho nó xong đi cho rồi’.” Và ông đã làm như vậy. Trong cuộc phỏng vấn với ông DeMario vào ngày 17 tháng Giêng năm 1974, ông Clint đã nói ông không thấy bất kỳ một tội ác chiến tranh nào. Điều tra viên DeMario qua đời hồi tháng Chín năm 1984.

Nhưng trong một cuộc phỏng vấn mới đây với tờ Blade, Clint nói một trung sỹ Mãnh Hổ đã hiếp một dân làng, và binh sỹ đã bắn chết cả thường dân lẫn tù binh, những người đã không còn đe dọa gì lính Mỹ nữa. Ông nói binh sỹ đã “giết người vô tội vạ.”

Một cựu binh khác của Mãnh Hổ là William Doyle cũng nhận rằng ông được các điều tra viên bảo đừng nói gì đến các tội ác chiến tranh, và đã làm như vậy. Các hồ sơ cho thấy trong cuộc phỏng vấn ngày 17 tháng Hai năm 1975 tại St. Petersburg, tiểu bang Florida, khi điều tra viên hỏi ông có biết gì về các tội ác của binh sỹ Mãnh Hổ không, cựu trung sỹ và nghi phạm này đã trả lời “Tôi không có gì để nói hết.” Nhưng trong một phỏng vấn mới đây, ông nói không những ông đã chứng kiến việc giết hại dân thường, mà còn tự mình làm việc đó. “Nếu muốn bóp cò thì cứ việc bóp cò. Muốn đốt làng thì cứ việc đốt làng. Muốn làm gì thì cứ làm. Làm gì có ai nói gì mà ngại?” Ông không chịu nói tên điều tra viên đã bảo ông im lặng. “Anh ta tiết lộ cho tôi hay tình hình mọi chuyện, họ định tìm kiếm cái gì, và định làm gì.” Ông Doyle hiện đã 70 tuổi và đang sống tại tiểu bang Missouri.

Báo cáo tổng kết khiến người đọc nghi ngờ những vụ chủ chốt

Mặc dù cuộc điều tra có nhiều vấn đề, Quân đội Mỹ vẫn có đủ bằng chứng của 20 tội ác chiến tranh, trong đó có tội giết người. Có nghĩa là đã có đủ bằng chứng để giải thích được nguyên do của những tội ác đó, yếu tố quan trọng nhất cần cho việc luận tội. Nhưng các điều tra viên đã trình bày với thượng cấp một bản sao khác của các sự kiện. Trong bản báo cáo tổng kết năm 1975 dùng để làm căn cứ buộc tội, trưởng điều tra viên Gustav Apsey đã trình bày những thông tin sai lệch và không đầy đủ về các tội ác nêu ra, khiến cho các trường hợp chủ chốt trở thành đáng ngờ. Ví dụ, không ai tranh cãi gì về vụ binh sỹ Mãnh Hổ đã nổ súng vào 10 lão nông trong thung lũng Sông Vệ hồi tháng Bảy năm 1967. Chi tiết phải bàn cãi duy nhất trong số bốn cựu binh đã khai vụ này với các điều tra viên là không biết bao nhiêu người trong số đó đã trúng đạn. Nhưng trong báo cáo, ông Apsey viết thẳng thừng rằng ông không thể chứng minh là việc đó đã xảy ra. Ông cũng không kèm theo những bản khai có cam đoan của bốn binh sỹ đã chứng kiến sự việc ấy:

- Chuyên viên William Carpenter khai rằng: “Chúng tôi giết khoảng 10 nông dân, rồi mới ngừng nổ súng.”

- Trung sỹ Forrest Miller khai rằng: “Những người trong làng và ở ngoài ruộng không hề bắn chúng tôi. Có khoảng 10 người, cả đàn ông và đàn bà, bị chúng tôi bắn chết.”

Lời khai của hai người đó về cơ bản giống hệt nhau: những nông dân ấy đã bị họ bắn hoàn toàn không có lí do gì cả.

Một điểm sai lệch chủ yếu khác là ông Apsey đã kết luận không rõ những người lính nào tham gia vụ tấn công đó. Nhưng thực tế không phải vậy: đã có hai binh sỹ khẳng định rằng Trung úy James Hawkins là người khởi sự vụ bắn giết. Một người còn nói rõ rằng chính trung úy này đã ra lệnh nổ súng vào nông dân.

Trong cuộc phỏng vấn mới đây với tờ Blade, Hawkins đã công nhận có ra lệnh ấy. Ông ta biện hộ rằng lẽ ra những nông dân ấy phải ở trong trại tái định cư chứ không được ở ngoài ruộng lúa. Ông ta nói “Bất cứ thứ gì trong khu vực đó đều là mục tiêu. Nếu còn sống, chúng phải bị tiêu diệt ngay.”

Những trường hợp khác trong bản báo cáo tổng kết đều không được thông tin đầy đủ. Các điều tra viên đã phỏng vấn bốn binh sỹ từng chứng kiến việc tàn sát đàn bà và trẻ em dưới ba căn hầm trú ẩn gần Chu Lai, nhưng báo cáo tổng kết lại đưa ra những thông tin sai lệch. Trong báo cáo đó, Apsey viết rằng ông không biết liệu những người bị giết ấy có phải là lính chiến đấu hay không. Trong khi nhân chứng nào cũng nói với các điều tra viên rằng những người trú dưới hầm gồm đàn bà và trẻ em, và không ai có vũ khí.

Một nhân chứng, cựu Binh nhất Ken Kerney, nói trong một bản khai có cam đoan rằng “những người bị giết không có biểu hiện gì là có liên lạc với quân địch.” Kerney nói ông đã đứng đó nhìn bọn trẻ con chạy xuống hầm, nhưng không gọi phiên dịch để ra lệnh cho chúng ra ngoài. Theo hồ sơ của Quân đội Mỹ về vụ này (không được báo cáo nhắc đến), Binh nhất Kerney đã khai với điều tra viên rằng trung đội Mãnh Hổ được lệnh phải tiến vào ngôi làng đó. Khi binh sỹ đến làng, “mọi người trong làng đều chạy xuống hầm. Không có ai làm phiên dịch để có thể nói chuyện với dân làng. Nhưng Mãnh Hổ biết phải làm gì.” Họ ném lựu đạn xuống qua các cửa hầm. Sau đó, họ đã lục soát các căn hầm ấy và “không thể tìm ra dấu hiệu gì có Việt Cộng,” hoặc “mối liên hệ của dân làng với đối phương.” Hai cáo buộc tội trạng chiến tranh khác đã được các điều tra viên thu thập đầy đủ chứng cứ cũng không được nhắc đến trong báo cáo tổng kết: vụ nổ súng tấn công nhiều dân làng không có vũ khí ở gần Chu Lai, và vụ giết hại hai người mù dờ trong thung lũng Sông Vệ. Trong một phỏng vấn mới đây, Apsey nói ông không thể giải thích tại sao bản báo cáo lại có những thông tin sai lệch như vậy. “Bây giờ mỗi khi nghĩ lại, tôi thấy rất áy náy. Tôi thật sự xấu hổ. Tôi cũng chẳng biết nói gì hơn thế,” Apsey nói. Vụ giết hại đàn bà và trẻ em ở dưới hầm là “một tội ác chiến tranh, không nghi ngờ gì nữa. Không hiểu sao tôi lại viết những điều mà tôi đã viết.” Apsey nói ông không định vô hiệu hóa cuộc điều tra. “Tôi sẽ không bao giờ làm vậy.” Ông nói các công tố viên dù sao cũng sẽ gặp khó khăn khi lên án các tội ác chiến tranh vì thời gian gây án đã quá lâu và nhiều trường hợp đã hết giới hạn buộc tội. Nhưng hồ sơ lại cho thấy rằng trong năm 1975, vẫn còn nhiều nhân chứng có thể hầu tòa, và sự giới hạn buộc tội không áp dụng cho các tội danh giết người.

“Thời điểm chính trị” có thể là nguyên nhân khiến vụ án bị ngưng

Mặc dù báo cáo tổng kết chứa đựng nhiều sai lệch, ông Apsey vẫn trình lên thượng cấp ba tội danh giết người có thể kết án được, một trong số này nêu đích danh Trung đội trưởng Mãnh Hồ James Hawkins. Nhưng vẫn chẳng ai bị kết án. Cũng chẳng có một cuộc điều trần theo Điều 32 nào, thực chất là tương đương với một đại bồi thẩm quân sự, và là bước đầu tiên để có thể đưa nghi phạm ra tòa án binh.

Trong báo cáo tổng kết, ông Apsey viết: “Trung đội trưởng, Trung úy James Hawkins giết hại một ông già Việt Nam không mang vũ khí bằng cách bắn vào đầu ông ta. Toán trưởng, Binh nhất James Cogan hành quyết một cụ già Việt Nam không có vũ khí bằng cách dùng súng 45 li bắn hai phát vào đầu cụ già này.” Cogan đã được xuất ngũ đúng lúc bản báo cáo tổng kết được vào hồ sơ năm 1975, và như nhiều nghi phạm khác, ông ta đã vượt ra ngoài thẩm quyền phán xét của một tòa án binh. Theo luật quân sự, kết án một binh sỹ là hoàn toàn do các tướng lĩnh phụ trách anh ta quyết định. Phát ngôn viên Quân đội Mỹ Joe Burlas nói đó là điều đã diễn ra trong vụ này: các tướng lĩnh đã quyết định không kết án dựa trên những bằng chứng đã có. Nhưng ông Hawkins nói chuyện đó không xảy ra với ông. Ông ta nói trường hợp của ông đã được định đoạt bởi những thẩm quyền cao hơn vị tướng phụ trách ông, Thiếu tướng William Maddox. Trong cuộc phỏng vấn mới đây, Hawkins nói ông ta đã được Lầu Năm Góc triệu đến trong tháng Mười một năm 1975, tức là năm tháng sau khi bản báo cáo tổng kết đã được hoàn tất. Cùng đi với ông ta là tướng Maddox. Ông ta nói họ được đọc một “thông báo” luật pháp tuyên bố rằng vụ án đã được đóng lại. Ông ta không nhớ ai đã đưa cho mình đọc thông báo đó nhưng nói vẫn còn nhớ nội dung của nó. Ông ta nói: “Họ nói đại loại rằng: Đúng rồi, có sai phạm chỗ này chỗ kia, chúng tôi biết cả. Nhưng về cơ bản thì... vì quyền lợi này nọ... không ai muốn theo đuổi việc này làm gì. Có vẻ như đó là kết luận của họ về chuyện đó.” Ông ta nói cuộc điều tra trung đội Mãnh Hồ là “việc hệ trọng, nhưng lại được giữ cực kỳ im ắng. Vụ đó nóng bỏng thật. Nhưng sau vụ Mỹ Lai, quân đội nhất định chẳng muốn một lần nữa bị tai tiếng với công chúng.” Tướng Maddox đã qua đời trong năm 2001. Còn cựu Trung sỹ Trout không chịu bình luận gì về trường hợp của mình.

Bất kể người đã quyết định không kết án là ai đi nữa, ông Burlas nói các tội danh giết người ấy vẫn rất khó bị kết án vì nhiều lí do, trong đó có lí do thiếu tiếp cận với hiện trường gây án và bằng chứng vật thể. Nhưng trong nhiều năm trước khi đến thời điểm báo cáo tổng kết, các điều tra viên lẽ ra đã phải đi đến các hiện trường gây án tại Nam Việt Nam và phỏng vấn các nhân chứng tại đó. Bên cạnh đó, theo lời các chuyên gia luật pháp quân sự, bằng chứng vật thể, như xác chết và vũ khí, không phải là yêu cầu thiết yếu trong các vụ thuộc loại này. Trưởng điều tra viên, ông Apsey, nay đã hưu trí và đang sống tại tiểu bang Washington, nói ông không biết tại sao các tướng lĩnh lại không kết án Trout và Hawkins. “Tôi biết vụ việc khốn kiếp ấy sẽ chẳng đi đến đâu,” ông nói. “Điểm mấu chốt là, thời điểm chính trị của nó không thích hợp.” Ông Apsey nói trong suốt thời gian điều tra, các thượng cấp của ông đã rất lo lắng về việc vụ Mãnh Hồ bị giới báo chí phát hiện. “Tôi xin nói thế này: vào thời điểm ấy, đó là vấn đề khẩn cấp loại một,” Apsey nói, rồi thêm rằng các điều tra viên được lệnh phải phỏng vấn nhân chứng trong vòng 24 giờ kể từ lúc được phân công làm việc đó. Bốn chuyên gia nghiên cứu bản báo cáo tổng kết cho tờ Blade nói, với một số trường hợp đã đầy đủ chứng cứ thì Quân đội có thể buộc tội được, nhưng có nhiều trường hợp thì khó làm được như vậy.

William Eckhardt, trưởng công tố vụ Mỹ Lai, nói Quân đội Mỹ ngại đưa vụ này ra tòa vì sợ công luận. “Có thể họ nghĩ rằng họ không muốn có thêm nhiều Mỹ Lai nữa.” Ông cũng nói thêm rằng vụ này thực sự khó khăn vì các binh sỹ cũng sẽ rất ngại không muốn ra làm chứng tại tòa. “Nếu nhìn lại những gay go mà chính phủ đã phải trải qua vì vụ Mỹ Lai, thì việc người ta không muốn theo đuổi vụ này đến cùng chẳng có gì lạ đối với tôi.” Nhưng điều đó không ngăn cản Quân đội Mỹ kết án các hành vi tàn bạo khác.

Theo các hồ sơ trong Lưu trữ Quốc gia, trong số 242 vụ điều tra tội ác chiến tranh tại Việt Nam, một phần ba là có đủ bằng chứng, dẫn đến 21 án trạng đủ loại, từ tội đánh đập tù binh cho đến tội giết hại dân thường. 10 binh sỹ đã nhận án tù từ 30 ngày cho đến 20 năm, mặc dù các án này về sau đều được giảm. Nhưng trong vụ Mãnh Hồ thì không có một trừng phạt nào cả. Ngược lại, ba nghi phạm về sau còn được thăng cấp: Đại úy James, người bị buộc tội đã không báo cáo một tội ác chiến tranh, đã được thăng Thiếu tá. Trout xuất ngũ năm 1985 với hàm Thượng sỹ. Hawkins được thăng cấp Thiếu tá và trở thành huấn luyện viên hàng không dân sự tại Fort Rucker, tiểu bang Alabama, sau khi xuất ngũ năm 1978.

Nhà Trắng đã từng theo dõi chặt vụ điều tra này

Vụ điều tra Mãnh Hồ vẫn còn nhiều bí ẩn đối với chúng ta.

Hàng chục biên bản đã thất lạc trong cơ quan Lưu trữ Quốc gia, và Quân đội Mỹ không chịu đưa ra các báo cáo của mình, viện cớ quyền cá nhân của binh sỹ không được tiết lộ. Nhưng các biên bản cho thấy một điều rõ ràng là trong thời gian từ năm 1971 đến năm 1973, các báo cáo tóm tắt của cuộc điều tra đã được gửi đến Nhà Trắng.

Khi Tổng thống Nixon còn đương nhiệm, cố vấn trưởng của ông là John Dean đã lệnh cho Quân đội Mỹ hồi tháng Năm năm 1971 phải cập nhật hàng tuần về tình trạng của các cuộc điều tra tội ác chiến tranh. Lúc đó có 10 vụ tắt cả, kể cả vụ Mãnh Hồ. Đến năm 1973, các báo cáo này được đệ trình hàng tháng.

Ngoài ra, một công văn nội bộ đề ngày mừng 2 tháng Ba năm 1973 đã mô tả trường hợp Mãnh Hồ, với năm nghi phạm và nhiều thành viên chưa rõ danh tính khác của trung đội đang bị điều tra về các tội từ giết người đến cắt xén tử thi. Công văn ấy đã được gửi từ văn phòng Tổng trưởng Bộ binh đến văn phòng Bộ trưởng Quốc phòng.

Nhưng đến tháng Sáu năm 1973, tức là năm tháng sau khi Mỹ rút quân, Quân đội Mỹ ngưng việc gửi các báo cáo cập nhật lên Nhà Trắng. Một công văn nội bộ của Thiếu tướng DeWitt Smith gửi các quan chức Quân đội Mỹ có viết rằng “giới báo chí và công chúng đã không còn quan tâm nhiều đến chủ đề này từ khi Hoa Kỳ chấm dứt dính líu tại Việt Nam.” Ông này tuyên bố tiếp rằng “không cần tiếp tục điểm tình hình này hàng tháng” nữa. Ông Dean, người đã rời Nhà Trắng trong tháng Tư năm 1973, nói trong một cuộc phỏng vấn mới đây rằng ông không nhớ vụ Mãnh Hồ, nhưng cũng không ngạc nhiên nếu vụ đó bị bỏ bằng. Ông nói “Chính phủ không thích những câu chuyện xấu xa.” Cựu tổng trưởng Bộ binh Howard “Bo” Callaway cũng nói ông không nhớ vụ này, nhưng lại tuyên bố nếu quả thật có vụ đó thì ông đã xem xét các lời cáo buộc một cách “rất nghiêm chỉnh.” “Tôi đảm bảo rằng sẽ không có chuyện vun nó xuống dưới thảm.”

Khi cuộc điều tra Mãnh Hồ còn đang tiếp diễn, Gerald Ford lên nhậm chức tổng thống sau khi Richard Nixon từ chức vào tháng Tám năm 1974. Trong vòng năm tháng sau đó, chỉ còn lại một vụ điều tra tội ác chiến tranh, là vụ Mãnh Hồ. Lúc đó, Tổng thống Ford đang hối thúc công chúng Mỹ “hàn gắn các vết thương chiến tranh Việt Nam.”

Tháng Tư năm 1975, quân giải phóng tiến vào Sài Gòn, thống nhất đất nước. Tháng Mười một năm đó, vụ Mãnh Hồ được đóng lại. Một phát ngôn viên của cựu Tổng thống Ford nói ông từ chối bình luận về các hành vi tàn bạo trong cuộc chiến Việt Nam.

Tiến sỹ David Anderson, một cựu binh của cuộc chiến Việt Nam, người đã biên tập cuốn sách “Đối diện Mỹ Lai,” nói một kỉ nguyên chính trị mới đã bắt đầu trong năm 1975, với các vấn đề kinh tế làm lu mờ cuộc chiến. “Không ai muốn nghe về tội ác chiến tranh nữa,” ông nói. “Chuyện đó sẽ rất khó chịu.”

9 - Biên bản biến mất

Các tài liệu về Mãnh Hồ lần tránh điều tra viên quân đội.

WASHINGTON – Hiện tại, Quân đội Mỹ không thể tìm ra những biên bản quan trọng nhất về một số hành vi tàn bạo của một trung đội đặc tuyển tại Việt Nam, khiến người ta nghi ngại rằng có lẽ công chúng Mỹ sẽ không bao giờ biết hết mức độ của những hành động đó, đã diễn ra 36 năm trước đây.

Giới chức có thẩm quyền đã tìm kiếm trong các trung tâm dữ liệu những tài liệu biên bản về việc trung đội Mãnh Hồ giết hại đàn bà và trẻ em tại một thung lũng hẻo lánh trong tháng Sáu và tháng Bảy năm 1967. Nhưng họ không thể giải thích nổi tại sao những biên bản này lại bị thất lạc. “Tại thời điểm này, chúng tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với những biên bản này.” Đó là lời ông Chris Grey, một phát ngôn viên của Tư lệnh Điều tra Tội ác của Quân đội. Thắc mắc về việc không biết những biên bản này hiện ở đâu đã được nêu ra trong lúc Quân đội Mỹ tiến hành một cuộc duyệt xét lại những hoạt động của Mãnh Hồ ở Cao nguyên Trung phần Việt Nam trong thời gian từ tháng Năm đến tháng Mười một năm 1967.

Một loạt phóng sự gần đây của tờ Blade, nhan đề “*Bí mật chôn vùi, sự thật tàn bạo,*” đã tiết lộ rằng trung đội gồm 45 binh sỹ này đã giết hại và cắt xén thi thể của những dân làng không chịu rời bỏ nhà cửa của họ, trong một chuỗi tội ác chiến tranh kéo dài nhất của một đơn vị tham chiến tại Việt Nam. Một số dân làng đã bị hành quyết trong khi kêu xin tha mạng. Một số bị cắt tai và lột da đầu làm đồ lưu niệm, những người khác bị cho nổ tung dưới hầm trú ẩn.

Theo phụ lục của Cục Lưu trữ Quốc gia, những biên bản bị thất lạc, bao gồm bản báo cáo chính thức đầu tiên tố cáo về trung đội này đã được đệ trình trong năm 1969, cùng những lời làm chứng có tuyên thệ của hơn 100 binh sỹ. Nhiều chuyên gia về tội ác chiến tranh nói việc thất lạc biên bản như vậy trong thời điểm Quân đội Mỹ đang cố duyệt xét lại các hoạt động của đơn vị là một hiện tượng rất rắc rối.

Theo lời ông Curt Goering, Phó Giám đốc tổ chức Ân xá Quốc tế, một tổ chức theo dõi những vi phạm nhân quyền, thì “khi những tài liệu chủ chốt như thế này bị thất lạc, người ta sẽ phải đặt ra rất nhiều câu hỏi.”

Các chuyên viên tại Cục Lưu trữ Quốc gia ở ngoại ô thủ đô Washington và trung tâm biên bản tội ác của Quân đội Mỹ tại Fort Belvoir, tiểu bang Virginia, có nói trung tuần tháng Mười hai năm 2003 rằng họ đã không thể tìm thấy các biên bản đó. Nhưng có hai nghị sỹ Quốc hội đang hối thúc các giới chức phải tiếp tục tìm bằng được các biên bản này. Đó là Thượng nghị sỹ John McCain (đại diện đảng Cộng hòa của tiểu bang Arizona) và Hạ nghị sỹ Dennis Kucinich (đại diện đảng Dân chủ của tiểu bang Cleveland), người đã viết thư tới các giới chức chính phủ tháng Mười hai năm 2003, hối thúc họ phải tiếp tục tìm kiếm.

Quân đội Mỹ đã khởi sự xem xét lại các hoạt động của Mãnh Hồ sau khi tờ Blade- cho đăng tải loạt phóng sự từ ngày 19 đến ngày 22 tháng Mười năm 2003. Loạt phóng sự đã tìm ra rằng Quân đội Mỹ đã bí mật điều tra đơn vị Mãnh Hồ 30 năm trước đây, đã có bằng chứng của 20 hành vi tàn bạo liên quan đến 18 binh sỹ. Nhưng vụ điều tra đó lại được im lặng đóng lại vào năm 1975, không có một khởi tố nào, và rồi được giấu kín trong các lưu trữ quân sự trong suốt 28 năm trời. Các điều tra viên Quân đội Mỹ hiện đang lục lại hàng trăm hồ sơ của vụ điều tra kia, so sánh chúng với những thông tin đăng trong loạt bài phóng sự hiện nay. Các giới chức nói họ đang tìm những bằng chứng mới có thể dẫn đến việc khởi tố một số binh sỹ trước đây.

Theo các báo cáo kiểm kê của Cục Lưu trữ Quốc gia, trong số các tài liệu bị thất lạc có biên bản những tội ác chiến tranh cụ thể của lực lượng đặc nhiệm trong những ngày đầu mùa hè, trong đó có vụ tàn sát 35 phụ nữ và trẻ em trên một ruộng lúa. Các hồ sơ và những cuộc phỏng vấn đều cho thấy rằng những tội ác đó đã xảy ra trong thời gian trung đội tuần tiểu khu vực thung lũng Sông Vệ hồi tháng Sáu và tháng Bảy, khi binh sỹ bắt đầu bắn giết thường dân vô tội vạ. Một nhân chứng mà lời khai có tuyên thệ của ông đã bị thất lạc nói ông đã cung cấp cho Quân đội Mỹ chi tiết của khoảng tám vụ hành động tàn bạo, trong đó có vụ Mãnh Hồ hành quyết dân làng trên một ruộng lúa. “Làm sao biên bản lại có thể tự dung biến mất được? Tôi không hiểu được chuyện đó,” ông Stout nói. Ông từng là phóng viên của tờ báo Screaming Eagle của quân đội Mỹ tại Việt Nam. “Tôi đã gặp các điều tra viên của Quân đội ba lần. Họ đều lấy lời khai của tôi.” Hiện ông là một nhà thầu xây dựng tại Phoenix.

Các hồ sơ của Cục Lưu trữ Quốc gia cho thấy ông Stout đã đệ trình tám bản tố cáo, bắt đầu từ ngày 16 tháng Mười hai năm 1969, khiến Quân đội Mỹ phải cho điều tra viên đi phỏng vấn binh sỹ trong suốt hai năm sau đó. Một trong các nhân chứng được phỏng vấn đó cuối cùng đã cung cấp chi tiết của một tội ác chiến tranh khiến cho Quân đội Mỹ phải mở một cuộc điều tra riêng về trung đội Mãnh Hồ từ năm 1971 và kéo dài hơn bốn năm liền sau đó. Hồ sơ của cuộc điều tra này thì vẫn còn, và chúng là cơ sở cho loạt phóng sự của tờ Blade. Nhưng các báo cáo bắt nguồn từ các lời cáo buộc của ông Stout thì không còn nữa, mặc dù phụ lục kiểm kê cho thấy các báo cáo này đã được lưu hồ sơ tại Cục Lưu trữ Quốc gia trong năm 1972.

Ông Stout, 58 tuổi, nói ông chỉ biết đến số phận các báo cáo của mình khi đọc được loạt phóng sự của tờ Blade. Sau đó, ông đã liên lạc với Thượng nghị sỹ McCain, người đã phúc đáp ông bằng một bức thư đề ngày 10 tháng Mười hai, nói rằng Quân đội Mỹ đã được báo động phải tìm cho ra các biên bản kia. Trong bức thư đó, Thượng nghị sỹ McCain viết: “Khi có hồi âm, tôi sẽ lập tức thông báo để ông được biết.”

Kucinich, một ứng cử viên Tổng thống của Đảng Dân chủ, nói ông đã viết thư cho Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld trong tuần tháng Mười hai năm 2003 sau khi đọc loạt phóng sự của tờ Blade. Ông nói ông muốn biết thực trạng của những biên bản bị thất lạc và lí do tại sao vụ này lại chưa bao giờ được chuyển cho một tòa án binh nào. Ông nói: “Trước hết là tại sao những biên bản như vậy lại vô cớ biến mất? Điều đó hoàn toàn vô lí.”

Các điều tra viên Quân đội Mỹ tiếp tục nghiên cứu vụ Mãnh Hồ, kể cả các lời khai có tuyên thệ và nhật ký điện đàm⁽²¹⁾, nhưng từ chối không bình luận gì về thực trạng của cuộc điều tra này. Các giới chức nói họ đang tìm kiếm những bằng chứng mới và cả những lý do tại sao lại

không có ai bị khởi tố, mặc dù đã có những lời khai của nhân chứng về những vụ giết hại thường dân. Tháng trước, phát ngôn viên Quân đội Mỹ Joe Burlas có nói rằng tội danh giết người thì không bị cơ chế hết hạn ràng buộc.

Các điều tra viên có thể tìm thấy nhiều hành động tàn bạo đã diễn ra 36 năm trước đây, nhưng có lẽ họ không bao giờ biết được qui mô và mức độ của những hành động ấy. Stout nói nghề phóng viên Quân đội đã cho phép ông đi cùng với các đơn vị tham chiến trong thung lũng Sông Vệ, nơi ông đã chứng kiến nhiều vụ hành quyết tập thể. “Hàng trăm người đã bị giết, và tôi đang nói đến đàn bà và trẻ em. Họ không phân biệt gì hết. Đó là tội giết người, và tôi sẽ nói vậy cho đến lúc chết. Đó là tội giết người.” Theo kiểm kê đầu mục hồ sơ tại Cục Lưu trữ Quốc gia, cũng đã có nêu trường hợp một y sỹ bơm nước dưới đầm lầy vào thân thể một tù binh rồi sau đó người này bị bắn chết. Cũng có trường hợp một phụ nữ Việt Nam còn trẻ bị 22 binh sỹ hãm hiếp, rồi sau đó bị giết.

Gerald Pollock, một luật sư đại diện cho ông Stout, nói Stout đã là thân chủ của ông từ năm 1969 khi đệ trình những báo cáo đầu tiên cho Tư lệnh Điều tra Tội ác Quân đội. Ông nói các lời chứng của ông Stout về những vụ tấn công thường dân đó đều nhất quán với nhau từ trước tới nay. “Trước kia cũng như hiện nay, ông ấy vẫn rất mạnh mẽ trong chuyện này,” luật sư Pollock nói. “Vụ việc vẫn luôn làm ông ấy phiền lòng.” Không ai biết điều gì đã xảy ra sau khi người ta đã nghiên cứu các báo cáo của ông Stout cũng như 100 lời chứng thu thập được trong những cuộc phỏng vấn sau đó. Các chuyên gia thắc mắc tại sao các hồ sơ ấy lại không còn trong Cục Lưu trữ Quốc gia và Trung tâm hồ sơ tội ác của Quân đội. Khi cuộc điều tra kết thúc vào năm 1972, qui định của Quân đội Mỹ là nghiêm cấm không được hủy các hồ sơ điều tra tội ác trong vòng 40 năm. Theo luật liên bang, những hồ sơ này lẽ ra phải có mặt tại trung tâm hồ sơ tội ác Quân đội, với các bản sao lưu tại Cục Lưu trữ Quốc gia.

Ông Goering của tổ chức Ân xá Quốc tế nói Quân đội Mỹ cần phải giải thích việc thất lạc hồ sơ này. Ông nói “Lẽ dĩ nhiên, việc này khiến cho người ta nghi rằng phải có chuyện gì khác đằng sau chứ không thể là một lầm lẫn thực sự.” Tổ chức Ân xá Quốc tế của ông Goering dự định sang năm sẽ có cuộc tiếp xúc với các giới chức Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ về vụ Mãnh Hổ. Ông Goering nói Quân đội Mỹ phải có trách nhiệm tìm cho ra các hồ sơ đó. “Mặc dù câu chuyện xảy ra đã nhiều năm rồi, nhưng ý nghĩa của nó không dừng lại cùng với những hành động đó, và cũng không dừng lại với cả cuộc chiến. Nó đã trở thành vấn đề lớn hơn liên quan đến trách nhiệm đối với những tội ác chống lại con người vẫn xảy ra trong các lực lượng quân đội.”

Chú thích:

21. Nhật ký điện đàm (Radio logs): những báo cáo của các trung đội về chuyển dịch hành quân và các hoạt động của họ, được điện đàm trực tiếp đến các chỉ huy sở tiểu đoàn. Có 5 cựu chiến binh Mãnh Hổ nói các nhật ký điện đàm cả trung đội họ đã bị xuyên tạc nhằm che đậy các tội ác chiến tranh.

10 - Vụ Mãnh Hổ vẫn chưa có đáp án

Washington chậm trả lời những đề nghị cho Quân đội khởi tố

Suốt 37 năm qua, cựu nhà báo Quân đội Dennis Stout vẫn chờ đợi công lý sau khi đã chứng kiến thành viên của một trung đội đặc tuyển tại Việt Nam giết hại dân thường không có vũ khí. Quân đội Mỹ đã tiến hành một cuộc điều tra lớn trong những năm 1970, nhưng đã che giấu kết quả và không khởi tố một ai. Sau khi tờ Blade phanh phui những hành vi tàn bạo này hồi tháng Mười năm 2003, Quân đội Mỹ đã bắt đầu xem xét lại vụ này, thậm chí đã phỏng vấn lại ông Stout, và nói với Dân biểu Dennis Kucinich (Đảng Dân chủ, bang Cleveland) rằng sẽ có kết luận vào cuối tháng Ba năm 2004.

Tất cả vẫn đang chờ đợi.

Vừa rồi, ông Kucinich đã gửi thư cho quyền Tổng trưởng Lục Quân Les Brownlee, hỏi lại vấn đề tại sao Quân đội Mỹ đã không khởi tố các cựu binh của đơn vị Mãnh Hổ và hiện nay Quân đội có kế hoạch khởi tố họ hay không. “Tôi hy vọng rằng Quân đội hôm nay có thái độ nghiêm túc đối với những tội ác mà các quân nhân đã gây phạm trong năm 1967, cũng như với tình hình chưa khởi tố được một ai trong những vụ tội phạm này.” Ông Kucinich viết.

Loạt phóng sự của tờ Blade hồi tháng Mười năm 2003 nhan đề *“Bí mật chôn vùi, sự thật tàn bạo”* đã cung cấp tài liệu về các tội ác chiến tranh của một trung đội danh tiếng chuyên tiến hành các cuộc hành quân tìm-diệt dài ngày. Phải đương đầu với những cuộc phục kích và hố chông của đối phương, một số binh sỹ đã quay súng tấn công đàn ông, đàn bà và trẻ em không có vũ khí trong một cuộc tàn sát kéo dài từ tháng Năm đến tháng Mười một năm 1967 qua suốt hai tỉnh trong Cao nguyên Trung phần. Đó là loạt các hành vi tàn bạo kéo dài nhất mà người ta biết được cho đến nay của một đơn vị tham chiến tại Việt Nam, với con số nạn nhân tử vong được ước tính lên tới nhiều trăm người.

Một tuần lễ sau khi loạt phóng sự này được đăng tải, Quân đội Mỹ mở một cuộc “xét lại thật chu đáo” vụ án này.

Từ đó đến nay, văn phòng phụ trách các công vụ của Quân đội Mỹ rất hiếm khi có hồi âm cho những yêu cầu của tờ Blade muốn được cập nhật tình hình của vụ án, kể cả lời yêu cầu gần đây nhất được gửi trong ngày mừng 3 tháng Năm này. Ngày 11 tháng Năm năm 2004, Trung tá Pamela Hart nói bà đang quá bận với những vụ lính Mỹ hành hạ tù nhân tại Iraq nên chưa thể kiểm tra tình hình của vụ Mãnh Hổ.

Trong trường hợp Iraq, bảy cảnh sát quân đội đã bị khởi tố, và Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld đã khẳng định với Quốc hội hôm thứ Sáu rằng ông sẽ hối thúc để công lý được thi hành nghiêm chỉnh.

Ông nói: “Một phần các xác tín của chúng ta là phải đảm bảo được rằng khi có sai phạm và bê bối xảy ra, chúng phải được phanh phui, không được che đậy, và chúng phải được điều tra, và tội phạm phải được đem ra xét xử theo công lý.”

Tuy nhiên, vẫn có một câu hỏi quan trọng về vai trò của ông Rumsfeld trong vụ Mãnh Hồ, vốn đã bị ém nhem trong năm 1975, đúng vào thời điểm ông Rumsfeld bắt đầu chức vụ Bộ trưởng Quốc phòng lần đầu của mình. Ông Rumsfeld nói ông không nhớ có vụ Mãnh Hồ, mặc dù đó là một cuộc điều tra tội ác chiến tranh lâu dài nhất tại Việt Nam.

Ông Kucinich nói ông đang chờ đợi các kết quả của cuộc điều tra Mãnh Hồ gần đây nhất của Quân đội Mỹ, trong đó:

Đại tá William Condron, trưởng ban luật hình sự của văn phòng chánh án, sẽ phải tìm ra xem vụ án gốc đã bị đóng lại như thế nào và ai ra lệnh cho đóng lại vụ án. Những lời cáo buộc vẫn bị giữ kín và việc khởi tố có thể sẽ không được công luận biết đến.

- Thiếu tướng Donald Ryder, viên sỹ quan chấp pháp cao cấp nhất của Quân đội Mỹ, sẽ phải quyết định liệu có nên khuyến nghị khởi tố ai trong vụ án hay không, kể cả trong số 18 cựu binh mà cuộc điều tra gốc đã kết luận là có phạm tội. Tội danh giết người không bị hạn chế thời gian xét xử, và các binh sỹ đã về hưu vẫn có thể bị khởi tố.

Tướng Ryder cũng là nhân vật chính trong vụ bê bối hành hạ tù nhân Iraq. Ông là người đã viết một báo cáo mật hồi tháng Mười một, cảnh báo về các vấn đề trong hệ thống giam giữ tù nhân Iraq. Tuy nhiên, ông Stout vẫn không tin Quân đội Mỹ sẽ tiếp tục đến cùng vụ điều tra Mãnh Hồ, với bằng chứng là cho đến nay đã làm gì có ai bị khởi tố vì những tội ác mà ông đã khai báo ngay từ hồi còn ở Quảng Ngãi, kể cả vụ tàn sát 35 đàn bà và trẻ em ngay trên một thửa ruộng hồi tháng Bảy năm 1967.

“Tôi nghĩ cách nghĩ của họ vẫn chẳng có gì thay đổi,” ông Stout nói.

Trong năm nay, đại diện của Quân đội Mỹ cũng đã phỏng vấn cựu sỹ Rion Causey, người đã khai rằng các sỹ quan Mãnh Hồ đã ra lệnh một cách có hệ thống cho trung đội giết tất cả đàn ông trong một vùng lãnh thổ của tỉnh Quảng Nam.

11 - Luật sư quân đội đòi khởi tố tội ác chiến tranh

30 năm sau khi một trung đội bộ binh liên tiếp hành quyết thường dân không vũ khí và tù binh tại Việt Nam, một luật sư quân đội đang đề nghị viên cựu chỉ huy của đơn vị đó phải bị khởi tố tội ác chiến tranh.

Tờ Blade đã nghe tin rằng Thiếu tá về hưu James Hawkins có thể sẽ phải ra tòa án binh về những hành vi của mình khi còn chỉ huy một trung đội có tên gọi Mãnh Hổ từng giết hàng trăm dân ông, dân bà và trẻ em không có vũ khí 37 năm trước đây. Nếu có, phiên tòa này sẽ là một sự kiện chưa từng có tiền lệ.

Trong khi phạm vi của những tội ác chiến tranh tại Việt Nam trở thành một vấn đề chủ chốt trong cuộc vận động tranh cử Tổng thống, vị luật sư quân sự này đã khuyến cáo từ mùa xuân năm nay rằng các giới chức Quân đội Mỹ phải khởi tố Hawkins, người đã chỉ huy Mãnh Hổ từ tháng Bảy đến tháng Mười một năm 1967. Lời khuyến cáo trên được đưa ra trong lúc Quân đội cho tiến hành kiểm tra lại vụ Mãnh Hổ sau khi tờ Blade cho đăng tải loạt phóng sự bốn phần hồi tháng Mười. Loạt phóng sự này tiết lộ một chiến dịch tàn bạo kéo dài bảy tháng liên tiếp của trung đội trong vùng Cao nguyên Trung phần tại Việt Nam trong năm 1967. Đã và đang nghiêng ngửa vì những vụ lính Mỹ ngược đãi tù binh Iraq, Quân đội chưa có quyết định gì về việc có khởi tố ông Hawkins hay không. Vấn đề còn ở chỗ liệu các luật sư Quân đội có còn thẩm quyền để khởi tố viên cựu sĩ quan 63 tuổi này hay chẳng.

Hawkins là một trong 18 cựu binh Mãnh Hổ đã bị cáo buộc phạm tội ác chiến tranh - từ tội giết người, tấn công dân thường, đến tội làm sai nhiệm vụ - trong một cuộc điều tra trước đây của Quân đội kéo dài bốn năm rưỡi, từ năm 1971 đến năm 1975. Nhưng vụ việc đó đã bị Lầu Năm Góc cho đóng lại và giấu kín cho tới khi bị phanh phui bởi loạt phóng sự của tờ Blade.

Hawkins thú nhận có bắn chết một ông già

Những nguồn tin thân cận của cuộc kiểm tra hiện nay không cho biết các chi tiết về mức án khởi tố đang được đề nghị cho Hawkins. Án trạng nghiêm trọng nhất của ông này hồi 1975 là vụ bắn chết một ông lão thợ mộc trong thung lũng Sông Vệ hồi tháng Bảy năm 1967. Các điều tra viên Quân đội đã khuyến nghị buộc Hawkins tội giết người vì hành động này. Viên cựu sĩ quan này còn bị nhiều binh sĩ dưới quyền tố cáo đã ra lệnh bắn chết hơn một chục thường dân không có vũ khí, nhưng các điều tra viên năm 1975 đã không khuyến nghị khởi tố các vụ việc đó.

Hawkins, hiện sống tại Orlando, Florida, không chịu bình luận gì. Nhưng trong một phỏng vấn dài với tờ Blade hồi năm ngoái, ông ta có nhận đã giết ông già đó ở bên bờ Sông Vệ vì “ông ta làm ầm ĩ quá.”

Dựa trên những hồ sơ mật và các cuộc phỏng vấn với nhiều cựu binh Mỹ và thường dân Việt Nam, loạt phóng sự của tờ Blade đã mô tả chiến dịch tàn bạo của đơn vị có 45 binh sỹ ấy trong lãnh thổ hai tỉnh của Việt Nam từ tháng Năm đến tháng Mười một năm 1967. Đó là chuỗi những hành vi tàn bạo kéo dài nhất của một đơn vị tham chiến Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Binh sỹ đã ném lựu đạn xuống những căn hầm trú ẩn đầy đàn bà và trẻ em. Họ đã bắn những lão nông đang làm ruộng. Họ cắt lấy tai các tử thi để làm vòng đeo cổ. Một cựu sỹ của đơn vị nói với tờ Blade rằng binh sỹ “thường tiến vào làng mạc và cứ thế bắn tất cả mọi người. Chúng tôi không cần lí do. Nếu họ có mặt ở đó, họ phải chết.” Hai thành viên của trung đội, Trung úy Donald Wood quê ở Findlay, và Trung sỹ Gerald Bruner quê ở Colon, Michigan, đã cố gắng ngăn chặn những hành vi tàn bạo đó nhưng họ bị chuyển khỏi đơn vị sau khi lên tiếng về chuyện này với các cấp chỉ huy.

Quân đội đã xem xét việc khởi tố tội danh giết người từ những năm 1970

Cuộc điều tra của Quân đội đã kết thúc từ 29 năm trước đây và kết quả của nó là lời khuyến cáo cho khởi tố tội giết người đối với Hawkins và một thành viên nữa của trung đội là Trung sỹ Harold Trout. Sau khi tránh được việc khởi tố này trong năm 1975, cặp sỹ quan này lại còn được thăng chức và cuối cùng được cho về hưu với đầy đủ hưu bổng của quân đội. Mặc dù Hawkins và Trout đã không còn trong quân ngũ từ lâu, việc họ vẫn hưởng lương hưu của quân đội vẫn cho phép Quân đội có thể triệu tập họ trở lại phục vụ trong quân ngũ theo luật quân sự.

Theo những nguồn thạo tin, luật sư Michael Walther thuộc lực lượng quân dự bị hiện đang thay mặt cho Bộ Tư lệnh Điều tra Hình sự⁽²²⁾ của Quân đội xem lại cuộc điều tra ngày trước cũng như loạt phóng sự mới đây của tờ Blade. Ông Walther hồi mùa xuân này đã kết luận rằng những bằng chứng đã có là đủ thuyết phục để ra lệnh triệu hồi Hawkins và buộc ông ta phải điều trần theo Điều luật 32 về những hành vi của mình hồi năm 1967. Cuộc điều trần này tương đương với việc tổ chức một đại bồi thẩm đoàn quân sự chuyên xét vụ việc của Hawkins. Tội danh giết người không bị chế tài hạn chế về thời gian. Nếu bị kết án tại tòa án binh và kết tội, viên cựu sỹ quan có thể sẽ bị trừng phạt từ mức cắt giảm lương hưu cho đến mức án tù giam.

Không có khuyến nghị khởi tố viên cựu trung sỹ

Cùng lúc, ông Walther, người cũng làm việc cho Bộ Tư Pháp, đã khuyến nghị rằng Trung sỹ Trout không bị triệu hồi vì không có đủ bằng chứng. Năm 1975, các điều tra viên quân đội đã khuyến nghị rằng Trout phải bị khởi tố vì tội giết người sau khi có hai binh sỹ viết lời khai có tuyên thệ rằng họ đã tận mắt nhìn thấy viên trung sỹ này hành quyết một người Việt Nam đã bị thương. Cũng trong cuộc điều tra đó, có bốn nhân chứng khác đã khai Trout có ra lệnh giết ít nhất là ba thường dân không có vũ khí, trong đó có một bà mẹ trẻ mà túp nhà của bà trước đó đã bị binh sỹ đốt trụi; nhưng các điều tra viên lại không khuyến nghị khởi tố ông ta vì những cáo buộc này. Tuần trước, ông Walther đã không trả lời điện thoại của chúng tôi về việc này.

Trung sỹ Trout đã không chịu tiếp chuyện các điều tra viên trong năm 1973 và cũng không chịu nói gì về vụ này với tờ Blade, trừ một câu rằng “chuyện đó đã lâu lắm rồi.”

Quân đội nói vẫn đang xem lại vụ này

Mặc dù vậy, người ta vẫn chưa biết liệu Quân đội có thể triệu hồi Hawkins để trừng phạt ông ta không. Quân đội không thể triệu hồi những cựu binh đã xuất ngũ trước tuổi về hưu. Vì vậy, nhiều người trong số 18 nghị can của Mãnh Hồ đã thoát khỏi tình trạng có thể bị triệu hồi và khởi tố. Nhưng với các binh sỹ về hưu từ trong quân ngũ, luật quân sự có từ thời Nội Chiến vẫn cho phép Quân đội có thể triệu hồi họ về lại quân ngũ.

Trong vụ Hawkins hiện còn có một vấn đề là trước đây ông ta là một sỹ quan tại ngũ với thân phận “dự bị.” Thân phận này khác với thân phận “chính quy” của các quân nhân đã tốt nghiệp từ các trường huấn luyện sỹ quan. Trong lịch sử luật pháp quân sự, các sỹ quan “dự bị” thường ít bị triệu hồi hơn là các sỹ quan “chính quy,” tuy tình hình này không phải là tiền lệ. Một điều luật trong năm 1996 đã cho phép Quân đội triệu hồi một sỹ quan “dự bị” đã về hưu với 20 năm trong quân ngũ, và một tòa án quân sự năm 1999 đã cho phép binh chủng Không quân triệu hồi một sỹ quan dự bị hưu trí để lĩnh án trừng phạt.

Trung tá Tyler Harder, người đã giảng dạy khái niệm triệu hồi này nhiều năm tại trường Judge Advocate General's Legal Center and School, nói nếu Hawkins quả đã phạm những tội ấy lúc còn trong quân ngũ, thì “có nhiều khả năng” là ông ta sẽ bị triệu hồi để hầu tòa. Cho đến lúc này, các giới chức Quân đội Mỹ vẫn không nói họ sẽ xem xét vụ Mãnh Hồ cho đến bao giờ mới xong. Vừa qua, phát ngôn viên Quân đội Dov Schwartz chỉ nói rằng vụ này vẫn chưa kết thúc.

Nghị sỹ Dennis Kucinich (Đảng Dân chủ, bang Cleveland), người đã hối thúc vụ xét lại này, nói rằng ông được thông báo mọi việc sẽ phải xong vào tháng Ba năm 2004. Hồi tháng Năm, ông đã gửi công văn yêu cầu được cập nhật tình hình vụ án, nhưng Quân đội vẫn chưa trả lời. Một phát ngôn viên Quân đội, Trung tá Pamela Hart, đã nói hôm 12 tháng Tám năm 2004 rằng vụ án này đã được đóng lại rồi, nhưng sau đó lại cải chính rằng bà đã bị thông tin sai, và rằng Quân đội vẫn chưa có quyết định phải làm gì với lời khuyến cáo khởi tố của Tư lệnh Điều tra Hình sự. “Vụ án vẫn đang trong quá trình được xem xét lại tại văn phòng chánh án,” bà nói. “Chưa có một kết luận tối hậu nào cả.”

12 - Các chuyên gia nói: Khó có khả năng khởi tố

36 năm sau khi phục vụ trong phiên chế Mãnh Hổ, các cựu thành viên của trung đội này vẫn có thể bị truy tố vì những gì đã xảy ra tại Việt Nam, mặc dù các chuyên gia luật pháp nói chuyện này ít có khả năng xảy ra. Quân đội Mỹ có thể triệu tập và trừng phạt những người đã về hưu từ quân ngũ. Một tòa án quốc tế có thể tìm cách truy tố họ. Và một quốc gia nào đó có thể theo đuổi vụ kiện này, kể cả Việt Nam.

Nguy cơ cao nhất là đối với những binh sỹ đã về hưu từ quân ngũ. Theo Luật Trường hợp đã áp dụng từ thế kỷ 19, những ngân phiếu hưu trí trả cho họ vẫn được coi là lương giảm thiểu trả cho các công vụ giảm thiểu, chứ không phải lương hưu trí. Đó là lời trung tá đã về hưu J. Mackey Ives, một cựu chánh án trong tư lệnh Bộ binh. Do vậy mà các binh sỹ đã về hưu - thường là sau 20 năm phục vụ trong quân ngũ - có thể vẫn bị triệu tập để tham gia trở lại quân ngũ hoặc ra tòa án binh. Trường hợp này có thể áp dụng cho nghi phạm cao cấp nhất là cựu Trung úy James Hawkins, người đã về hưu với quân hàm thiếu tá trong năm 1978.

Hawkins mới đây có nói rằng ông ta không biết liệu Quân đội Mỹ có truy tố ông trong vụ này hay không. “Sau ngần ấy năm... tôi nghĩ khó mà còn có ai muốn làm như vậy,” Hawkins nói, rồi giọng nhỏ hần đi: “Nhưng ai mà biết được.”

Mặc dù triệu hồi các binh sỹ về hưu là chuyện hiếm, nhưng không có nghĩa là không có. Trong một vụ gần đây nhất, Thiếu tướng hưu trí David Hale đã bị triệu hồi và ra tòa án binh vào năm 1999 vì những quan hệ tình dục của ông nhiều năm trước đây với vợ của bốn người thuộc cấp lúc bấy giờ của mình. Ông đã bị phạt tiền 22.000 đô la, bị giáng một cấp, và tiền hưu bị cắt giảm. Với các nghi phạm không có sự nghiệp gì khác ở bên ngoài quân đội thì vẫn không có chế tài luật pháp nào để khởi tố họ tại Hoa Kỳ.

Đạo luật về Tội ác Chiến tranh thông qua năm 1996 có cho phép các công tố viên liên bang - không phải chỉ quân đội - có quyền khởi tố các tội ác chiến tranh phạm phải ở bất kì nơi nào bởi các binh sỹ còn tại ngũ hoặc đã xuất ngũ, nhưng lại không có quyền truy tố những tội trong quá khứ; nên các tội ác ở Việt Nam không đủ tiêu chuẩn để xem xét dưới ánh sáng của đạo luật này. Tuy nhiên, các quốc gia khác vẫn có thể tìm cách trừng phạt các binh sỹ phạm tội. Hàng chục quốc gia, từ Tây Ban Nha đến Canada, có những luật áp dụng toàn cầu cho phép khởi tố tội ác chiến tranh, bất kể những hành động tội ác đó có liên quan gì đến công dân hoặc lãnh thổ của mình hay không. Nhưng các chuyên gia luật pháp nghi ngờ rằng các giới chức Hoa Kỳ sẽ chẳng bao giờ chịu hợp tác với các luật lệ này. Nếu các quốc gia quyết định không tự mình xét xử các vụ này, họ có thể kêu gọi một tòa án quốc tế để khởi tố các tội ác, ví dụ như tòa án đã được thành lập để xét xử các tội ác chiến tranh đã phạm phải trong lãnh thổ Nam Tư trước đây.

Trong một nỗ lực riêng rẽ, Liên Hiệp Quốc đã bắt đầu một Tòa án Quốc tế như một thiết chế để xét xử mọi loại tội ác chiến tranh; nhưng nó không thể là tòa án để xử các cựu thành viên Mãnh Hồ được. Bởi vì ngoài qui định của mình là sẽ không xét đến các tội ác phạm phải trước năm 2002, tòa án này còn thỏa thuận với chính phủ Hoa Kỳ là sẽ không động đến binh sỹ Mỹ trong thời gian này. Việt Nam có thể tìm cách trừng phạt các binh sỹ Mỹ, nhưng việc đó sẽ rất phức tạp vì nước này không có thỏa ước với Hoa Kỳ trong việc dẫn độ tội phạm.

Tóm lại là phần lớn các chuyên gia luật pháp đều nói rằng mặc dù có nhiều chế tài mà về mặt lí thuyết có thể dùng để khởi tố các cựu thành viên Mãnh Hồ, cơ hội thành công của việc khởi tố này là rất mong manh. Ngoài những phức tạp của việc xét xử một vụ đã xảy ra 36 năm trước đây, người ta còn nghi ngại rằng có thể chẳng có ai, từ phía quân đội đến một quốc gia khác, thực sự có ý chí rõ rệt để làm việc này.

“Thực tế mà nói thì chẳng có gì có thể xảy ra cho họ hết,” Trung tá về hưu H. Wayne Elliott nói. Ông đã từng dạy môn luật quốc tế tại trường luật Quân đội tại Virginia. Mặc dù vậy, một số nghi phạm vẫn tiếp tục lo sợ bị khởi tố. Ernest Moreland, 57 tuổi, vẫn không muốn nói đến vai trò của mình trong vụ giết hại một tù binh gần Đức Phổ hồi tháng Bảy năm 1967. “Tôi không muốn đưa mình hoặc những người khác vào tình trạng nguy hiểm sau ngần ấy năm,” ông ta nói. “Tôi không thể liều lĩnh như vậy.”

13 - Cựu binh Mạnh Hồ sẽ bị thẩm vấn về những tội ác năm 1967

WASHINGTON - Trong một vụ việc đã lên đến các cấp cao nhất của Lầu Năm Góc, các điều tra viên quân sự sẽ bắt đầu phỏng vấn các binh sỹ trước đây từng phục vụ trong trung đội đặc tuyển bị cáo buộc đã tàn sát nhiều thường dân không có vũ khí trong cuộc chiến tại Việt Nam.

Quân đội sẽ bắt đầu gặp gỡ các nhân chứng như một phần của cuộc kiểm tra đang diễn ra dưới sự chỉ đạo của quyền Tổng trưởng Lục quân Les Brownlee, người đã được Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumsfeld chỉ định xem xét vụ này. Thám tử quân đội sẽ gặp gỡ những lính dù trước đây đã từng chứng kiến binh sỹ Mạnh Hồ hành quyết dân lành trong một loạt những hành vi tàn bạo kéo dài nhất tại một đơn vị tham chiến Mỹ ở Việt Nam trong năm 1967.

Động tác này thể hiện nỗ lực đầu tiên của quân đội muốn hỏi chuyện những cựu binh kia kể từ khi loạt phóng sự của tờ Blade ra hồi tháng Mười năm 2003 phanh phui những hành động tàn ác liên tiếp của trung đội qua hơn 40 ngôi làng nơi thường dân đã bị tra tấn và giết hại. Tờ Blade còn phát hiện rằng các sỹ quan chỉ huy tác chiến đều biết rõ những hành động này của binh lính, và trong nhiều trường hợp còn khuyến khích những hành động tàn bạo đó. Mặc dù Quân đội đã mất bốn năm rưỡi điều tra đơn vị đặc nhiệm này, bắt đầu từ năm 1971, và đã có bằng chứng cáo buộc 18 binh sỹ phạm 20 loại tội ác chiến tranh, nhưng vụ này chưa bao giờ được đưa ra một tòa án binh nào và không ai ai bị truy tố gì hết.

Những điều tra viên đã có kế hoạch lấy lời khai của nhà báo quân đội Dennis Stout và cựu sỹ Rion Causey của trung đội Mạnh Hồ; là những người đã chứng kiến các hành động tàn bạo nói trên, nhằm tìm hiểu rõ những gì đã xảy ra trong những cuộc hành quân tuần tiễu của trung đội này qua khu vực Tây Nguyên đầy tranh chấp trong thời gian từ tháng Năm đến tháng Mười một năm 1967.

Cả hai người này nói họ đều ngạc nhiên khi điều tra viên của Quân đội liên lạc với họ đầu tháng Hai năm 2004.

Ông Stout, 58 tuổi, trước là phóng viên cho một tờ báo quân sự, nói: “Tôi đã chờ đợi nhiều năm trời để được tiếp chuyện họ. Tôi đã thấy những người vô tội bị giết hại. Thật tệ hại, và tôi đã phải sống với ý nghĩ đó hơn 30 năm rồi.”

Những cuộc phỏng vấn này là “một trong những việc kiểm điểm và đánh giá của cuộc điều tra trước đây,” đó là lời Trung tá Kevin Curry. Ông này không chịu giải thích rõ hơn nữa. Các quan chức không cho biết liệu Quân đội có ý định buộc tội những cựu binh sỹ này hay không.

Trong cuộc điều tra mới này, Quân đội Mỹ đã chỉ định một điều tra viên có nhiệm vụ tìm hiểu tại sao cuộc điều tra trước đây lại bị bỏ bằng trong năm 1975 và tại sao lại không có một kết luận buộc tội nào trong hồ sơ đó. Theo lời một phát ngôn viên của Nghị sỹ Dennis Kucinich (đảng Dân chủ, đại biểu của tiểu bang Cleveland tại Hạ Viện), các điều tra viên sẽ phải báo cáo những thu nhận được của họ vào tháng Ba năm 2004. Văn phòng Nghị sỹ Kucinich đang cố vận động để quốc hội Mỹ mở một cuộc điều tra về vụ này. Vào đầu tháng Hai năm 2004, Kucinich nói ông thấy hài lòng vì Quân đội sẽ tiếp xúc với các nhân chứng. Ông nói trong ba thập kỷ qua vụ việc này “đã bị Quân đội bỏ bằng,” và rằng “đã đến lúc phải tiến hành một cuộc điều tra chu đáo và thực tế về vụ này.” Các chuyên gia quân sự nói việc Quân đội sắp thu thập lời khai của nhân chứng trong vụ này là một trong những trường hợp hiếm hoi khiến Quân đội phải lục lại những tội ác chiến tranh do một đơn vị tham chiến phạm phải trong lịch sử.

Năm 1999, Lầu Năm Góc đã bắt đầu phỏng vấn các nhân chứng của một vụ lính Mỹ tấn công thường dân Nam Triều Tiên trong thời kỳ chiến tranh Triều Tiên hồi 1950, sau khi hãng thông tấn AP phát đi các câu chuyện về vụ thảm sát đó. Hai năm sau, các quan chức Mỹ nói một số lượng thường dân không xác định được quả thật đã bị giết một cách sai lầm.

William Eckhardt, một chuyên gia về các vấn đề tội ác chiến tranh và đã từng là công tố viên quân sự trong cuộc chiến Việt Nam, nói rằng kể từ khi tờ Blade ra loạt bài của mình hồi tháng Mười năm 2003, các tiết lộ về đơn vị Mãnh Hổ “đã khiến cho Quân đội khó có thể làm ngơ.” Ông nói thêm: “Cần phải biết chuyện gì đã xảy ra, và quan trọng hơn nữa là phải làm sao để không tái phạm những chuyện như thế trong tương lai.”

Theo như loạt phóng sự của tờ Blade, được viết dựa trên hàng ngàn tài liệu và nhiều cuộc phỏng vấn với hàng chục cựu chiến binh và các dân làng Việt Nam, đơn vị Mãnh Hổ, một đơn vị đặc nhiệm được phiên chế nhằm do thám đối phương ở Việt Nam, đã sa vào tình trạng vô tổ chức một cách nguy hiểm trong suốt bảy tháng trời. Binh sỹ đã thả lựu đạn xuống những hầm hào dưới đất, nơi chỉ có đàn bà và trẻ em đang ẩn nấp, và hành quyết những nông dân không có vũ khí gì ở ngay ngoài đồng. Họ cũng đánh đập và giết những người bị bắt, rồi cắt tai và lột da đầu những xác chết này để làm kỷ vật.

Stout, lúc đó là phóng viên của tờ *Screaming Eagle*, nói ông bị cấm không được viết về những hành vi tàn bạo đó, nhưng ông nói ông có tường trình những vụ việc đó cho các sỹ quan chỉ huy của mình, nhưng không ăn thua gì cả. Không có cuộc điều tra nào hết, ông nói. Một nhân chứng khác, ông Causey, 56 tuổi, người đã phục vụ trong đơn vị Mãnh Hổ trong cương vị y tá hồi 1967, nói ông sẵn sàng nói về những vụ tấn công dân thường của trung đội này. “Điều tôi có thể nói dứt khoát là chúng tôi tiến vào thung lũng ấy và chúng tôi giết tất cả đàn ông con trai trên 16 tuổi, không hỏi han gì hết,” ông nói. “Tôi chỉ nhìn thấy độc một khẩu súng của đối phương trong suốt thời gian ấy. Đó không phải là tiêu diệt binh lính địch. Đó là giết hại dân làng. Và việc đó cứ thế tiếp diễn. Cuối cùng, tôi không thể chịu nổi nữa. Tôi phát ốm.”

Theo lời Causey và Stout, cả hai ông sẽ được Thiếu tá Randal Doyle phỏng vấn vào cuối tháng Hai năm 2004. Thiếu tá Doyle không chịu bình luận gì về việc này, và chuyển các câu hỏi của tờ Blade sang cho Lầu Năm Góc. Mặc dù Quân đội chỉ bắt đầu xem lại hồ sơ vụ Mãnh Hổ sau khi tờ Blade đăng tải loạt bài “*Bí mật chôn vùi, sự thật tàn bạo*,” cuộc điều tra này đã

vào đến giai đoạn hai. Các quan chức Quân đội không chịu nói họ sẽ phỏng vấn bao nhiêu nhân chứng và khi nào thì cuộc điều tra sẽ kết thúc.

Một phát ngôn viên của văn phòng Nghị sĩ Kucinich nói kết quả điều tra sẽ được trình lên Thiếu tướng Donald Ryder, trưởng ban Tham mưu Điều tra Tội ác Quân đội, vào đầu tháng Ba năm 2004. Sau đó tướng Ryder sẽ có đề nghị lên Tổng trưởng Lục quân Brownlee về các bước tiếp theo. Quân đội có thể sẽ ra lệnh mở một cuộc điều tra mới, hoặc quyết định kết thúc toàn bộ vụ này. Ông Kucinich nói ông muốn biết tại sao cuộc điều tra trước đây về đơn vị Mãnh Hổ lại bị bỏ bằng trong năm 1975. Vị nghị sĩ có tư tưởng khuynh tả tự do và đã từng có tên trong số những nhân vật có thể được đảng Dân chủ chọn làm đại biểu tranh cử tổng thống này đã viết thư cho Bộ trưởng Rumsfeld từ tháng Mười một năm 2003, đề nghị có cuộc họp bàn về vụ này. Ông Rumsfeld, người giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng dưới thời Tổng thống Gerald Ford khi cuộc điều tra bị bỏ bằng, đã phúc đáp nghị sĩ Kucinich trong một công văn đề ngày 22 tháng Mười hai năm 2003, và nói rằng ông đã chuyển sự vụ này sang cho Tổng trưởng Brownlee. Ông Rumsfeld vẫn nói đi nói lại rằng ông không nhớ đã có một cuộc điều tra về đơn vị Mãnh Hổ, vụ vi phạm tội ác chiến tranh dài nhất trong cuộc chiến Việt Nam. Trong cuộc điều tra này, quân đội đã huy động hơn 100 điều tra viên đi đến 63 thành phố và căn cứ quân sự trên khắp thế giới để thu thập chứng cứ.

Ông Kucinich nói ông muốn các vấn đề xung quanh vụ này phải được làm sáng tỏ và có kết luận rõ ràng. “Tôi rất nóng lòng được thông báo kết quả việc này,” ông nói. “Trong hơn 30 năm, sự việc này đã bị Quân đội bỏ bằng.” Trong cương vị một đại biểu của đảng Dân chủ trong Tiểu ban An ninh quốc gia của Hạ Viện, ông nói ông sẽ tiếp tục vận động để có một cuộc điều tra của Quốc hội về vụ này.

Trong suốt 30 năm qua, ông Stout nói ông đã chờ cơ hội được nói với Quân đội về những hành vi tàn bạo mà ông đã chứng kiến từ thời còn là một quân nhân trẻ tuổi. Hiện làm nghề thầu xây dựng và đã vào tuổi 58, ông Stout nói: “Suốt những năm qua, tôi đã tưởng chỉ còn có mình mình muốn phanh phui những chuyện đó. Nhưng tôi đã nhầm. Bây giờ tôi không còn thấy đơn độc nữa. Tôi cảm thấy thực sự thanh thản vì cuối cùng mọi chuyện cũng sẽ được đem ra ánh sáng.”

14 - Sớm điều tra Mãnh Hồ có thể đã ngăn chặn được vụ thảm sát Mỹ Lai

MỸ LAI, Việt Nam - Ngay trước bình minh, buổi lễ bắt đầu.

Người ta tụ tập quanh những pho tượng đá, người rì rầm cầu nguyện, người khác than khóc.

Năm nào cũng vậy, hàng trăm người Việt Nam đổ về dự buổi lễ tưởng niệm ngày mà lính Mỹ đã tràn vào ngôi làng bé nhỏ này trước lúc bình minh, tưởng rằng sẽ phải đối đầu với quân đối phương. Nhưng họ chỉ thấy một làng xóm thanh bình. Rồi trong bốn tiếng rưỡi đồng hồ sau đó, Lữ đoàn 11 Bộ binh Mỹ đã tiến hành một cuộc triệt phá khiến cả thiết chế quân sự Hoa Kỳ phải rúng động đến tận nền móng.

Khi cuộc triệt phá đó kết thúc, khoảng 500 người đã bị giết chết - đàn ông, đàn bà, và trẻ em, không hề có vũ khí - một số đã bị dồn xuống một hố sâu và bị bắn chết ở đó, xác chồng chất lên nhau. Người ta đã viết rất nhiều về vụ thảm sát ngày 16 tháng Ba năm 1968 ấy, khiến cho công luận Mỹ đã ngả hẳn về phía phản chiến. Sách báo tràn ngập những bài viết, với những hình ảnh rùng rợn đầy những tử thi đàn bà và trẻ em trong một mồ chôn tập thể. 35 năm sau, vụ Mỹ Lai lại được nhắc lại với những nét tương đồng mạnh mẽ với vụ Mãnh Hồ.



Một đài tưởng niệm tại Mỹ Lai để ghi nhớ vụ thảm sát thường dân của lính Mỹ hồi 1968.

Một đài tưởng niệm tại Mỹ Lai để ghi nhớ vụ thảm sát thường dân của lính Mỹ hồi 1968.

Cả hai đơn vị ấy đã càn quét cùng một tỉnh. Cả hai đều dựng trại ở cùng một căn cứ quân sự. Cả hai đều có nhiệm vụ giống nhau: tìm và diệt. Và chỉ cách nhau chừng 10 dặm đường. Nhưng có một điểm khác biệt chủ chốt. Mãnh Hổ đã đến tỉnh này trước Lữ đoàn 11 sáu tháng trời. Ngay khi đến nơi, Mãnh Hổ đã bắt đầu cắt xẻ tử thi, giết hại dân thường, và hành quyết tù nhân, theo như lời các binh sỹ khai với các điều tra viên.

Những hành vi tàn bạo ấy, được cảnh báo lên các cấp Quân đội Mỹ ngay trong năm 1967, bây giờ đang làm cho người ta phải đặt một câu hỏi quan trọng: nếu như Quân đội đã có phản ứng ngay với những lời cảnh báo kia, liệu có thể đã có những cơ hội và điều kiện để ngăn chặn được thảm họa ở Mỹ Lai?

Các chuyên gia quân sự nói vụ thảm sát đó chỉ là hậu quả cuối cùng của việc Quân đội Mỹ đã không có biện pháp ngăn chặn bạo lực nhắm vào thường dân đang gia tăng trong tỉnh Quảng Ngãi lúc bấy giờ.

“Không khi nào gì nữa, vụ Mỹ Lai hoàn toàn có thể ngăn chặn được nếu Quân đội đã có biện pháp trừng phạt các hành vi tàn bạo.” Đó là lời ông Michael Belknap, một giáo sư luật và cựu binh Việt Nam, người đã viết cuốn “*Xét xử Chiến tranh Việt Nam*” xuất bản năm 2003.

“Hãy nhớ rằng họ đã nghe nhiều lời đồn đại. Họ đã nghi ngại có một số binh sỹ không còn kiểm soát nổi nữa,” ông này nói.

Nhiều tháng trước khi đơn vị thuộc Lữ đoàn 11 của Trung úy William Calley đến tỉnh Quảng Ngãi, Mãnh Hồ đã nổi tiếng là một đơn vị hung dữ và tàn bạo ở đó. Một cuộc điều tra hàng ngàn các hồ sơ Quân đội, bao gồm cả những lời khai có tuyên thệ, những báo cáo mặt trận, và nhật ký hành quân, cho thấy:

- Hai quân nhân Mỹ: Trung úy Donald Wood và Trung sỹ Gerald Bruner, đã nói với các điều tra viên hồi năm 1974 rằng họ đã kêu với các cấp chỉ huy ngay từ tháng Tám năm 1967 về chuyện các sỹ quan chỉ huy trung đội Mãnh Hồ đang tấn công giết hại thường dân. Nhưng những cuộc tấn công ấy vẫn tiếp tục.

- Trung sỹ Mãnh Hồ Leo Heaney và hai binh sỹ khác được lệnh phải kí giấy cam đoan hồi tháng Năm năm 1967, rằng họ không cắt xẻ tử thi, sau khi người ta thấy có một cái tai người vương trên một chiếc trục thăng. Nhưng trung đội vẫn tiếp tục cắt tai tử thi của quân đối phương cũng như thường dân.

- Một sỹ quan cấp tiểu đoàn, bác sỹ Bradford Mutchler, đã nói với các điều tra viên hồi năm 1975 rằng các cấp chỉ huy đều có biết những tin đồn về các tội ác chiến tranh của Mãnh Hồ trong thời kỳ 1967 nhưng không cho điều tra vì sợ sự vụ bị vỡ lở ra trước công luận.

- Ngoài các hồ sơ quân sự, còn có những dấu hiệu khác lẽ ra đã có thể đánh động Quân đội Mỹ về các hành vi của Mãnh Hồ. Năm 1966, nhà báo Ward Just viết cuốn sách nhan đề “*Để Làm Gì*,” trong đó có chuyện một binh sỹ Mãnh Hồ gửi qua bưu điện về cho vợ anh ta ở Hoa Kỳ những cái tai của tử thi quân địch.

- Jonathan Schell viết nhiều bài trên tạp chí New Yorker trong năm 1967, nói rằng binh lính của Sư đoàn dù 101 đã nhận có phạm nhiều tội ác chiến tranh nhưng không chịu cho biết thêm chi tiết. Các bài báo này không nhắc đến tên Mãnh Hồ, nhưng đơn vị này cũng là một phần của Sư đoàn dù 101.

Nhiều sử gia quân sự nói từ lâu họ đã nghi ngại có một mô hình cho các hành vi bạo ngược đối với thường dân ở tỉnh này - cuối cùng lên đến đỉnh điểm với vụ thảm sát ở Mỹ Lai. Nhưng họ cũng nói các hành vi ấy chỉ được nghe đồn vu vơ và chẳng có chứng cứ gì cụ thể cho đến tận hôm nay. “Đó là một chuyện mà chúng tôi ai cũng biết là có, nhưng không ai biết chi tiết cả.” Đó là lời Tiến sỹ David Anderson, biên tập viên của cuốn “*Đổi mặt Mỹ Lai*,” xuất bản năm 1998.

Trưởng công tố viên vụ Mỹ Lai nói ông đã cố thu thập thông tin về các tội ác chiến tranh đã phạm phải trước đó ở trong tỉnh. “Từ lâu chúng tôi đã nghi ngại rằng tình hình đã không thể kiểm soát nổi ở khu vực đó, nhưng rất khó làm việc với phía Nam Việt Nam để tìm hiểu chi tiết.” Đó là lời William Eckhardt, một giáo sư luật ở đại học Missouri tại Kansas City. Các công tố viên muốn có thông tin để hỗ trợ cho lí luận của mình rằng Mỹ Lai chỉ là hậu quả của tình hình vô chính phủ của Quân đội Mỹ ở trong tỉnh, ông nói.

Các chuyên gia nói Quân đội Mỹ lẽ ra phải phản ứng ngay về những lời phàn nàn liên quan đến Mãnh Hồ bằng cách báo động cho các cấp chỉ huy và cho điều tra ngay lập tức.

“Như thế mới có thể truyền bá thông điệp rằng những hành vi như vậy là không thể tha thứ được,” Tiến sỹ Anderson nói. Lẽ ra binh lính đóng trú tại Quảng Ngãi đã phải được huấn luyện kỹ hơn về các vấn đề liên quan đến tội ác chiến tranh và cách đối xử với thường dân.

Tiến sỹ Anderson và những người khác nói binh lính chỉ được giới thiệu rất qua loa về luật pháp quốc tế trong năm 1967. Họ được nghe một bài giảng ngắn và được phát một miếng giấy nhỏ có in chín điều lệnh về việc đối xử với thường dân. Các hồ sơ cho thấy rằng cho đến lúc xảy ra vụ Mỹ Lai, việc điều tra tội ác chiến tranh ở Việt Nam không phải là công tác ưu tiên trong nhiệm vụ của các cấp chỉ huy. Thực tế là cuộc tấn công dân thường ở Mỹ Lai đã bị che đậy cho đến lúc một cựu binh nổi giận là Ron Ridenhour viết nhiều thư lên tận Quốc hội và Bộ Quốc phòng một năm sau đó.

Sau cuộc điều tra của Quân đội, Calley và những binh sỹ khác cuối cùng cũng bị buộc tội đã phạm các tội ác chiến tranh, trong đó có tội danh giết người. Trong số những người bị đưa ra xét xử, chỉ có một mình Calley bị kết án. Anh ta lĩnh án chung thân, nhưng sau lại được giảm xuống còn 10 năm tù. Sau nhiều lần kháng án, anh lại được cho tại ngoại và chỉ phải chịu giam lỏng tại nhà mình trong ba năm rưỡi. Cuộc tấn công của anh ta hơn 30 năm trước đây vẫn được coi là một trong những hành vi chiến tranh tàn bạo nhất của Hoa Kỳ trong thế kỷ 20.

Ông Belknap, một trung úy bộ binh trong chiến tranh Việt Nam, nói vụ Mỹ Lai tiếp tục được các sử gia quân sự tìm hiểu, nhưng có lẽ sẽ có nhiều sáng tỏ ích lợi hơn nếu nghiên cứu cả những sự kiện đã xảy ra trước đó. “Điều mà Quân đội không nhận thức được rõ và khi vỡ lẽ ra thì đã quá muộn, là không thể để binh lính cứ tự tiện giết hại thường dân vô tội.”

Một số tội ác tàn bạo khác đã phạm phải ở Việt Nam

Vụ đội Hải Cẩu của Hải quân

Ngày 25 tháng Hai năm 1969

Trước khi trở thành một nghị sỹ Mỹ ở Nebraska, Bob Kerrey đã dẫn một toán gồm bảy thành viên của lực lượng Hải cẩu của Hải quân Mỹ đã đột kích vào giữa nửa đêm tại Thắng Phong, một xã hẻo lánh ở miền Nam Việt Nam, hòng tìm kiếm một lãnh đạo của lực lượng Việt Cộng, nhưng đã thất bại.

Một lãnh đạo toán đột kích, Gerhard Klann, nói ít nhất đã có 13 phụ nữ và trẻ em không có vũ khí đã bị bao vây và bắn chết, Kerrey và một thành viên khác của toán Hải cẩu nói họ bắn vào trong các túp lều với mục đích tự vệ, nhưng sau đó thì tìm thấy phụ nữ và trẻ em chết trong đó.

Vụ việc được đăng lần đầu tiên vào tháng Tư năm 2001, trên tờ New York Times.

Vụ Sư đoàn lính thủy đánh bộ số 1

Ngày 19 tháng Hai năm 1970

Một toán năm lính khi tiến hành nhiệm vụ tìm-diệt Việt Cộng trong một ngôi làng nhỏ, làng Sơn Thắng, đã dồn 16 phụ nữ và trẻ em từ ba ngôi nhà và sau đó hạ sát họ. Sau ngày hôm đó, lực lượng Lính thủy đánh bộ đã bắt đầu vụ điều tra. Khi có kết quả, hai người là Michael Schwarz và Samuel Green đã bị kết án: Schwarz bị tù chung thân và Green bị năm năm tù. Tuy vậy cả hai trường hợp này sau đó đều được giảm án xuống còn một năm.

Các nhân vật chính

- **Trình sát viên đặc nhiệm Gustav Apsey:** Là trưởng điều tra viên của vụ Mãnh Hồ kéo dài bốn năm rưỡi. Ông đã giám sát một cuộc điều tra huy động đến hơn 100 điều tra viên để phỏng vấn 137 nhân chứng tại 63 thành phố khác nhau. Năm 1975, ông soạn báo cáo tổng kết trình lên thượng cấp xét khởi tố 15 quân nhân vẫn còn sống sau chiến tranh vì 20 tội ác chiến tranh đã có đủ bằng chứng, từ tội giết người, tấn công dân thường, đến tội làm sai nhiệm vụ. Hiện đã 63 tuổi và đã về hưu, ông sống ở tiểu bang Washington.

- **Trung sỹ James Barnett:** Sinh trưởng tại Tennessee, ông đã nói với các điều tra viên rằng đơn vị mình đã phạm nhiều tội ác chiến tranh. Barnett công nhận đã hành quyết một người đàn bà không vũ khí theo lệnh của một trung sỹ khác. Barnett về hưu với cấp bậc trung úy trong thời gian đang có cuộc điều tra. Barnett trở thành một người vận hành nổi hơi và qua đời vì bệnh ung thư ở tuổi 56 tại Alabama năm 2001.

- **Howard “Bo” Callây:** Được Tổng thống Richard Nixon cử làm Tổng trưởng Bộ binh năm 1973. Các hồ sơ cho thấy những báo cáo tóm tắt của cuộc điều tra Mãnh Hồ đã được gửi đến văn phòng của ông bắt đầu từ 1972. Ông về hưu tháng Sáu năm 1975, cùng lúc với việc báo cáo tổng kết vụ Mãnh Hồ được đệ trình lên các thượng cấp để xét khởi tố. Hiện đã 76 tuổi, ông nói với tờ Blade rằng ông không nhớ gì về vụ này.

- **Trung sỹ Gerald Bruner:** Là quân nhân duy nhất được biết đã đe dọa các thành viên khác của trung đội để ngăn chặn việc giết hại thường dân. Sau đó ông đã phàn nàn tình trạng đó lên ba sỹ quan thượng cấp, nhưng không có ai cho điều tra. Bruner chuyển khỏi đơn vị Mãnh Hồ và còn phục vụ thêm hai kì nghĩa vụ nữa ở Việt Nam. Ông đã qua đời năm 1997 ở tuổi 59, tại Colon, tiểu bang Michigan.

- **Chuyên viên Barry Bowman:** Là một y sỹ của trung đội, Bowman nói mình đã bắt bình khi thấy một tù binh bị đánh đập và giết hại, và có nói với cha tuyên úy của tiểu đoàn về chuyện này. Nhưng Bowman cũng công nhận đã giết một tù binh bị thương, cho rằng làm như vậy để người ấy không phải đau đớn nữa. Bowman rời quân đội năm 1969, rồi lại tái ngũ từ 1980 đến 1986. Hiện 56 tuổi và sống ở Rhode Island, Bowman nói ông vẫn còn bị day dứt vì những kí ức chiến tranh.

- **Chuyên viên William Carpenter:** Sinh trưởng ở Ohio, gia nhập Mãnh Hồ hồi tháng Giêng năm 1967, lúc mới 18 tuổi, và phục vụ trung đội cho đến tháng Mười hai. Carpenter đã kể lại những tội ác chiến tranh khi được điều tra. Hiện 55 tuổi, ông sống gần Rayland, Ohio.

- **Binh nhì Rion Causey:** Khi còn là một y sỹ 19 tuổi của đơn vị, Causey đã chứng kiến những cuộc hành quyết người Việt Nam không có vũ khí ở mọi lứa tuổi và giới tính, đã đếm được có 120 thường dân bị giết hại chỉ trong một tháng của năm 1967. Hiện 55 tuổi, ông là một chuyên gia nghiên cứu khoa học cao cấp tại Livermore, tiểu bang California.

- **Trung sỹ Gary Coy:** Là một thành viên của đại đội nhưng nhiều lần tham gia hành quân tuần tiễu với trung đội Mãnh Hổ. Năm 1971 Coy đã khiến Quân đội phải khởi sự điều tra vì lời cáo buộc của ông rằng ông thấy một quân nhân chặt đầu một hài nhi. Sau này Coy nói với các điều tra viên rằng ông chỉ nghe người khác nói lại câu chuyện đó. Ông hiện sống tại Missouri, 55 tuổi.

- **Trung sỹ William Doyle:** Gia nhập Mãnh Hổ hồi tháng Sáu năm 1967, và thú nhận trong một phỏng vấn mới đây rằng đã giết thường dân không vũ khí, giết tù binh và cả những thông dịch viên của đơn vị. Doyle nói ông rời quân đội năm 1971 để gia nhập lực lượng Air America của CIA, là đơn vị hỗ trợ cuộc chiến đấu chống Cộng Sản tại Lào. Doyle nói một điều tra viên Quân đội đã gợi ý cho ông giữ im lặng về các tội ác chiến tranh đang được điều tra. Hiện đã 70 tuổi, ông sống tại Missouri.

- **Chuyên viên Kenneth “Boots” Green** - Là bạn chí thân thời trung học của Binh nhì Sam Ybarra, tòng quân cùng với Binh nhì Ybarra và bị cáo buộc đã tiếp tay cho bạn phạm nhiều tội ác chiến tranh. Green có tên đệm là “Boots” vì không bao giờ cởi bỏ đôi ủng của mình khi còn ở chiến trường. Bị chết trong một vụ bắn tỉa hôm 29 tháng Chín năm 1967.

- **Trung úy James Hawkins:** Trong thời gian chỉ huy trung đội từ mùng 2 tháng Bảy đến mùng 1 tháng Mười một, quân nhân sinh trưởng tại Kentucky này đã bắn chết một ông già không có vũ khí, và ra lệnh bắn nhiều thường dân và tù binh. Hawkins nói với tờ Blade rằng những việc bắn giết ấy đều có lí do chính đáng. Hawkins đã không bị quân đội buộc tội và còn được thăng cấp lên hàm Thiếu tá trước khi về hưu năm 1978. Hawkins tiếp tục làm việc trong lĩnh vực dân sự nhưng vẫn do quân đội trả lương cho đến khi về hưu năm 2001. Hiện 62 tuổi, sống tại Florida.

- **Binh nhì Ken Kerney:** Quê ở Illinois, gia nhập trung đội tháng Năm năm 1967 như một lính thường sử dụng súng trường. Kerney nói trong một phỏng vấn mới đây rằng đã chứng kiến, nhưng không tham dự, việc giết hại tràn lan những thường dân vô tội. Khi từ Việt Nam trở về, Kerney đã đốt hết quân phục của mình. Nhưng sau này ông lại gia nhập lực lượng biên phòng và phục vụ trong cuộc chiến vùng Vịnh năm 1991. Hiện 56 tuổi, ông là lính cứu hỏa ở California.

- **Trung tá Gerald Morse:** Ở tuổi 38, viên sỹ quan từng tham dự chiến tranh Triều Tiên này nhận chức chỉ huy Tiểu đoàn 1 thuộc Trung đoàn bộ binh 327. Morse lập tức phiên chế một phong cách chiến đấu hung hãn hơn cho trung đội Mãnh Hổ và ba đại đội trực tiếp dưới quyền giám sát của Morse. Nhiều hành vi tàn bạo đã xảy ra trong thời gian Morse chỉ huy các đơn vị này. Nhiều binh sỹ đã nói với các điều tra viên rằng Morse ép buộc đơn vị giết càng nhiều người càng tốt để có con số thống kê “xác định quân” thật đẹp, nhưng ông chối không nhận việc này. Morse về hưu năm 1979 với hàm Đại tá. Hiện 74 tuổi và là vô địch môn quần vợt sân tường, Morse hiện sống tại Arizona.

- **Trung sỹ Harold Trout:** Ở tuổi 30, Trung sỹ Trout là chỉ huy phó của trung đội Mãnh Hổ và được coi là một quân nhân dày dạn kinh nghiệm chiến đấu. Nhiều cựu binh nói Trout đã ra lệnh hành quyết một bà mẹ trẻ, ra lệnh giết một tù binh, và tự tay hành quyết một tù nhân bị thương. Trout về hưu từ trong quân ngũ năm 1985. Hiện 66 tuổi, sống ở Tennessee.

- **Trung úy Donald Wood:** Là một sỹ quan Mãnh Hổ đã cố ngăn chặn hai hành vi tàn bạo trong năm 1967, Wood đã báo cáo với thượng cấp về tình trạng bạo ngược với dân thường, nhưng không đi đến kết quả nào cả. Sau này ông làm luật sư ở Findlay và đã qua đời năm 1983 ở tuổi 36.

- **Binh nhì Sam Ybarra:** Lúc 18 tuổi, đã bỏ học và bị bắt vì uống rượu khi chưa đến tuổi và mang giấu vũ khí. Ngày được ra khỏi nhà tù cũng là ngày Ybarra được giới thiệu và tuyển vào quân đội. Các binh sỹ nhớ đến Ybarra như một đao phủ ghê gớm nhất của trung đội. Bị kỉ luật và đuổi khỏi quân đội năm 1969 vì những hành vi liên quan đến Mãnh Hổ, Ybarra trở về sống trong khu tự trị của mình tại Arizona, và bị tật nghiện rượu và lạm dụng ma túy hành hạ. Ybarra chết vì bệnh viêm phế quản năm 1982, ở tuổi 36.

Về loạt phóng sự và đội ngũ phóng viên của tờ Blade

Cuộc điều tra của tờ Blade bắt đầu từ lúc tờ báo tìm được 22 trang biên bản mật của Quân đội, mô tả chi tiết những hành vi tàn bạo của Mãnh Hổ. Biên bản ấy của Tư lệnh Điều tra Hình sự chỉ là bước khởi đầu. Các phóng viên đã nghiên cứu hàng chồng những nghiên cứu về cuộc chiến Việt Nam, mà không thấy nhắc gì đến cuộc điều tra các hành vi tàn bạo này. Họ đã kiểm tra hàng ngàn các biên bản đã hết thời hạn bảo mật về vụ này trong Lưu trữ Quốc gia ở ngoại ô Washington, và kiếm được hàng trăm các tài liệu mật khác của vụ án. Họ cũng phỏng vấn hàng chục cựu binh Mãnh Hổ.

Tờ Blade cử các phóng viên Michael D. Sallah và Mitch Weiss, cùng với phóng viên ảnh Andy Morrison, sang tận Cao nguyên Trung phần tại Việt Nam, nơi họ tìm thấy nhiều nhân chứng của những hành vi tàn bạo kia.

Phóng viên Joe Mahr tham gia đội ngũ này khi tờ Blade chấp nối những tư liệu lại thành một câu chuyện mà Quân đội Mỹ không bao giờ muốn ai biết đến.

Nhóm phóng viên của The Blade:

- **Michael D. Sallah** là cây bút chuyên về các vấn đề quốc nội của tờ Blade. Từ ngày gia nhập tờ báo năm 1989, ông đã theo dõi và tường trình nhiều vấn đề, từ vụ kiểm lại phiếu bầu tổng thống ở Florida năm 2000 cho đến vụ bê bối tình dục gần đây trong giáo hội Thiên chúa La Mã. Ông đã được nhiều giải thưởng tiểu bang và liên bang, và đã hai lần được danh hiệu phóng viên xuất sắc trong năm của Hiệp hội Báo giới Chuyên nghiệp của tiểu bang Ohio.



- **Mitch Weiss** là phóng viên thường trú tiểu bang của tờ Blade. Ông gia nhập tờ Blade năm 1998 sau khi đã có 12 năm làm cho hãng thông tấn AP với nhiều giải thưởng tiểu bang và liên bang. Từ ngày về tờ Blade, ông đã tường trình giải bóng chày Subway World Series tại New York năm 2000 và vụ khủng bố tấn công Trung tâm Thương mại Thế giới năm 2001.



- **Joe Mahr** là phóng viên đặc phái các vấn đề chung và các dự án đặc biệt. Ông làm cho Blade từ năm 2000 và đã được nhiều giải thưởng cho các phóng sự về cuộc tranh cử thị trưởng Toledo năm 2001 và tình hình suy thoái kinh tế đã kéo dài nhiều thập niên trong vùng tây bắc tiểu bang Ohio.



- **Andy Morrison** là phóng viên ảnh tòa soạn của tờ Blade. Là người từng giặt nhiều giải thưởng tiểu bang và khu vực, ông gia nhập tờ Blade năm 2000 và đã chụp nhiều sự kiện, từ những trận gió xoáy tàn phá vùng tây bắc Ohio mùa thu năm ngoái cho đến những vụ bạo loạn sắc tộc ở Benton Harbor, tiểu bang Michigan.



Phụ lục

Trò chuyện với những người phanh phui vụ thảm sát của lực lượng Mãnh Hổ:

"Phải đi đến tận cùng của sự thật !"

Đó là tuyên bố của một trong bốn thành viên trong nhóm điều tra của nhật báo The Blade of Toledo khi đi tìm sự thật về vụ thảm sát thường dân VN của lực lượng Mãnh Hổ. Họ vẫn đang đeo bám tiến trình xem xét của Lục quân Mỹ [...] Trưởng nhóm điều tra Michael D. Sallah thay mặt cho toàn nhóm đã dành cho [báo] Tuổi Trẻ một cuộc trao đổi.

> Xin chúc mừng những nỗ lực của The Blade bước đầu có kết quả. Xin hỏi vì sao nhóm vẫn theo đuổi vụ này suốt hơn một năm, và sắp tới sẽ tiếp tục làm gì?

- Chúng tôi muốn tìm hiểu cho ra vì sao Lục quân Mỹ lại bỏ qua, không đưa vụ này ra tòa án binh vào năm 1975. Đây là một chương quan trọng trong cuộc chiến tranh VN mà đến nay chưa từng được công bố. Hiện vẫn còn nhiều câu hỏi cần được giải đáp. Cụ thể là: 1. Ai đã ém nhem cuộc điều tra này sau bốn năm rưỡi tiến hành? 2. Ông Donald Rumsfeld, người hiện nay đang là bộ trưởng quốc phòng Mỹ, vào thời điểm đó có vai trò gì không trong vụ việc này? (Ông Rumsfeld là bộ trưởng quốc phòng vào năm 1975 dưới thời tổng thống Gerald Ford, vào thời điểm vụ Mãnh Hổ bị khấp lại). Chúng tôi cho rằng Lục quân Mỹ đang nợ một lời giải thích cho người dân Mỹ và người dân VN.

> Sự quan tâm của công luận Mỹ đối với vụ việc như thế nào? Những cựu binh Mỹ từng là thành viên của Mãnh Hổ hiện nay ra sao?

- Chúng tôi nhận được rất nhiều phản hồi từ người dân Mỹ từ khi vụ Mãnh Hổ bị phanh phui. Đây là loạt bài nhận được nhiều sự quan tâm của công luận nhất của nhật báo The Blade cho đến nay. Còn về những cựu binh Mỹ thì... hầu hết các cựu binh Mãnh Hổ hiện vẫn đang mắc hội chứng rối loạn sau chấn sóc, căn bệnh điển hình của hội chứng chiến tranh. Nhiều người trong số họ nhận ra điều họ từng làm là sai trái về đạo đức. Một số người tỏ ra rất ân hận về những điều đã xảy ra.

> Bao nhiêu người trong số những nhân chứng sẽ cùng theo đuổi vụ việc với The Blade đến tận cùng?

- Thú thật là chỉ một vài người trong số họ quyết tâm làm điều đó. Nhiều người vẫn đang rất sợ hãi, họ không biết điều gì có thể xảy ra cho họ trong tương lai nếu hồ sơ điều tra được mở lại.

Loạt điều tra của The Blade và tiến trình xem xét hồ sơ của Lục quân Mỹ đến nay đã được đăng tải trên hàng loạt tờ báo và tạp chí toàn nước Mỹ, kể cả hai nhật báo được coi là uy tín nhất của Mỹ là The New York Times, Washington Post và tạp chí lâu đời nhất Editor & Publisher.

> Loạt điều tra về Mãnh Hồ sẽ đi xa được đến đâu? Nhiều nguồn tin từ Mỹ cho rằng vụ việc rồi sẽ lại chìm ngấm vì được công bố vào một thời điểm ít thuận lợi (sắp bước vào kỳ bầu cử tổng thống Mỹ)...

- Một câu hỏi hóc búa! Về nguyên tắc, không có giới hạn thời gian trong việc xem xét các hồ sơ cáo buộc tội danh giết người, nên một số cựu binh của Mãnh Hồ hiện vẫn có thể phải ra tòa và chịu tội. Tuy nhiên, chính chúng tôi cũng không tin lắm họ sẽ thật sự bị buộc tội. Vụ việc đã xảy ra 36 năm rồi (tính theo thời điểm các phóng viên The Blade tiến hành điều tra vụ việc). Như các công tố viên trong vụ án Mỹ Lai nêu rõ, dù thế nào thì việc tìm hiểu bằng mọi giá vì sao vụ việc lại chìm vào quên lãng vẫn là điều quan trọng, để những vụ việc như thế sẽ không bao giờ diễn ra nữa. Chúng ta hẳn không ai muốn nhiều năm sau lại phải đọc những bài viết về một vụ thảm sát như thế tại Iraq chẳng hạn. Lịch sử luôn có cách lặp lại nếu chúng ta không biết cách xử lý ngay từ ngày hôm nay.

**** Xin cảm ơn các bạn về cuộc trao đổi này.***

CAM LY thực hiện

(Bài đăng trên báo Tuổi Trẻ ngày 21.2.2004)

"Vụ việc luôn canh cánh trong lòng..."

Phỏng vấn của báo Tuổi Trẻ (7.4.2004) với phóng viên Joe Mahr của tờ Toledo Blade:

> *Xin chúc mừng nhóm The Blade về giải thưởng Pulitzer: Xin được hỏi điều đầu tiên mà các anh làm khi nhận được vui này là gì?*

- Chúng tôi ôm chầm lấy nhau. Cảm xúc thật sự mãnh liệt. Toà báo của chúng tôi hoạt động và nỗ lực hơn 150 năm qua, và đây là lần đầu tiên chúng tôi giành được giải thưởng cao quý này. Rồi chúng tôi gọi điện cho một cựu binh, người đã từng báo cáo những nhiệm vụ thẩm sát của Mãnh Hồ cho lực quân năm 1968. Ông ấy nói: "Tôi thật sự hạnh phúc cho các anh và hạnh phúc vì cuối cùng sự thật cũng được thừa nhận. Tôi thật lòng mong giải thưởng này sẽ giúp người dân Mỹ chúng ta quan tâm hơn đến vụ việc Mãnh Hồ và thúc đẩy tiến trình đưa vụ này ra ánh sáng." Chúng tôi thật sự cảm động về câu nói của ông. Tôi đã biết bao nhiêu năm qua ông chưa bao giờ thấy thanh thản, cũng như nhiều cựu chiến binh Mỹ khác nhìn thấy hoặc tham gia những cuộc tàn sát năm 1967...

> *Ở thời điểm này, nhóm các anh có điều gì muốn chia sẻ cùng độc giả Việt Nam và những người dân vùng Sông Vệ, Quảng Ngãi?*

- Xin hãy chuyển lời đến những người mà chúng tôi từng biết, từng gặp và từng trò chuyện rằng chúng tôi mong muốn họ biết đến giải thưởng này, vì họ là một phần quan trọng trong quá trình điều tra. Và không chỉ có thế, điều quan trọng hơn là chúng tôi mong làm được một điều gì đó cho những gia đình nạn nhân của lực lượng Mãnh Hồ, muốn họ hiểu rằng từ khi rời khỏi Quảng Ngãi, thảm kịch năm 1967 và bi kịch của những gia đình nạn nhân luôn canh cánh trong lòng chúng tôi. Khi viết được loạt bài, chúng tôi muốn họ hiểu rằng chúng tôi thật sự quan tâm. Chúng tôi đã và sẽ làm hết sức để nỗi đau của họ được đền bù đúng mức.

> *Một đề tài điều tra chúng mình được tìm thấy, chúng mình được công bố điều The Blade viết. Lần đầu áp lực của bài báo như được tôn vinh bằng giải*

- Đây là một câu hỏi chúng tôi chưa thể có Mỹ vẫn đang xem xét xử. Lực quân Mỹ sẽ đưa



được giải thưởng quan trọng của nó, và luận Mỹ tin vào những Năm Góc sẽ đối diện với thế nào một khi nó đã thưởng cao quý này?

học búa, và thật lòng câu trả lời. Lực quân lại các hồ sơ và chứng ra báo cáo vào cuối

tháng Ba, nhưng đã một tuần trôi qua mà chúng tôi vẫn tiếp tục theo đuổi tiến trình đó. Không vì một giải thưởng mà chúng tôi theo đuổi điều này. Hơn thế, chúng tôi tin công lý phải được thực hiện, dù sớm hay muộn.

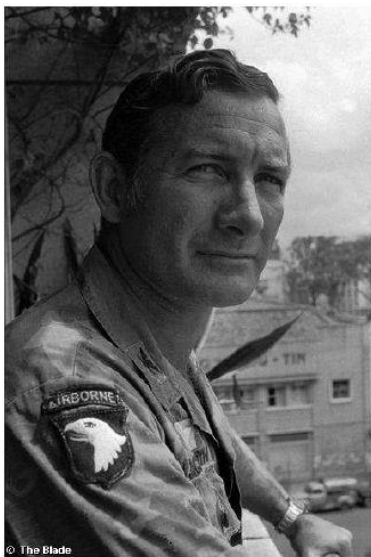
**** Xin cảm ơn anh về cuộc trao đổi này.***

CAM LY thực hiện

Phóng sự ảnh

(Ảnh của Andy Morrison và tư liệu của The Blade)

- Cựu binh Mãnh Hổ, nhân chứng và những người có liên quan đến vụ thảm sát ở Sông Vệ.
- Cuộc sống của người dân vùng Sông Vệ, Quảng Ngãi, Sài Gòn ba mươi năm sau chiến tranh.
- Bản đồ “Hành trình tàn bạo” liệt kê các hành vi tàn bạo và những nơi xảy ra tội ác của lực lượng Mãnh Hổ.



Chưa đề của lực lượng Mãnh Hổ, Đại tá David Hackworth vào năm 1971, thời điểm ông ta bị chỉ trích dữ dội về những hành động trong chiến tranh Việt Nam.



Trung úy James Hawkins, chỉ huy trung đội Mãnh Hổ, là người ra lệnh và thực hiện nhiều hành vi tàn bạo tại sông Vệ. Chính Hawkins là thủ phạm bắn chết ông lão thợ mộc Đào Huệ.



Trung tá Gerald Morse, người cực kỳ hung hăng và khát máu, còn có biệt danh là '_Ghost Rider' (Kỵ sĩ hồn ma)_. Dưới sự chỉ huy của Gerald, trung đội Mãnh Hổ đã phạm hết tội ác này đến tội ác khác.



Binh nhì Sam Ybarra là một nghi an chính trong vụ điều tra tội ác ở sông Vệ do Quân đội tiến hành. Sam Ybarra là kẻ khát máu nhất trong số các binh sĩ đặc tuyển của Mãnh Hổ.



Cựu Trung sĩ William Doyle, người tự nhận đã bắn thường dân Việt Nam, giải thích hành động của trung đội theo kiểu này: Anh có thể làm bất cứ thứ chết tiệt nào anh muốn, ở bất cứ nơi nào anh muốn... Ai kiểm tra anh được? Kiểm tra cái gì và trên căn cứ nào. Chẳng có gì hết. Anh cứ việc bắn.'



Trung sĩ James Barneet, cựu thành viên của Mãnh Hổ, từng thú nhận mình đã bắn chết một người mẹ trẻ không có vũ khí, và cũng đã khai với điều tra quân đội những hành vi tàn bạo của trung đội với dân sông Vệ.



Chuyên viên William Carpenter là một cựu binh Mãnh Hổ, là người hối hận sâu sắc về các hành vi của trung đội này tại sông Vê. Viên cựu binh 54 tuổi này muốn trở lại cánh đồng lúa ở sông Vê, nơi các binh sỹ Mãnh Hổ đã giết chết bốn lão nông và muốn xin lỗi gia đình họ. Ông nói ông không nổ súng vào các nông phu, nhưng đã không bao giờ báo cáo với cấp trên về hành động tàn bạo ấy.



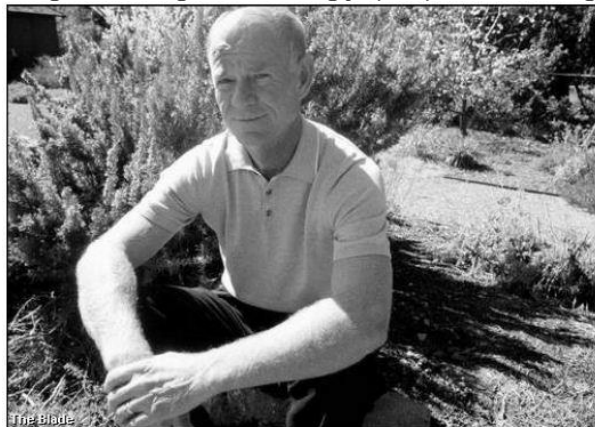
Ảnh chân dung của 'Boots' Green và phù hiệu của lực lượng Mãnh Hổ. 'Boots' Green là bạn thân của Sam Ybarra; sau cái chết của anh ta Ybarra đã trở nên khát máu hơn bao giờ hết.



Dennis Stout, một nhà báo quân đội trong chiến tranh Việt Nam đã chứng kiến nhiều hành vi tàn bạo và viết về chúng, nhưng lại bị ra lệnh phải im lặng.



Cựu Binh nhất Ken Kerney của lực lượng Mãnh Hổ là một trong số ít những binh sĩ không phạm tội ác với thường dân, và bất bình với các hành vi tàn bạo của đồng đội.



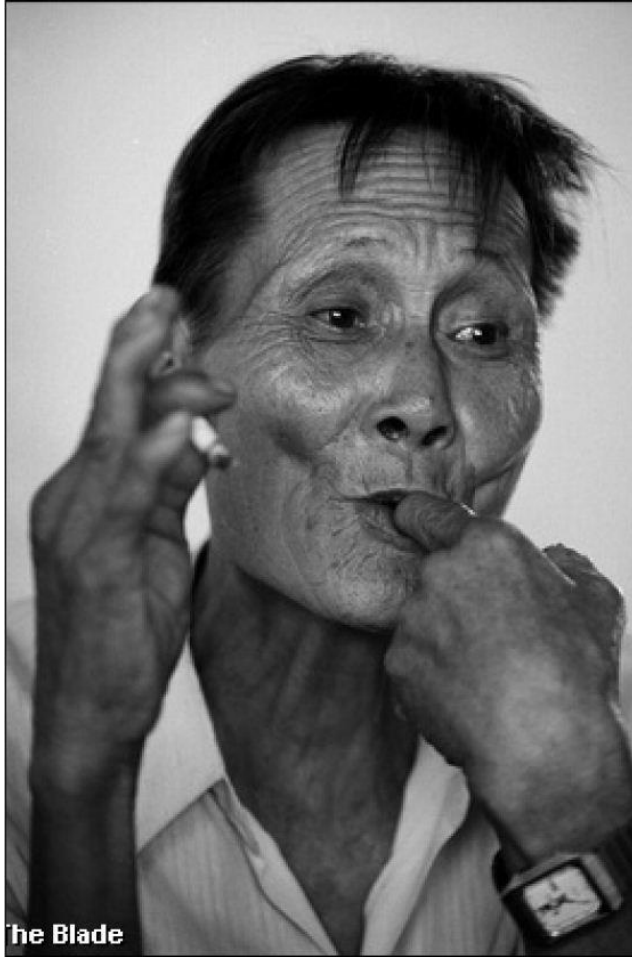
Từng là cựu binh nhì trong lực lượng Mãnh Hổ, 10 năm sau khi chứng kiến vụ thảm sát ở sông Nhuệ, Rion Causey đã phải tham gia một lớp điều trị tâm lý. 'Vào thời điểm đó, tôi không lên án những gì diễn ra. Tôi mới 19 tuổi, nhưng tôi đã biết rằng tất cả những điều họ làm là sai trái,' ông nói.



Thượng nghị sĩ John Kerry (người đứng thứ hai, từ trái qua phải), ứng cử viên vừa thất bại trong cuộc chạy đua vào Nhà Trắng cũng là một cựu chiến binh tham chiến tại Việt Nam (Thiếu úy Hải quân Kerry đã từng cưỡi tàu trên sông Mê Kông) và cũng rất quan tâm đến vụ Mảnh Hồ. Ông Kerry nói, bản thân ông cũng đã từng báo cáo lên thượng cấp về những bạo hành xảy ra ở Việt Nam. Ông cũng nói các tội ác chiến tranh do quân đội Mỹ phạm phải thường bắt nguồn từ việc quản lý lỏng lẻo của các sĩ quan chỉ huy.



Fred Grimm và vợ chụp ảnh chung với lũ trẻ. Fred Grimm là cựu chiến binh Mỹ ở Việt Nam, sau khi đọc loạt phóng sự của tờ Blade, ông đã quyết định bỏ ra hàng ngàn đô la để xây dựng một trường học tại sông Vệ, vùng đất đã bị trung đội Mảnh Hồ tàn hại ngày trước. Ông nói 'Bạn biết đấy, nếu ta gây đau khổ cho người nào đó, hãy xem mình có thể làm gì để bù đắp cho họ.'



Ông Lư Thuận kể lại cảnh mình chứng kiến Mỹ nhét súng vào mồm một nông dân ở thung lũng sông Vê năm 1967. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003)



Bà Nguyễn Thị Qua, 56 tuổi trở nên rất xúc động khi nghe ông Lư Thuận kể về việc ông Đào Huệ bị sát hại. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003)



Chị Trần Thị Anh Thư, 29 tuổi là hướng dẫn viên du lịch ở Quảng Ngãi, chị đã khóc khi kể lại những gì đã xảy ra đối với những người dân Mỹ Lai vào ngày 16.3.1968. Vụ thảm sát Mỹ Lai xảy ra sau một chuỗi những hành vi tàn bạo của lực lượng Mãnh Hổ ở sông Vệ một năm trước đó. Hơn 500 dân làng đã bị giết vào ngày đó. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003)



Ông Kiều Trác lùi lùi nhớ lại cái ngày vào năm 1967 khi ông nhìn thấy cha mình ngã xuống chết trên ruộng lúa ở sông Vệ. Ông Trác và gia đình vẫn tiếp tục cày cấy trên thửa ruộng ấy cho đến hôm nay. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003)



Ông Nguyễn Hồng Diên bị coi là một Việt Cộng, đã bị binh lính Mãnh Hồ đã giết vợ ông là bà Lê Thị Thường trong một boong-ke và vớt con gái nhỏ Nguyễn Thị Quế của ông vào trong đó. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003)



Bà Huỳnh Thị Giới đang tường thuật lại việc đứa con trai sáu tuổi của mình bị một lính Mỹ bắn và giết chết tại thung lũng Sông Vệ như thế nào. (Ảnh chụp ngày 3.8.2003)



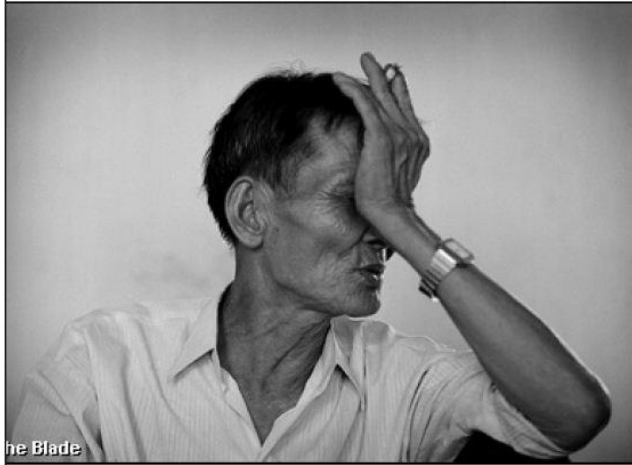
he Blade

Ông Nguyễn Hồng Diên vừa kể lại chuyện về vợ mình vừa khóc. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003).



he Blade

Ông Nguyễn Đàm nhớ lại cảnh hai đứa con trai đã bị giết năm 1967 ở thung lũng Sông Vẹ, Quảng Ngãi. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003).



Ông Lư Thuận đau đớn nhớ lại cảnh sát hại ông Đào Huệ và những người khác ở thung lũng Sông Vẹ năm 1976. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003).



Chị Kiều Thị Lan kể về ông nội và cuộc sống tại thung lũng Sông Vẹ. Ông nội của chị, Kiểu Công đã bị giết bởi binh lính Mãnh Hồ vào năm 1967. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003).



Chạy qua ruộng lúa năm 1967, bà Nguyễn Thị Mai, 70 tuổi, đã bị lính Mỹ ở trên trực thăng bắn cụt bàn tay trái. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003).



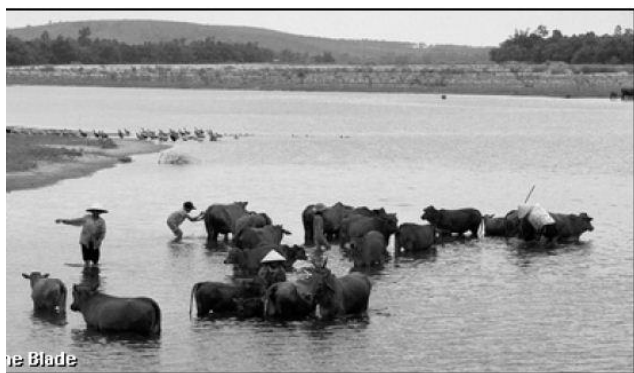
he Blade

Khi mặt trời khuất sau rặng núi, và nắng chiều dần tắt chị Nguyễn Thị Quế vẫn tiếp tục nhổ cỏ trên đồng ngô. Khi còn nhỏ chị Quế đã bị vứt vào một cái boong-ke cùng với người mẹ đã chết của chị vào năm 1967. Giờ đây sinh sống trong thung lũng, chị không còn nhớ được chút gì về mẹ những nỗi đau thì vẫn còn nguyên. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003.)



he Blade

Được các cháu vây quanh, bà Hà Thị Quý nhỏ nhẹ kể lại chuyện bà đã thoát chết ra sao khi bị bắn rất nhiều lần ở Mỹ Lai vào ngày 16.3.1968. Sống gần nơi thảm sát, và Quý vẫn ngày ngày đến đó lấy củi. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003.)



Nông dân và lũ trẻ đang tắm cho bò ở sông Vệ



Một phụ nữ dắt xe đạp trên cây cầu tự tạo bắc qua sông

Vệ (Ảnh chụp ngày 3.8.2003)



Một nông dân làm việc trên cánh đồng vào giữa trưa hè

nắng gắt ở thung lũng Sông Vệ, Quảng Ngãi, Việt Nam. (Ảnh chụp ngày 2.8.2003.)



Xe náy và xe đạp là những phương tiện giao thông chính

ở thung lũng Sông Vệ. (Ảnh chụp ngày 2.8.2003.)



Một nông dân băng qua cánh đồng lúa ở thung lũng Sông

Vệ. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003.)



Một nông dân kéo thuyền lên bờ sông Vệ vào lúc chiều

tà. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003.)



he Blade

Đi giao chuối bằng xe máy ở thung lũng Sông Vệ. (Ảnh chụp ngày 2.8.2003.)



he Blade

Một khẩu pháo 105 li của Mỹ còn lại sau chiến tranh tại huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam. (Ảnh chụp ngày 2.8.2003.)



lúc 5h sáng ở Quảng Ngãi. (Ảnh chụp ngày 2.8.2003.)

Một nghề giản dị để mưu sinh: giao đá bằng xe máy vào



Chu Lai ngày nay đã trở thành sân bay của Quân đội Việt Nam. (Ảnh chụp ngày 2.8.2003.)

Đã từng là một sân bay lớn của Mỹ, căn cứ quân sự ở gần



những căn cứ quân sự khét tiếng của quân đội Mỹ ở miền Trung. (Ảnh chụp ngày 2.8.2003.)

Một phụ nữ đạp xe về Chu Lai, nơi đã từng là một trong



Ông Nguyễn Đình Xuân, 54 tuổi, đứng trước một boong-ke gần Chu Lai. Boong-ke nhan nhản khắp nơi trong khu vực này vào năm 1967. (Ảnh chụp ngày 31.7.2003.)



Một du khách đang xem triển lãm chất độc da cam tại Bảo tàng Tội ác Chiến tranh ở TP. Hồ Chí Minh. (Ảnh chụp ngày 2.8.2003.)



Sarah Haggerty không thể kìm được những giọt nước mắt khi chị xem những bức ảnh trong Bảo tàng Tội ác Chiến tranh ở TP. Hồ Chí Minh. Chị là người illinois, Mỹ, theo học chính trị tại Paris và đang đi du lịch tại Việt Nam (Ảnh chụp ngày 31.7.2003.)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>